

## MỤC LỤC

### TÀI CHÍNH VĨ MÔ

3. Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng trong năm 2023: Đòn bẩy kích cầu kinh tế

Nguyễn Hồng Phúc - CQ59/11.03; Bùi Thị Mỹ Lê - CQ59/11.08  
Nguyễn Ánh Dương - CQ59/11.04

6. Bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam quý I năm 2023 và dự báo kịch bản cả năm 2023

Phạm Thị Phương Dung - CQ59/22.09CLC

9. Vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trần Ngọc Khang - CQ59.09.04CLC; Ngô Thảo Trang - CQ59.22.02

13. Thay đổi chính sách kế toán Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Vũ Lê Minh Thư - CQ58/22.05CLC

### TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP

15. Tính ưu việt trong cách tính mới của bảo hiểm lương hưu

Nguyễn Phương Hoa; Khuất Thị Thanh Hué - CQ59/11.6LT2  
Nguyễn Minh Tiến - CQ59/11.6LT1; Vũ Đức Thắng - CQ59/11.6LT2

21. Cơ hội, thách thức trong lĩnh vực kế toán của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập

Nguyễn Thị Kim Dung; Đỗ Bùi Hương Giang - CQ59/22.02CLC

26. Research on the current state and solutions for digital transformation in the financial sector in Vietnam

Đỗ Bảo Chi - CQ59/09.02

30. Ứng dụng Blockchain trong lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán hiện nay

Nguyễn Minh Phương; Nguyễn Thị Duyên - CQ59/22.05CLC

33. Identifying professional auditors in international economic integration process

Trần Hà Ngọc - CQ58/09.04; Trần Thị Phương Chi - CQ58/11.05  
Nguyễn Thị Minh Ngọc - CQ58/22.06

37. Digital transformation solutions for accounting and audit in Vietnam enterprises

Nguyễn Thị Quỳnh Chi - CQ58/22.02

40. Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang - CQ59/06.01CLC

44. IFRS - Important matters when entering Vietnam and the direction for individuals and organizations

Kiều Thu Hằng - CQ59/22.05CLC

## CÁC VẤN ĐỀ KINH TẾ

47. Kinh tế tuần hoàn - Xu hướng tất yếu ở Việt Nam

Bùi Thị Hoài - CQ58/62.02

51. Nhân tố ảnh hưởng và giải pháp thúc đẩy phát triển logistics xanh tại Việt Nam

Phó Huyền Ngân - CQ59/06.03CLC

54. Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

Vũ Thị Thu Thảo - CQ59/09.04CLC; Lê Đình Hải Anh - CQ59/09.03CLC

57. Xu hướng khởi nghiệp thông qua TikTok Shop của gen Z

Lê Minh Tuấn - CQ58/11.06; Đinh Đào Phương Anh - CQ58/21.18

60. Bùng nổ việc mua hàng qua các buổi livestream trên các trang mạng xã hội

Nguyễn Bích Loan - CQ58/11.09

## TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

63. Phòng vệ thương mại trong CPTPP đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

Trần Văn Thuỷ - CQ59/09.04CLC

67. Tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam

Đậu Tuấn Minh - CQ59/11.02

72. Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Lê Thị Thu Giang - CQ57/22.01

## THÔNG TIN SỰ KIỆN

76. Vấn đề sa thải nhân viên hàng loạt ở các tập đoàn trên thế giới - khuyến nghị cho Việt Nam

Nguyễn Bùi Thùy Dương - CQ59/11CLC2; 11.03CLC



## THẺ LỆ GỬI BÀI

*Bài viết ngắn gọn, rõ ràng, đánh máy trên một mặt giấy A4 (độ dài không quá 5 trang, lề trái bằng 3,5cm, lề phải bằng 2,0cm, lề trên + dưới 3,0cm, cỡ chữ 14, khoảng cách dòng tối thiểu là 1,3cm), đánh số trang; các ký hiệu, công thức và hình vẽ phải chính xác, đúng quy định, đánh số và ghi rõ vị trí đặt hình, tiêu đề bài báo viết bằng chữ in hoa, họ và tên tác giả, số điện thoại... được đặt ngay dưới dòng tiêu đề sát với lề phải của trang 1.*

*Tư liệu nước ngoài và dẫn liệu cần ghi rõ xuất xứ (tên tác giả, tên án phẩm, nhà xuất bản, năm xuất bản; báo chí phải ghi rõ số ra ngày, tháng, năm; tên trang Web và tên chuyên mục của trang Web. v.v....).*

*Không nhận những bài viết đã đăng trên các án phẩm khác ở trong và ngoài Học viện.*

*Bài viết và ý kiến trao đổi xin gửi về:*

**Phòng 317 - Ban Quản lý Khoa học - Học viện Tài chính - Đức Thắng - Bắc Từ Liêm - Hà Nội**

**Điện thoại: 024.02191967; Email: noisansvncckh@gmail.com**

# Bộ Tài chính đề xuất tiếp tục giảm 2% thuế giá trị gia tăng trong năm 2023: Đòn bẩy kích cầu kinh tế

Nguyễn Hồng Phúc - CQ59/11.03

Bùi Thị Mỹ Lê - CQ59/11.08

Nguyễn Ánh Dương - CQ59/11.04

**C**ính sách thuế đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của một quốc gia. Thuế là nguồn thu thiết yếu cho ngân sách nhà nước, cung cấp tài chính để đầu tư vào các lĩnh vực quan trọng như cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế và an ninh,... Ngoài ra, thuế còn có tác động đến hoạt động kinh doanh và sự cân đối trong phân chia tài nguyên của xã hội. Vì vậy, việc tăng-giảm thuế cũng tác động không nhỏ đến mọi hoạt động của các chủ thể trong nền kinh tế vĩ mô bao gồm: chính phủ, doanh nghiệp và người tiêu dùng.

## Tình hình áp dụng chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng ở Việt Nam năm 2022 và định hướng đề xuất năm 2023

Một trong những điểm nhấn của chính sách điều tiết vĩ mô nền kinh tế của VN năm 2022 là chính sách giảm thuế VAT. Cụ thể, ngày 11/01/2022, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết số 43/2022/QH15 về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, giảm 2% thuế VAT trong năm 2022, áp dụng đối với các nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 10%. Nghị quyết chỉ được áp dụng hết ngày 31/12/2022, nhưng đã có bước đi đột phá trong việc phát huy hiệu quả tích cực khi làm giảm giá bán của một số hàng hóa trên thị trường, qua đó làm tăng sức mua, góp phần tạo điều kiện cho doanh nghiệp mở rộng hoạt động sản xuất, đồng thời còn giảm áp lực lạm phát.

Tiến tới năm 2023 trong bối cảnh nền kinh tế vẫn còn nhiều biến động, thị trường nội địa chưa hoàn toàn phục hồi, thu ngân sách năm 2022 tăng và thặng dư ngân sách khoảng 222.500 tỷ đồng. Đây là cơ sở để duy trì chính sách giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng vì chính sách này có thể đi nhanh vào nền kinh tế và hỗ trợ các nhóm đối tượng có liên quan. Bộ Tài chính đề xuất giảm 2% thuế VAT, dự kiến từ ngày 1/7/2023 đến hết 31/12/2023 với hai phương án:

Phương án 1, giảm mức thuế suất VAT đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng mức thuế suất 10% (còn 8%)

Phương án 2, giảm 2% mức thuế suất thuế VAT đối với các nhóm hàng hóa dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất VAT 10%, trừ một số nhóm hàng hóa, dịch vụ như đã áp

dụng trong năm 2022 theo Nghị quyết 43 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ, hỗ trợ chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội.

### Tác động của chính sách giảm thuế đến nền kinh tế Việt Nam

**Thứ nhất, giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng nhằm kích cầu tiêu dùng, thúc đẩy sản xuất và kinh doanh, phục hồi và phát triển kinh tế.**

Trong giai đoạn 2020-2022, trước ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và tác động các vấn đề kinh tế, chính trị quốc tế đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đời sống của người dân. Với chức năng quản lý, Bộ Tài chính đã chủ động nghiên cứu, đề xuất, trình cấp có thẩm quyền cũng như ban hành các giải pháp, đặc biệt là giải pháp giảm 2% thuế giá trị gia tăng đối với mặt hàng áp dụng mức thuế suất là 10%. Với đề xuất giải pháp này không chỉ mang lại lợi ích cho người tiêu dùng mà còn cho các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

*Đối với người tiêu dùng*, khi giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng, giá hàng hóa giảm, cùng một lượng tiền thì người tiêu dùng mua được nhiều hàng hóa hơn so với trước kia. Chẳng hạn như nếu giảm 2% thuế VAT, cùng một loại hàng hóa, người tiêu dùng sẽ mua được với giá rẻ hơn từ đó kích thích tiêu dùng nhiều hơn và đây chính là một trong ba động lực tăng trưởng kinh tế có thể chủ động được mà không phải phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài. Bởi trong thời gian gần đây, việc xuất khẩu gặp nhiều khó khăn, thúc đẩy thị trường nội địa tăng tiêu dùng trong nước sẽ tạo động lực cho tăng trưởng, phục hồi kinh tế.

*Đối với mỗi doanh nghiệp*, giảm thuế cũng là giảm chi phí đầu vào và giá bán đầu ra. Chi phí đầu vào giảm giúp doanh nghiệp gia tăng lợi nhuận, có thể vốn hóa để tái đầu tư, tăng khả năng mở rộng sản xuất. Giá bán đầu ra giảm, tuy doanh nghiệp không được lợi trực tiếp nhưng thu lợi gián tiếp nhờ tiêu thụ được nhiều hàng hóa từ đó gia tăng doanh thu, tạo điều kiện cho doanh nghiệp duy trì và phục hồi sản xuất. Điều này đem lại công ăn việc làm cho người lao động, góp phần giảm tỷ lệ thất nghiệp, khôi phục nền kinh tế sau ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

**Thứ hai**, việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng (VAT) có thể kiểm soát lạm phát ở Việt Nam như sau:

Nền kinh tế Việt Nam là nền kinh tế mở, chịu nhiều tác động của các yếu tố bên ngoài. Việc kiểm soát lạm phát là một trong những vấn đề mà chính phủ cần quan tâm. Tuy nhiên, để nền kinh tế phục hồi và phát triển, chính phủ cần phải phát hành một lượng lớn tiền vào lưu thông với mong muốn kích thích cho hoạt động kinh doanh tăng trưởng, nhưng mối lo hiệu ứng phụ tác động đến cung tiền dẫn đến nguy cơ lạm phát trong tương lai rất lớn. Thay vì phát hành tiền thì việc giảm thuế giá trị gia tăng được coi là một biện pháp chi tiền của nhà nước. Khi thuế VAT giảm 2%, giá thành hàng hóa và dịch vụ giảm, từ đó kiềm chế được lạm phát do chi phí đẩy. Như vậy, việc giảm thuế giúp thực hiện mục tiêu kép vừa kích thích tăng trưởng kinh tế từ phía sản xuất-kinh doanh, từ phía người tiêu dùng và ổn định kinh tế vĩ mô, vừa kiểm soát lạm phát.

## Một số khuyến nghị nhằm áp dụng hiệu quả chính sách giảm thuế giá trị gia tăng 2% cho Chính phủ Việt Nam

Để áp dụng hiệu quả chính sách giảm thuế giá trị gia tăng từ 10% xuống 8%, Chính phủ Việt Nam có thể xem xét áp dụng cho một số mặt hàng sau đây:

**Thứ nhất**, giảm thuế cho các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu: Chính phủ có thể giảm thuế cho các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu như thực phẩm, thuốc men, hàng tiêu dùng hàng ngày và các sản phẩm y tế.

**Thứ hai**, xét duyệt giảm thuế cho các ngành công nghiệp trọng điểm: Chính phủ cũng có thể xem xét giảm thuế cho các ngành công nghiệp trọng điểm, nhưng đồng thời cũng phải đảm bảo rằng các lợi ích của chính phủ sẽ có sự phát triển trong tương lai.

**Thứ ba**, không giảm thuế cho những mặt hàng không thiết yếu và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân: Chính phủ nên cân nhắc không giảm thuế cho những mặt hàng không cần thiết, như đồ lưu niệm, bia rượu và sản phẩm xa hoa.

Ngoài ra, Chính phủ cũng cần xem xét các yếu tố chủ quan sau để áp dụng chính sách giảm thuế giá trị gia tăng một cách triệt để:

**Một là**, phải đảm bảo rằng việc giảm thuế không ảnh hưởng đến việc cung cấp các dịch vụ công cộng và đảm bảo đủ nguồn tài chính cho các hoạt động của Chính phủ.

**Hai là**, theo dõi các hợp đồng mua sắm công cộng để đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ không đưa chi phí vào giá của sản phẩm và dịch vụ mà họ cung cấp cho Chính phủ.

**Ba là**, Chính phủ cần xem xét lại hiệu quả và quyết định có tiếp tục áp dụng chính sách này cần thiết. Vì mục đích của chính sách giảm thuế là để kích thích hoạt động kinh tế, do đó có thể đặt thời hạn cho chính sách này để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, thường là từ 2-3 năm, tùy chọn vào đặc thù của từng ngành, nghề cụ thể.

**Kết luận:** Tóm lại, việc giảm thuế suất thuế giá trị gia tăng sẽ mang lại những tác động tích cực tới nền kinh tế Việt Nam. Trong bối cảnh Việt Nam đang cần thúc đẩy hoạt động kinh tế và giảm thiểu khó khăn của doanh nghiệp, việc áp dụng chính sách giảm 2% thuế VAT sẽ trở thành một bước đột phá mới trong 6 tháng cuối năm 2023. Tuy nhiên, chính sách này sẽ thực sự hiệu quả, nếu chúng ta có những hướng điều chỉnh đúng đắn và các yêu cầu cụ thể. Đó chính là một bài toán lớn đối với chính phủ khi thiết kế cơ chế giảm thuế.

### Tài liệu tham khảo:

<https://tapchicongthuong.vn/bai-viet/tac-dong-cua-viec-giam-thue-suat-thue-gia-tri-gia-tang-den-nen-kinh-te-viet-nam-88951.htm>

<https://vnecconomy.vn/giam-thue-vat-2-bo-tai-chinh-de-xuat-2-phuong-an.htm>

<https://thuvienphapluat.vn/chinh-sach-phap-luat-moi/vn/thoi-su-phap-luat/chinh-sach-moi/47949/de-xuat-giam-thue-gtgt-tu-10-xuong-8>

# Bức tranh toàn cảnh nền kinh tế Việt Nam quý I năm 2023 và dự báo kịch bản cả năm 2023

Phạm Thị Phương Dung - CQ59/22.09CLC

Năm 2022, trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động, với nỗ lực của Đảng, Nhà nước, doanh nghiệp và người dân, kinh tế Việt Nam đạt được những kết quả tích cực. Cụ thể, GDP tăng 8,02% so với năm 2021, lạm phát được kiểm soát ở mức 2,59%. Đây có thể nói là một trong những điểm sáng hiếm hoi trong bức tranh chung không mấy khả quan. Tuy nhiên, giữa các biến động khôn lường của nền kinh tế toàn cầu, công thêm từ nội tại trong nước, nhiều dự báo năm 2023 sẽ là năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam. Bức tranh kinh tế quý I phản ánh rõ nhất những khó khăn, thách thức mà nền kinh tế đang phải đối mặt.

## Bức tranh kinh tế Việt Nam quý I năm 2023

### *Những gam màu sáng của kinh tế Việt Nam quý I năm 2023*

*Thứ nhất*, bức tranh kinh tế trong quý I năm 2023 của nước ta khá tích cực với tốc độ tăng GDP quý I năm nay đạt 3,32% so với cùng kỳ năm trước, trong đó, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 2,52%, đóng góp 8,85% vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng giảm 0,4%, làm giảm 4,76%; khu vực dịch vụ tăng 6,79%, đóng góp 95,91%.

*Thứ hai*, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) đã được kiểm soát ở mức phù hợp trong bối cảnh lạm phát toàn cầu hạ nhiệt nhưng vẫn neo đậu ở mức cao: CPI tháng 3/2022 giảm 0,23% so với tháng trước và tăng 3,35% so với cùng kỳ năm trước; bình quân quý I năm 2023, CPI tăng 4,18%. Lạm phát có xu hướng chậm lại nhờ thực hiện tốt các mục tiêu trọng tâm đã được Đảng, Quốc hội phê duyệt.

*Thứ ba*, vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội quý I năm 2023 theo giá hiện hành tăng 3,7% so với cùng kỳ năm trước. Đặc biệt, khu vực đầu tư công được đẩy mạnh là "vốn mồi" để duy trì cho vốn đầu tư toàn xã hội. Điều này sẽ tạo động lực quan trọng trước mắt và lâu dài cho tăng trưởng kinh tế của Việt Nam.

*Thứ tư*, dự án đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đăng ký mới tăng cao so với cùng kỳ năm trước, cho thấy nhà đầu tư nước ngoài tiếp tục tin tưởng vào môi trường đầu tư Việt Nam. Tính đến ngày 30/3/2023, cả nước có 590 dự án mới được cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, tăng 58,6% so với cùng kỳ năm 2022. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo thu hút nhiều dự án đăng ký mới nhất với 174 dự án.

*Thứ năm*, các cân đối lớn được đảm bảo, thu ngân sách duy trì xu hướng tích cực. Thu ngân sách nhà nước quý I đạt 491,5 nghìn tỷ đồng, bằng 30,3% dự toán, trong đó thu nội địa ước đạt 30,9% dự toán. Nền kinh tế xuất siêu 4,07 tỷ USD. An ninh năng lượng, lương thực được giữ vững; cân đối cung - cầu hàng hóa thiết yếu được bảo đảm, nhất là trước, trong và sau Tết Nguyên đán.

### **Những gam màu xám của kinh tế Việt Nam quý I năm 2023**

*Thứ nhất*, bối cảnh thế giới biến động phức tạp ảnh hưởng không nhỏ đến tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. GDP quý 1/2023 tuy có tăng so với cùng kỳ năm ngoái nhưng là mức thấp thứ hai trong giai đoạn 2011-2023, chỉ cao hơn mức 3,21% của quý 1/2020 (khi dịch Covid -19 bùng phát).

*Thứ hai*, kết quả sản xuất công nghiệp quý 1/2023 có thể nói là “ảm đạm” nhất trong hơn 10 năm qua. Các ngành chủ lực đều suy giảm, đặc biệt là ngành công nghiệp chế biến, chế tạo đối với các mặt hàng phục vụ cho xuất khẩu. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, chỉ số IIP ước tính giảm 2,2% so với cùng kỳ năm trước. Chỉ số tiêu thụ toàn ngành giảm trong khi chỉ số tồn kho toàn ngành công nghiệp lại tăng gây áp lực cho điều hành kinh tế vĩ mô.

*Thứ ba*, hoạt động của doanh nghiệp gặp những khó khăn rõ rệt. Lần đầu tiên trong các quý 1 từ trước tới nay, số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường cao hơn số doanh nghiệp gia nhập và tái gia nhập thị trường.... Cụ thể, số doanh nghiệp phải đóng cửa, ngừng hoạt động trong 3 tháng đầu lên đến khoảng 60.200 doanh nghiệp. Như vậy, trung bình một tháng có gần 20.100 doanh nghiệp rút khỏi thị trường, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2022.

*Thứ tư*, thu hút và giải ngân FDI giảm. Dòng vốn FDI chảy vào Việt Nam 3 tháng đầu năm giảm gần 39% so với cùng kỳ năm 2022, là mức giảm mạnh nhất kể từ năm 2016. Giải ngân vốn FDI đạt 4,32 tỷ USD, giảm nhẹ 2,2% so với cùng kỳ, do tâm lý thận trọng của các nhà đầu tư cũng như vướng mắc trong quá trình làm thủ tục.

*Thứ năm*, kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa giảm mạnh. Tính chung Quý I/2023, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 154,27 tỷ USD, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 11,9%; nhập khẩu giảm 14,7%. Nguyên nhân là do chi phí nguyên liệu đầu vào tăng khá cao. Điều này đang tạo ra áp lực không nhỏ với xuất, nhập khẩu của Việt Nam.

### **Dự báo về kịch bản nền kinh tế 2023**

Bức tranh kinh tế quý I năm 2023 mở ra hai kịch bản về tăng trưởng GDP cả năm 2023.

*Kịch bản thứ nhất*, tăng trưởng GDP cả năm dự kiến đạt 6% (thấp hơn 0,5 điểm % so với mục tiêu Quốc hội đề ra), theo đó dự báo tăng trưởng các quý còn lại lần lượt là 7%; 6% và 6,5%. Trường hợp tăng trưởng năm 2023 chỉ đạt 6% sẽ gây áp lực rất lớn lên mục tiêu tăng trưởng 5 năm 2021 - 2025, đòi hỏi năm 2024 - 2025 phải đạt tăng trưởng bình quân gần 8%/năm để đạt mục tiêu 5 năm là 6,5%".

*Kịch bản thứ hai*, để đạt được mục tiêu tăng trưởng 6,5% cả năm thì tăng trưởng kinh tế quý II/2023 là 6,7% (bằng kịch bản Nghị quyết 01/NQ-CP), quý III và quý IV tăng trưởng lần lượt là 7,5% và 7,9%, cao hơn lần lượt 1 điểm % và 0,8 điểm % so với kịch bản tại Nghị quyết số 01/NQ-CP. Đây là kịch bản rất thách thức, đòi hỏi nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị. Vì vậy, chúng ta phải hết sức linh hoạt và quyết liệt trong việc chỉ đạo điều hành cũng như xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện, trụ vững và vượt khó. Về lạm phát của Việt Nam đang hạ nhiệt dần và dự báo CPI cả năm 2023 tăng khoảng 4 - 4,5% nhờ tác động cộng hưởng của các yếu tố tích cực cho kiềm chế lạm phát (giá cả và lạm phát toàn cầu đang hạ nhiệt, tỷ giá ổn định, lãi suất tiếp tục giảm, lực cầu còn yếu và các biện pháp kiểm soát lạm phát phối hợp đồng bộ, hiệu quả hơn).

### **Một số kiến nghị để hồi phục và tăng trưởng kinh tế**

*Một là*, về quan điểm chỉ đạo điều hành quý II năm 2023, các bộ, ngành, địa phương cần quán triệt nghiêm tinh thần chủ đề điều hành “Đoàn kết kỷ cương, bản lĩnh linh hoạt, đổi mới sáng tạo, kịp thời hiệu quả”, 6 quan điểm, trọng tâm chỉ đạo điều hành tại Nghị quyết số 01/NQ-CP; bám sát các Nghị quyết, kết luận của Đảng, Quốc hội về chiến lược 10 năm, kế hoạch 5 năm.

*Hai là*, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; nắm chắc tình hình thực tiễn; phối hợp đồng bộ, hiệu quả các chính sách vĩ mô, đặc biệt là chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ; chú trọng phát triển nội lực của nền kinh tế để đạt mục tiêu và đồng thời hạn chế được những rủi ro, thách thức;

*Ba là*, đẩy nhanh quá trình hoàn thiện khung chính sách, thể chế, nhanh chóng bắt kịp xu hướng kinh tế số. Đặc biệt, cần mạnh dạn ban hành quy định về cơ chế thử nghiệm cho các mô hình kinh tế mới như fintech, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh,...

*Bốn là*, nhanh chóng thực hiện các biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp: tiếp tục thực hiện chính sách gia hạn nợ vay, hạ lãi suất cho vay tạo điều kiện cho doanh nghiệp vay vốn, phát triển kinh doanh. Ngoài ra, khai thác tốt hơn các FTAs, nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, mở rộng và đa dạng hóa đối tác; cải thiện môi trường kinh doanh, đơn giản hoá thủ tục hành chính,... tạo điều kiện thu hút vốn FDI.

*Năm là*, chú trọng vào các lĩnh vực là động lực thúc đẩy kinh tế: đẩy nhanh tiến độ đầu tư công, nhất là đối với các dự án trọng điểm, kịp thời tháo gỡ vướng mắc trong triển khai; thực hiện các giải pháp kích cầu nội địa (mở rộng thanh toán điện tử, triển khai nhiều chương trình ưu đãi); thúc đẩy phát triển du lịch trong và ngoài nước (đơn giản hoá thủ tục visa, nâng cao chất lượng phục vụ, sản phẩm...).

---

### **Tài liệu tham khảo:**

- <https://www.gso.gov.vn/bai-top/2023/04/mot-so-diem-sang-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-quy-i-nam-2023/>
- <https://cafef.vn/buc-tranh-kinh-te-vi-mo-viet-nam-quy-1-va-du-bao-ca-nam-2023-188230407074402984.chn>
- <https://tapchitaichinh.vn/kinh-te-the-gioi-3-thang-dau-nam-2023cac-tin-hieu-tich-cuc-va-trien-vong.html>
- <https://kinhte.congthuong.vn/10-diem-sang-kinh-te-quy-i-va-2-kich-ban-tang-truong-nam-2023-248850.html>

# Vai trò của nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

Trần Ngọc Khang - CQ59.09.04CLC  
Ngô Thảo Trang - CQ59.22.02

**Q**uản lý nhà nước về kinh tế là dạng quản lý bằng quyền lực nhà nước, mang tính chất thực hiện quyền lực Nhà nước trong quản lý. Việc quản lý nhà nước về kinh tế là do Chính phủ thực hiện, thông qua các điều chỉnh bằng pháp luật, chính sách, các công cụ, các lực lượng vật chất, tài chính của Nhà nước...

Kinh tế thị trường là những hình thức phát triển cao của nền kinh tế hàng hóa, một hình thức mà ở đó hầu hết các quan hệ kinh tế diễn ra trên thị trường, chịu sự chi phối của các quy luật kinh tế vốn có của thị trường. Kinh tế thị trường là kiểu tổ chức nền kinh tế dựa trên các nguyên tắc và tuân thủ những quy luật của kinh tế thị trường. Kinh tế thị trường là mô hình kinh tế mở trong đó coi trọng và tuân thủ các quy luật vận động, điều tiết của thị trường, tôn trọng tự do cạnh tranh, tự do hợp tác, mở rộng giao lưu thương mại, tạo cơ hội cho mọi chủ thể kinh tế tham gia thị trường, tìm kiếm lợi nhuận,...

Tổng kết thực tiễn phát triển kinh tế thị trường ở nước ta, tại Đại hội XI, Đảng ta đã thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam: “Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế; có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền XHCN, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhằm mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; có quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật; thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động và phân bổ các nguồn lực phát triển, là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất; các nguồn lực nhà nước được phân bổ theo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phù hợp với cơ chế thị trường.

Nhà nước đóng vai trò định hướng, xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch và lành mạnh; sử dụng các công cụ, chính sách và các nguồn lực của Nhà nước để định hướng và điều tiết kinh tế, thúc đẩy sản xuất kinh doanh và bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển. Phát huy vai trò của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội”.

Mô hình kinh tế thị trường định hướng XHCN không phải là sự gán ghép chủ quan giữa kinh tế thị trường và CNXH, mà là sự nắm bắt và vận dụng xu thế vận động khách quan của kinh tế thị trường trong thời đại ngày nay.

Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam là một kiểu tổ chức kinh tế, vừa dựa trên những nguyên tắc và quy luật của kinh tế thị trường, vừa dựa trên cơ sở và được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội, thể hiện trên cả ba mặt: sở hữu, quản lý và phân phối. Vì vậy, nó vừa có tính phổ biến mang đặc trưng chung của nền kinh tế thị trường, vừa có đặc trưng riêng của tính định hướng XHCN ở nước ta.

**Thứ nhất**, đó là mô hình kinh tế thị trường hỗn hợp, vừa vận hành theo cơ chế thị trường, vừa có sự điều tiết của nhà nước.

**Thứ hai**, là mô hình kinh tế thị trường với đa dạng các hình thức sở hữu và đa dạng các thành phần kinh tế; đất đai thuộc sở hữu toàn dân.

**Thứ ba**, việc phân phối trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam được thực hiện trên nguyên tắc “chủ yếu theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, đồng thời theo mức đóng góp vốn cùng các nguồn lực khác và phân phối thông qua hệ thống an sinh xã hội, phúc lợi xã hội”

**Thứ tư**, là nền kinh tế thị trường do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, nhà nước pháp quyền XHCN Việt Nam quản lý, điều tiết vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”

**Thứ năm**, là nền kinh tế thị trường hiện đại và hội nhập quốc tế

Có nhiều chủ thể tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường, tạo ra các mối quan hệ tác động qua lại với nhau, nhưng mối quan hệ nhà nước - thị trường là mối quan hệ cơ bản, bao trùm nhất, chi phối các mối quan hệ khác. Việc xác lập vai trò của nhà nước trong nền kinh tế thị trường dựa trên mối quan hệ giữa nhà nước và thị trường. Nhà nước và thị trường có chức năng, nhiệm vụ cụ thể, có vai trò khác nhau và có mối quan hệ tương tác với nhau.

Thị trường vận động theo các quy luật khách quan và có tác động rất mạnh tới các chủ thể trong nền kinh tế. Mức độ tác động của các quy luật thị trường vào các chủ thể kinh tế phụ thuộc vào trình độ phát triển của thị trường và sự điều chỉnh của Nhà nước.

### **Vai trò của Nhà nước trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam**

Vai trò của Nhà nước Việt Nam trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa có những điểm tương đồng với các nhà nước khác trong quản lý nền kinh tế thị trường, thể hiện ở việc thực hiện các mục tiêu quản lý kinh tế vĩ mô cơ bản như: bảo đảm sự ổn định của nền kinh tế; thực hiện công bằng xã hội; bảo đảm tăng trưởng nhanh và bền vững của toàn bộ nền kinh tế...

Ngoài những vai trò chung đã nêu, Nhà nước Việt Nam hiện nay còn có các vai trò cụ thể:

- Khắc phục khuyết tật của thị trường. Nền kinh tế thị trường dù phát triển ở trình độ cao vẫn có những hạn chế, khuyết tật, tự nó không khắc phục được mà cần phải có vai trò của nhà nước. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta lại đang trong quá trình hình thành, phát triển vì vậy những hạn chế, khuyết tật càng lớn và ảnh hưởng nặng nề, Nhà nước phải dùng các công cụ, thực lực kinh tế mạnh để hạn chế, khắc phục những khuyết tật đó.

- Hỗ trợ thị trường. Thị trường càng phát triển thì càng văn minh, hiện đại, thị trường trình độ càng thấp sẽ càng sơ khai, yếu kém. Chúng ta chuyển từ nền kinh tế kế hoạch, chỉ huy sang nền kinh tế thị trường, quá trình chuyển đổi đó là một cuộc cách mạng sâu sắc và toàn diện, nếu cứ để tự phát sẽ rất chậm và phải trả giá lớn. Nhà nước phải tác động mạnh mẽ và hiệu quả để hỗ trợ thị trường phát triển ngày càng đầy đủ hơn, trình độ cao hơn, tốc độ phát triển nhanh hơn.

- Định hướng xã hội chủ nghĩa đối với nền kinh tế thị trường. Nhà nước là một trong những nhân tố quyết định mục tiêu, tốc độ của quá trình chuyển đổi, quyết định định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Nền kinh tế thị trường là thành tựu của nhân loại, không tự nó đi lên chủ nghĩa xã hội, mà phát triển trong quá trình nhận thức, phản ánh rất cao của toàn xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đó là quá trình chuyển đổi đặc biệt, chưa từng có trong lịch sử. Một mặt, đó là quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch chỉ huy tập trung (kỳ thị, tẩy chay thị trường) sang nền kinh tế thị trường; mặt khác là quá trình phát triển theo xu hướng xã hội chủ nghĩa. Hơn nữa, sự chuyển đổi lại đặt trong bối cảnh của toàn cầu hóa, thế giới đang bước sang giai đoạn phát triển nền kinh tế tri thức và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường đã rất khó khăn, định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường còn khó khăn hơn, đòi hỏi sự nỗ lực rất cao của Nhà nước.

- Định hướng và thực hiện hội nhập ngày càng sâu, rộng, hiệu quả vào nền kinh tế thế giới. Nền kinh tế nước ta đã và đang hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới, đồng thời sẽ tiếp tục hội nhập sâu, rộng, hiệu quả hơn nữa. Quá trình này đòi hỏi phải xác định đúng đắn mục tiêu, lộ trình, cách thức, bước đi cũng như sự chuẩn bị nội lực cho quá trình hội nhập, ở đây có vai trò rất lớn của Nhà nước.

- Thực hiện nhà nước kiến tạo, phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp. Nhà nước ta do lịch sử để lại, nhiều năm quản lý nền kinh tế theo cách thức cũ, nặng về điều hành mọi hoạt động của nền kinh tế. Hiện nay, Nhà nước đang chuyển mạnh từ nhà nước hành chính sang nhà nước kiến tạo, lấy phục vụ nhân dân, phục vụ doanh nghiệp là mục tiêu hàng đầu của Nhà nước.

Trong quá trình đổi mới, vai trò quản lý kinh tế của Nhà nước không hề bị suy giảm mà ngày càng tăng lên. Cần nhận thức rằng, tăng cường vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế không có nghĩa là Nhà nước nắm tất cả, can thiệp vào tất cả mọi hoạt động kinh tế mà Nhà nước phải nắm những lĩnh vực, những khâu, thực hiện những công việc quan trọng nhất mà thị trường và nhân dân không làm được, biết sử dụng cơ chế thị trường một

cách khôn khéo, hiệu quả để phục vụ cho mục tiêu quản lý của mình, biết phát huy những mặt tích cực và hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế đó.

Để nhận thức đầy đủ hơn vai trò của Nhà nước Việt Nam hiện nay, cần thấy rõ Nhà nước có vai trò trên hai phương diện, hai tư cách khác nhau trong quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

**Một là,** với tư cách là bộ máy hành chính, bộ máy kiến tạo, Nhà nước phải quản lý toàn diện tất cả mọi mặt của đời sống kinh tế và xã hội như: văn hóa, giáo dục, y tế, chính trị, quân sự, đối ngoại..., trong đó quản lý kinh tế là trọng tâm. Lúc này, Nhà nước sử dụng pháp luật, chính sách, các công cụ quan trọng khác để quản lý nền kinh tế. Các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế kể cả doanh nghiệp nhà nước hoạt động bình đẳng trước pháp luật.

**Hai là,** Nhà nước Việt Nam đại diện cho toàn dân, thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản công như: tài nguyên, đất đai, vùng trời, vùng biển, nguồn lực dự trữ, các tập đoàn, tổng công ty nhà nước và các doanh nghiệp nhà nước... Lúc này, Nhà nước đóng vai trò như chủ sở hữu, chủ đầu tư tham gia hoạt động trong nền kinh tế thị trường như một chủ thể kinh tế lớn.

Với tư cách là bộ máy hành chính, bộ máy kiến tạo, nếu Nhà nước không hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ của mình thì toàn bộ nền kinh tế thị trường sẽ không phát triển được, thậm chí còn trở thành yếu tố cản trở sự phát triển, càng không thể định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường.

Với tư cách là đại diện cho toàn dân, Nhà nước quản lý một lượng rất lớn tài sản quốc gia, nếu quản lý không tốt sẽ gây lãng phí, thất thoát lớn, vừa thiệt hại về kinh tế, vừa làm suy giảm hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, nghiêm trọng hơn nữa là giảm lòng tin của nhân dân vào Đảng, Nhà nước.

Trong bối cảnh hiện nay, vai trò của Nhà nước trong quản lý kinh tế ở Việt Nam hết sức quan trọng và nặng nề, Nhà nước phải liên tục hoàn thiện phương pháp, công cụ và kỹ thuật điều hành nền kinh tế thị trường đang hình thành lại đặt trong điều kiện mới của hội nhập quốc tế và đầy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đồng thời phải đảm bảo định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường. Một mô hình kinh tế chưa từng có tiền lệ trong lịch sử. Nhà nước phải huy động cao nhất mọi nguồn lực trong xã hội, mọi sáng tạo trong nhân dân, trong doanh nghiệp vào phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

---

### **Tài liệu tham khảo:**

*Đảng Cộng sản Việt Nam (2021) Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.*

*Vũ Văn Hà (2019) Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa - sự sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Bài viết đăng trên Website Tạp chí Cộng sản, ngày 14/2/2019.*

*Tạ Ngọc Tân (2021), Những nhận thức mới về định hướng phát triển trong văn kiện Đại hội XIII của Đảng, <https://www.tapchicongsan.org.vn>*

# Thay đổi chính sách kế toán Việt Nam trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

Vũ Lê Minh Thư - CQ58/22.05CLC

**H**iện nay, tình hình hội nhập kinh tế đang phát triển nhanh chóng và có những thách thức đối với các nước, đặc biệt vai trò của kế toán được yêu cầu ngày càng cao nhằm đáp ứng được quá trình thu thập - xử lý và cung cấp thông tin đa dạng, phức tạp. Thông tin kế toán là cơ sở, nền tảng để các cơ quan quản lý nhà nước, các cơ quan chủ quản, nhà đầu tư, đối tác,... và các tổ chức quốc tế có sự nhìn nhận, đánh giá về tình hình doanh nghiệp, quốc gia.

Tuy nhiên hệ thống kế toán doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn nhiều hạn chế trong bối cảnh Luật Kế toán và hệ thống chuẩn mực kế toán đang trong quá trình tổng kết, đánh giá, sửa đổi và đáp ứng tiến trình hội nhập đầy đủ và toàn diện với thông lệ kế toán quốc tế và các nước. Vì vậy, việc điều chỉnh chính sách kế toán trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế là rất cần thiết, góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán của doanh nghiệp được thực hiện đúng cũng như hoàn chỉnh hệ thống pháp lý của kế toán Việt Nam hiện nay.

## Sự cần thiết của việc điều chỉnh chính sách kế toán trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế

*Thứ nhất*, để đảm bảo tính minh bạch và độ tin cậy của thông tin tài chính của các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp phát triển và hoạt động trên phạm vi quốc tế cần phải tuân thủ các tiêu chuẩn và quy định kế toán quốc tế để đáp ứng các yêu cầu của các cơ quan quản lý và nhà đầu tư quốc tế.

*Thứ hai*, giúp cho các doanh nghiệp cải thiện quản lý tài chính, tăng tính minh bạch, giảm thiểu rủi ro. Do đó để tạo điều kiện tăng cường quản lý, giám sát của Nhà nước, giám sát của cộng đồng doanh nghiệp, nhà đầu tư, người dân trong lĩnh vực này, góp phần nâng cao chất lượng kế toán, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, phòng chống tham nhũng, lãng phí đối với mỗi đơn vị kế toán cũng như toàn xã hội.

*Thứ ba*, Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập ngày càng sâu rộng vào nền kinh tế toàn cầu. Trong đó, hội nhập về lĩnh vực kế toán, kiểm toán luôn được đặt ra như một trọng tâm. Việt Nam sẽ xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam với định hướng tiêm cận nhất với các chuẩn mực quốc tế về báo cáo tài chính, đồng thời có sự chọn lọc, điều chỉnh với điều kiện thực tiễn về thể chế, môi trường kinh doanh của Việt Nam.

## Những khó khăn và thách thức đối với việc áp dụng chính sách kế toán theo chuẩn quốc tế

Tuy nhiên, quá trình thay đổi chính sách kế toán trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế có thể đối mặt với một số thách thức, bao gồm đào tạo và nâng cao năng lực kế toán, sự thay đổi văn hóa doanh nghiệp và sự thay đổi trong hệ thống kiểm soát nội bộ của doanh nghiệp.

*Đầu tiên*, trách nhiệm của thủ trưởng các đơn vị kế toán chưa cao. Các đơn vị chưa đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin kế toán trong báo cáo tài chính. Một số đơn vị sử dụng các thủ thuật để làm đẹp báo cáo tài chính, gây sai lệch thông tin, ảnh hưởng đến người sử dụng thông tin.

*Tiếp theo là*, quy định pháp luật về kế toán chưa thực sự hoàn chỉnh, nội dung chưa bao quát được các yêu cầu. Luật Kế toán chưa phản ánh được tình hình biến động Tài sản và Nợ phải trả tại thời điểm lập báo cáo tài chính do đang quy định hạch toán theo nguyên tắc giá gốc.

*Ngoài ra*, môi trường kinh doanh ở Việt Nam đã có nhiều biến đổi. Các chuẩn mực kế toán Việt Nam được ban hành từ lâu nhưng vẫn chưa được sửa đổi, bổ sung kịp thời trong bối cảnh môi trường kinh doanh đã có nhiều biến đổi, việc mở cửa thị trường, hội nhập quốc tế đòi hỏi các cơ chế chính sách về tài chính, kế toán phải điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tiễn.

*Cuối cùng*, chế độ quản lý tài chính, chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán thiếu đồng bộ, còn mâu thuẫn dẫn đến việc hiểu và thực thi pháp luật còn hạn chế. Các quy định về chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành với tư cách là cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành hướng dẫn nhưng trên thực tế hệ thống tổ chức tín dụng vẫn được áp dụng theo chế độ kế toán riêng do Thống đốc ngân hàng nhà nước quy định.

### **Giải pháp, kiến nghị trong điều chỉnh chính sách kế toán**

**Một là**, cần bổ sung vào Dự thảo luật những quy định mang tính nguyên tắc về chính sách, chế độ kế toán, nhất là những nội dung liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan để đảm bảo tính định hướng trong quá trình hội nhập quốc tế.

**Hai là**, hoàn thiện Luật Kế toán trong đó bổ sung chứng từ kế toán là những giấy tờ phản ánh nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh và đã hoàn thành, làm căn cứ ghi sổ kế toán và lập báo cáo tài chính. Chính sách kế toán đơn vị đã áp dụng thì phải nhất quán trong ít nhất một kỳ kế toán, trường hợp có sự thay đổi chính sách kế toán thì đơn vị kế toán phải giải trình trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, các loại chứng từ khác.

**Ba là**, cần sửa đổi, bổ sung cập nhật 26 chuẩn mực đã ban hành cho phù hợp với những thay đổi của chuẩn mực kế toán quốc tế trong thực tiễn hoạt động kinh doanh tại Việt Nam.

**Bốn là**, trong dài hạn, cần hướng đến sự đồng nhất quy định về kế toán đối với các loại hình doanh nghiệp. Xác định nguyên tắc xây dựng và quy định hệ thống tài khoản kế toán, nội dung nghiệp vụ phát sinh cơ bản, hệ thống báo cáo tài chính.

**Kết luận:** Từ thực trạng xu hướng hội tụ kế toán quốc tế kết hợp những đặc điểm cơ bản trong hệ thống kế toán Việt Nam, cho thấy khó có thể áp dụng toàn bộ IAS/IRFS cho hệ thống kế toán Việt Nam. Do đó, trong giai đoạn đầu, nên tiếp cận theo xu hướng hoàn hợp theo khu vực mà cụ thể là khu vực đối với công ty niêm yết. Đây là hướng đi mà nhiều quốc gia trên thế giới áp dụng. Theo đó, hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam có thể bao gồm hai phần, một phần dành cho các công ty niêm yết, phần còn lại cho các công ty không niêm yết. Điều này thể hiện sự hài hòa, linh hoạt nhằm tránh những biến động nhưng đảm bảo cho tiến trình phát triển và hội nhập kinh tế quốc tế.

Việc thay đổi chính sách kế toán nhằm hội nhập kinh tế quốc tế là cần thiết để cung cấp thông tin tài chính chính xác, đáng tin cậy và so sánh được. Điều này giúp các doanh nghiệp Việt Nam dễ dàng thu hút vốn đầu tư nước ngoài, tăng cường tính minh bạch và ổn định trong việc cung cấp thông tin kế toán, và hình thành môi trường kinh doanh lành mạnh và cạnh tranh.

---

### **Tài liệu tham khảo:**

- Ths. Trần Quốc Thịnh - ĐH Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh, "Thách thức của quá trình hội tụ kế toán quốc tế và những kinh nghiệm cho Việt Nam", [https://www.sav.gov.vn/SMPT\\_Publishing\\_UC/TinTuc/PrintTL.aspx?idb=2&ItemID=104&l=/noidung/tintuc/Lists/Traodoikinhngiem](https://www.sav.gov.vn/SMPT_Publishing_UC/TinTuc/PrintTL.aspx?idb=2&ItemID=104&l=/noidung/tintuc/Lists/Traodoikinhngiem)  
 Mai Trang, "Luật Kế toán cần đảm bảo yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế", <https://quochoi.vn/hoatdongcuaquochoi/cackyhopquochoi/quochoikhoaXIII/Pages/danh-sach-ky-hop.aspx?ItemID=29532&CategoryID=0>  
 Đức Việt (2021), "Kế toán, kiểm toán trong hội nhập kinh tế quốc tế", <https://thoibaotaichinhvietnam.vn/ke-toan-kiem-toan-trong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-97658.html>

# Tính ưu việt trong cách tính mới của bảo hiểm lương hưu

Nguyễn Phương Hoa - CQ59/11.6LT2

Khuất Thị Thanh Huế - CQ59/11.6LT2

Nguyễn Minh Tiến - CQ59/11.6LT1

Vũ Đức Thắng - CQ59/11.6LT2

**B**ài toán sử dụng công thức dòng tiền để so sánh lương hưu cũ và lương hưu mới của Việt Nam theo 4 kịch bản giả định là lao động nữ đóng bảo hiểm xã hội 25 năm và hưởng lương hưu trong 30 năm. Bài viết đã chỉ ra việc thay đổi cách tính bảo hiểm lương hưu mới, bắt đầu từ ngày 01/01/2018 đã khiến lương hưu của người lao động, đặc biệt là lao động nữ giảm 10%. Đổi chiều với các nước trong khu vực, tiền lương hưu của Thái Lan chiếm tầm 60% tiền lương trung bình, ở Nhật là 113,7% cho thấy công thức tính lương hưu hiện tại của Việt Nam hoàn toàn phù hợp. Bên cạnh đó, sử dụng bài toán dòng tiền, so sánh việc gửi tiền tiết kiệm ngân hàng hàng tháng và đóng bảo hiểm xã hội đã khẳng định tính ưu việt trong công thức bảo hiểm lương hưu với lợi ích dành riêng cho người lao động.

## Giới thiệu

Theo Tổng cục Thống kê, Việt Nam hiện có khoảng 11,4 triệu người cao tuổi, chiếm khoảng 11,86% dân số. Từ năm 1989 đến năm 2019, tuổi thọ trung bình của người Việt Nam liên tục tăng, từ 65,2 tuổi lên 73,6 tuổi, dự báo đến năm 2030, số người cao tuổi ở Việt Nam chiếm khoảng 17% và đến năm 2050 là 25% dân số. Như vậy, với tỷ lệ người cao tuổi ngày càng gia tăng trong cơ cấu dân số của Việt Nam từ đó ta cần nhận thức rõ tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền lợi của người cao tuổi, một nhiệm vụ quan trọng của bảo hiểm xã hội.

Bảo hiểm xã hội có vai trò đặc biệt đối với người lao động và người sử dụng lao động bởi nó là sự bảo đảm thu nhập khi họ bị giảm hay mất thu nhập khi xuất hiện rủi ro tài chính, yên tâm lao động, ổn định cuộc sống. Mức đóng bảo hiểm xã hội được quy định bắt buộc, là tỷ lệ được trích từ tiền lương tháng của người lao động và người sử dụng lao động đóng lần lượt vào các quỹ của bảo hiểm xã hội. Tuỳ từng mức lương khác nhau, quy định của mỗi quốc gia, mức đóng này cũng khác nhau. Ví dụ, ở Việt Nam, một nữ công chức loại A1 mới đi làm được 1 năm, mức lương cơ sở là 1.800.000 VND, hệ số lương 2,34, số tiền đóng BHXH của người đó chiếm 21,5% tiền lương hàng tháng (được quy định trong Điều 85, Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014) thì tiền lương mỗi tháng cô ấy nhận tháng đầu là 4.212.000 VND và bắt buộc đóng 905.580 VND cho bảo hiểm xã hội.

Việt Nam đã áp dụng một hệ thống đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc đối với người lao động khu vực chính thức kể từ năm 1995. Ngày 26/01/1995, Chính phủ đã có Nghị định số

12/CP ban hành Điều lệ BHXH quy định thực hiện BHXH bắt buộc đối với cán bộ, viên chức nhà nước và người lao động làm việc tại các doanh nghiệp đánh dấu một bước ngoặt lớn trong sự phát triển chính sách BHXH. Năm 2006, chương Bảo hiểm xã hội trong Bộ Luật lao động được tách thành Luật Bảo hiểm xã hội đã tạo nên một bước tiến quan trọng, trong đó quy định thêm chế độ bảo hiểm tự nguyện và bảo hiểm hưu trí tự nguyện. Chế độ hưu trí cũng đã có sự thay đổi và dần hoàn thiện hơn sau những lần sửa đổi, bổ sung. Thời điểm này, các nội dung về chế độ hưu trí được quy định cụ thể và rõ ràng hơn, thể hiện sự quan tâm của Đảng và Nhà nước đối với các chính sách xã hội của quốc gia. Sự thay đổi rõ nhất trong công thức tính lương hưu được áp dụng trong Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 so với các năm trước. Cụ thể, quy định sửa đổi tăng dần thời gian đóng BHXH để đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75%, tiến tới người lao động có thời gian đóng BHXH đủ 30 năm đối với nữ và 35 năm đối với nam thì đạt tỷ lệ hưởng lương hưu tối đa 75% trong khi nữ chỉ cần mất 25 năm và nam dành 30 năm đã có thể đạt được mức tối đa 75% trong các năm trước do đã giảm phần trăm được hưởng sau mỗi năm đóng thêm bảo hiểm xã hội của nữ từ 3% xuống 2%. Ngoài ra, quy định giảm trừ tỷ lệ hưởng lương hưu do nghỉ hưu trước tuổi quy định từ 1% lên 2% cho mỗi năm nghỉ hưu trước tuổi quy định; sửa đổi cách tính mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH để tính lương hưu đối với người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do Nhà nước quy định theo hướng có lộ trình tiến tới tính bình quân toàn bộ thời gian đóng như người lao động thuộc đối tượng thực hiện chế độ tiền lương do người sử dụng lao động quyết định (bình quân của 5 năm, 6 năm, 8 năm, 10 năm, 15 năm, 20 năm hoặc của toàn bộ thời gian tùy thuộc vào thời điểm bắt đầu tham gia BHXH). Bên cạnh đó, về tuổi nghỉ hưu đối với người lao động làm việc trong điều kiện bình thường, vẫn giữ như quy định của Luật BHXH năm 2006, cụ thể 60 tuổi đối với nam, 55 tuổi đối với nữ.

Dựa trên phương pháp nghiên cứu định lượng, sử dụng các số liệu đã được tổng hợp và có sẵn, nhóm tác giả tiến hành xây dựng giả thuyết đối với một trường hợp cụ thể trong việc đóng các khoản bảo hiểm và nhận lương hưu khi hết độ tuổi lao động. Thông qua bốn kịch bản giả định để đưa tới kết luận cuối cùng nhằm khẳng định sự ưu việt của cách tính mới trong bảo hiểm lương hưu năm 2023 thông qua bài toán về dòng tiền đầu tư tài chính.

### **Đặt vấn đề**

Giả định một người lao động là nữ có thu nhập tương đương công chức loại A1, bắt đầu công tác từ năm 25 tuổi lựa chọn một trong 4 kịch bản như sau:

- a. Tham gia BHXH theo quy định của luật BHXH cũ trước ngày 01/01/2018, nghỉ hưu vào năm 49 tuổi và hưởng lương hưu cho đến năm 78 tuổi.
- b. Tham gia BHXH theo quy định của luật BHXH hiện hành từ ngày 01/07/2023, nghỉ hưu vào năm 49 tuổi và hưởng lương hưu cho đến năm 78 tuổi.
- c. Đối chứng với một quốc gia ở châu Á.
- d. Đối chứng với dòng tiền tự chi trả khi không dùng đến bảo hiểm xã hội.

Phương pháp nghiên cứu là sử dụng hai công thức cũ và mới của bảo hiểm lương hưu, trong đó sự thay đổi bắt đầu từ ngày 01/01/2018 để so sánh hai dòng tiền trong hai kịch bản đầu. Với hai kịch bản sau, nhóm tác giả sử dụng bài toán dòng tiền để so sánh.

### **Căn cứ và giả định tính toán đầu vào**

- Số năm đóng BHXH của nữ công chức theo cả 2 phương án cũ và mới đều là 25 năm.
- Mức hưởng tính như sau: 45% bình quân thu nhập đóng bảo hiểm đối với 15 năm đầu, sau đó mỗi năm tăng thêm 3% đối với luật BHXH cũ và 2% đối với luật BHXH mới. Tối đa là 75% (Khoản 1, Điều 52, Luật BHXH 2006).
- Mức lương cơ sở chung giả định là 1.800.000 (VND).
- Mức lương hưu hàng tháng để tính cho đại diện nghiên cứu bắt đầu từ hệ số 3,99 (sau khi đã đủ 15 năm đóng BHXH ở độ tuổi 40); sau đó cứ 3 năm tăng lên một bậc cho đến năm 49 tuổi và dừng lại ở hệ số 4,98 được tính theo công thức:

$$\text{Mức lương hưu hàng tháng} = \text{Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng} \times \text{Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH}$$

Trong đó:

- + Mức hưởng lương hưu hàng tháng được xác định theo tỷ lệ % lương tháng đóng BHXH và mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH có công thức:

*Tổng số tiền lương tháng đóng BHXH của T năm cuối trước khi nghỉ việc*

*T x12*

- + Tỷ lệ (%) hưởng lương hưu hàng tháng tối đa của NLĐ khi về hưu là 75% mức lương đóng BHXH:

- Về hưu trước ngày 01/01/2018
- Tỉ lệ hưởng lương hưu của nữ = 45% + Thời gian tham gia BHXH x 3%
- Về hưu từ ngày 01/01/2018

**Bảng 1: Tóm tắt một số thông tin giả định trong nghiên cứu**

TT	Chỉ tiêu	Luật BHXH cũ trước ngày 01/01/2018	Luật BHXH mới bắt đầu từ ngày 01/01/2018 với mức lương cơ bản là 1.800.000 VND
1	Số năm đóng BHXH	25	
2	Tuổi thọ của người đóng BHXH	78	
3	Tuổi nghỉ hưu của người đóng BHXH	49	
4	Mức lương cơ sở chung	1.300.000	1.800.000
5	Hệ số lương từ năm 40 tuổi đến lúc nghỉ hưu	3,99; 4,32; 4,65; 4,98	

**Áp dụng bài toán bằng cách sử dụng công thức lương hưu cũ:**

Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng:  $45\% + 10 * 3\% = 75\%$

Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH với số liệu ở bảng 1:

$$\frac{12 * 1.300.000 * (3 * 3,99 + 3 * 4,32 + 3 * 4,65 + 1 * 4,98)}{10 * 12} = 5.701.800 \text{ (VND)}$$

Khi đó, mức lương hưu hàng tháng là:  $7.894.800 * 75\% = 4.276.350 \text{ (VND)}$  (1)

**Áp dụng bài toán bằng cách sử dụng công thức lương hưu mới:**

Tỷ lệ hưởng lương hưu hàng tháng:  $45\% + 10 * 2\% = 65\%$

Mức bình quân tiền lương tháng đóng BHXH với số liệu ở bảng 1:

$$\frac{12 * 1.800.000 * (3 * 3,99 + 3 * 4,32 + 3 * 4,65 + 1 * 4,98)}{10 * 12} = 7.894.800 \text{ (VND)}$$

Khi đó, mức lương hưu hàng tháng là:  $7.894.800 * 65\% = 5.131.620 \text{ (VND)}$  (2)

Như vậy, so sánh công thức tính lương hưu cũ (1) và mức lương hưu hàng tháng ở công thức lương hưu mới (2) thì lương hưu hàng tháng người lao động nữ tăng 20% nếu người lao động nữ trên chỉ làm việc trong 25 năm.

**Đối chứng với một số quốc gia ở châu Á**

Tại Thái Lan, công thức tính lương hưu là:

$$\text{Lương hưu} = 2\% * \text{Số năm làm việc} * \text{Mức lương trung bình}$$

Lương trung bình của công chức tại Thái Lan khoảng 81.000 THB/tháng. Do đó với cùng giả định như trên thì ở Thái Lan lương hưu của người lao động nữ là:

$$2\% * 25 * 81.000 = 40.500 \text{ (THB)}$$

Như vậy, lương hưu một tháng của lao động nữ bằng 50% lương trung bình hàng tháng. Trong khi đó, ở Việt Nam, lương hưu một tháng bằng 65% số lương trung bình hàng tháng.

Tại Nhật Bản:  $\text{Lương hưu} = \text{Quỹ lương hưu cơ bản} + \text{Quỹ lương hưu phúc lợi}$

Với lương trung bình của người lao động tại Nhật Bản khoảng 780.900 JPY/năm với tiền phúc lợi hàng tháng 475.000 JPY thì với cùng giả định lương hưu của lao động nữ là:

$$(780.900/12) + 475.000 = 540.075 \text{ (JPY)}$$

Như vậy, lương hưu một tháng của lao động nữ ở Nhật Bản chiếm 113,7% lương trung bình của người lao động, cao hơn nhiều so với lao động nữ ở Việt Nam.

**Đối chứng với dòng tiền tự chi trả:**

Với mức lương trung bình đóng BHXH: 7.894.800 (VND);

Mức đóng BHXH trung bình mỗi tháng:  $7.894.800 * 22\% = 1.736.856$  (VND);

Nếu gửi tiết kiệm khoản tiền này trong vòng 30 năm, lãi suất tạm tính là 6%/năm, bỏ qua mức lạm phát.

Khoản tiền tiết kiệm thu được sau 30 năm:

$$FV = A * \frac{(1+r)^n - 1}{r} = 1.736.856 * \frac{(1+6\%/12)^{30*12} - 1}{6\%/12} = 1.744.697.979 \text{ (VND)}.$$

Tổng số tiền lương hưu sẽ nhận được khi sống tới năm 78 tuổi :

$$5.131.620 * 30 * 12 = 1.416.327.120 \text{ (VND)}$$

Khoảng chênh lệch giữa việc gửi tiết kiệm ngân hàng thu được sau 30 năm từ số tiền đóng BHXH mỗi tháng với tổng số tiền lương hưu nhận được khi sống tới năm 78 tuổi:

$$1.744.697.979 - 1.416.327.120 = 328.370.859 \text{ (VND)}$$

Theo giả định trên, có thể thấy khoản lương hưu nhận được này thấp hơn so với khoản tiết kiệm gửi ngân hàng. Tuy nhiên, mức lương hưu nhận được này sẽ đi kèm với các khoản trợ cấp xã hội và các loại bảo hiểm được chi trả khác, đặc biệt nhất phải kể tới là BHYT. Với phần chênh lệch 328.370.859 VND, nhân vật nữ tiếp tục gửi ngân hàng mỗi tháng, rút ra được số tiền lãi mỗi tháng là  $(6\%/12) * 328.370.859 = 1.641.854,295$  VND tương đương với 19.702.251,54 VND một năm. Số chênh lệch này được sử dụng để tự trang trải cho bảo hiểm y tế, khám chữa bệnh, vào một năm trung bình khoảng 9.000.000 (VND) (Theo Tổng cục thống kê báo cáo về kết quả khảo sát mức sống dân cư 2022). Đây là bài toán quản trị rủi ro với nhiều người, tuy nhiên với những người thu nhập thấp là đáng kể.

Theo Nghị định 146/2018/NĐ-CP về việc phân chia các mức hưởng bảo hiểm y tế có nhắc tới đối tượng hưởng lương hưu, trợ cấp hằng tháng sẽ được BHYT chi trả 95% chi phí khám chữa bệnh. Có thể nói đối với đối tượng hết độ tuổi lao động, người già thì chi phí khám chữa bệnh chiếm trung bình khoảng 50-60% mức chi tiêu hàng tháng. Việc đóng BHXH nói chung và hưởng lương hưu nói riêng về cơ bản đáp ứng được một phần đáng kể chi cho hoạt động y tế, khám chữa bệnh, giúp cuộc sống của người dân trong độ tuổi nghỉ hưu có thể nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần đồng thời nâng cao chất lượng cuộc sống. Trong khi đó với số tiền tiết kiệm trong vòng 30 năm, khoản chi cho sức khỏe gần như không được đảm bảo bởi với mức sống hiện tại trung bình một người khi ở độ tuổi nghỉ hưu sẽ cần. Như vậy, cho dù có thể gửi lãi suất ngân hàng với mức lãi suất cao hơn, song người lao động phần lớn vẫn lựa chọn bảo hiểm xã hội với sự đảm bảo được nhận lương hưu toàn bộ khoảng thời gian nghỉ hưu và các chi phí khám chữa bệnh được giảm gần như tối đa, hợp lý với chủ trương của đất nước "... xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe, quan tâm hơn đến người cao tuổi về y tế, hưởng thụ văn hóa, nhu cầu được thông tin, phát huy khả năng tham gia đời sống chính trị của đất nước và các hoạt động xã hội, nêu gương tốt, giáo dục lý tưởng và truyền thống cách mạng cho thế hệ trẻ. Thực hiện tốt chính sách đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc người có công với nước. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia về người cao tuổi. Phát huy vai trò Hội Người cao tuổi Việt Nam".

## Tổng quát kết quả

Với số tiền đóng BHXH trung bình hàng tháng là 1.736.856 VND, thì tổng số tiền đóng BHXH trong vòng 25 năm:

$$FV = A * \frac{(1+r)^n - 1}{r} = 1.736.856 * \frac{(1+6\%/12)^{20*12} - 1}{6\%/12} = 1.744.697.979 (\text{VND})$$

Để dòng tiền trên hòa vốn, người lao động cần hưởng lương hưu số thời gian là:

$$1.744.697.979 / 5.131.620 = 340 \text{ (tháng)} \text{ tương đương với } 28,3 \text{ (năm).}$$

Với độ tuổi nghỉ hưu ở nữ giới là 55 tuổi 4 tháng, để được hòa vốn dòng tiền đã đóng BHXH thông qua khoản lương hưu nhận được, người lao động cần nhận 25,1 năm lương hưu. Điều này đồng nghĩa với việc sống đến năm 85 tuổi. Trong khi đó, tuổi thọ trung bình của nữ giới theo số liệu năm 2023 là 76 tuổi. Từ đó dễ dàng nhận thấy nguồn lợi nhuận lớn đối với quỹ bảo hiểm xã hội trong quá trình thu tiền bảo hiểm xã hội từ người lao động. Tuy nhiên, hiện tại quỹ lương hưu vẫn đang đối mặt với vấn đề cân bằng tài chính trong dài hạn và nguy cơ vỡ quỹ cao mặc dù có lợi nhuận cao với rất nhiều các nguyên do: (i) Sự suy giảm nhanh chóng khả năng sinh sản và dự báo dân số già đi của Việt Nam, (ii) độ tuổi nghỉ hưu thấp (trung bình 54,3 tuổi) so với tuổi thọ, (iii) trợ cấp thu nhập tương đối cao phản ánh các tỷ lệ lợi ích cao tích lũy được từ mỗi năm làm việc, đặc biệt là cho phụ nữ và lao động khu vực công, (iv) lãi suất của quỹ BHXHVN thấp hơn tỷ lệ lạm phát.

## Kết luận

Bài viết trên dựa trên bài toán với dữ liệu chung áp dụng vào 4 kịch bản khác nhau đã đưa ra sự so sánh giữa hai công thức tính lương hưu khác nhau cho thấy tính ưu việt của cách tính mới. Thời gian để đạt được mức phần trăm lương hưu tăng lên nhưng không gây thiệt cho người lao động do có sự tăng lên của mức lương cơ sở lên 1.800.000 VND. Tuy vào tình hình kinh tế của các quốc gia mà mức lương hưu khác nhau cho từng khu vực. Mặc dù bảo hiểm xã hội là một khoản đầu tư lãi suất thấp hơn lãi suất ngân hàng tuy nhiên vẫn thu hút một bộ phận người lao động tham gia bởi tính ưu việt của nó. Chi phí khám chữa bệnh là một phần gánh nặng người già khi sức khoẻ suy yếu, tuy nhiên bảo hiểm xã hội giảm 95% phần phí này giúp họ có thể quản lý chất lượng cuộc sống hơn.

### Tài liệu tham khảo:

*Luật BHXH Việt Nam năm 2014 số 58/2014/QH13, Quốc hội ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2014.*

*Luật BHXH Việt Nam năm 2006 số 71/2006/QH11, Quốc hội ban hành ngày 29 tháng 06 năm 2006.*

*Roongkiat Ratanabanchuen (2019), "The Pension system in Thailand", Nomura Journal of Asian Capital Markets, Vol.3/No.2, tr. 35-36.*

*How to calculate the working age pension, Japan Pension Service truy cập ngày 21 tháng 9 năm 2023, tr. 1*

*<https://www.nenkin.go.jp/service/jukyu/roureinenkin/zaishoku/20150401-*

*01.html?fbclid=IwAR2m1KJ0MYOVVFgd\_lYD1F-GUnt4klrbAuxFg72VlyJgX0uVRJHpbGuK5g#cms02>*

# Cơ hội, thách thức trong lĩnh vực kế toán của các doanh nghiệp trong điều kiện hội nhập

Nguyễn Thị Kim Dung - CQ59/22.02CLC  
Đỗ Bùi Hương Giang - CQ59/22.02CLC

Trong thời kỳ hội nhập, hệ thống kế toán Việt Nam đã trải qua nhiều thay đổi về cơ chế, chính sách và phương pháp áp dụng. Bên cạnh đó, các quy định và tiêu chuẩn kế toán quốc tế cũng được áp dụng rộng rãi trong các doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam. Tuy nhiên, việc áp dụng các tiêu chuẩn này vẫn còn nhiều khó khăn do sự khác biệt về văn hóa, pháp luật và thực tiễn kinh doanh. Vì vậy, việc nhận thức được các cơ hội cùng những thử thách gặp phải trên con đường hội nhập kế toán của các doanh nghiệp là điều vô cùng cần thiết.

## Thực trạng triển khai hội nhập kế toán của Việt Nam

Để có thể thích ứng với thời buổi, Việt Nam đã không ngừng phát triển ngành kế toán - kiểm toán khi ngành này đã khẳng định được tầm quan trọng của mình ở bất kỳ quốc gia nào. Sự đổi mới, phát triển để hội nhập là một hành động tất yếu để có thể cải thiện nền kinh tế khi sự hội nhập và đổi mới này được thực hiện dựa trên những nghiên cứu, quyết định cũng như những nỗ lực phát triển, tìm hiểu và học tập không ngừng nghỉ của các chuyên gia nói riêng và những người trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán nói chung.

Những điểm nổi bật có thể thấy được trong quá trình hội nhập của Việt Nam trong ngành kế toán - kiểm toán hiện nay có thể kể đến:

### *Thứ nhất, các chính sách pháp luật trong lĩnh vực kế toán dần được Việt Nam thay đổi và hoàn chỉnh*

Tính từ năm 2003 đến nay, đã có rất nhiều sự thay đổi trong khung pháp lý về kế toán của Việt Nam, đến năm 2020 ta có Quyết định 345/QĐ-BTC phê duyệt đề án áp dụng chuẩn mực báo cáo tài chính tại Việt Nam. Nhằm tiếp tục phát triển hơn về ngành kế toán, Bộ Tài chính đã ra Quyết định 633/QĐ-TTg năm 2022 nhằm cho thấy tầm nhìn, mục tiêu của Chiến lược kế toán kiểm toán cho năm 2030 với mong muốn có thể đưa ra một lộ trình hài hòa cả về việc áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế trong nước cũng như cải tiến hơn về khung pháp lý về kế toán- kiểm toán của Việt Nam

### *Thứ hai, Việt Nam bắt đầu ký cam kết với những hiệp hội về kế toán, kiểm toán quốc tế cũng như thực hiện các quy định liên quan đến luật lệ kiểm toán quốc tế*

Vẫn đề mở rộng tri thức, sự chắc chắn để tiến bước trên con đường hội nhập đã và đang được Việt Nam tiến hành một cách rất hiệu quả. Không thể không nói đến Việt

Nam đã rất tích cực trong việc ký kết hợp tác Viện Kế toán công chứng Anh và xứ Wales (ICAEW) không chỉ trong lĩnh vực chính trị và tài chính như ký kết Biên bản ghi nhớ hợp tác (MOU) nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đồng thời thúc đẩy sự phát triển của ngành Kế toán, Kiểm toán Việt Nam phù hợp với yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế mà còn về lĩnh vực giáo dục khi ICAEW ký kết giúp cho các trường đại học, học viện thuộc khối ngành kinh tế có thể kể đến Học viện Tài chính, Đại học Quốc gia Hà Nội,... nhằm tạo ra lộ trình, định hướng cho các kế toán- kiểm toán viên tương lai

**Thứ ba, Việt Nam đã tiến hành áp dụng Chuẩn mực kế toán và kiểm toán quốc tế vào các DN nhiều hơn**

Trong hội thảo với chủ đề: “Kế toán trong hội nhập kinh tế quốc tế” Nhà giáo ưu tú, PGS.TS. Trương Thị Thủy - Phó Giám đốc Học viện Tài chính - cho biết: “Việt Nam cũng chủ trương áp dụng hệ thống IFRS với lộ trình cho phép các DN áp dụng một cách tự nguyện (giai đoạn 2022-2025) và áp dụng bắt buộc cho một số nhóm DN có đủ điều kiện (giai đoạn sau 2025).” Tính đến hết tháng 12/2020, có 135 DN được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh DVKT (tăng 14,4% so với năm 2019) và 386 cá nhân được cấp giấy chứng nhận đăng ký hành nghề DVKT (tăng 19,9% so với năm 2019). Theo đánh giá của Bộ Tài chính, mặc dù có thị phần rất rộng lớn bao gồm cả các DN và các đơn vị kế toán Nhà nước, tuy nhiên số lượng DN cung cấp dịch vụ đăng ký còn hạn chế, quy mô thị trường còn nhỏ.

Mặc dù, Việt Nam đã và đang tiến hành nhanh chóng ván đè hội nhập kinh tế của ngành kế toán trên toàn quốc nói chung và các DN nói riêng nhưng không thể làm ngơ trước những thử thách mà vẫn đè hội nhập của các đang diễn ra. Song hành với những trở ngại, ngành kế toán- kiểm toán cũng tiếp nhận những cơ hội mới trên con đường chông gai này.

**Những cơ hội và thách thức trong quá trình hội nhập lĩnh vực kế toán của các doanh nghiệp**

### **Cơ hội**

**Thứ nhất, tạo nhu cầu về nhân công có chất lượng cao trong ngành kế toán**

Với quá trình hội nhập nhanh chóng của Việt Nam vào nền kinh tế toàn cầu đã tạo ra nhiều cơ hội mới cho các DN mở rộng hoạt động và tiếp cận thị trường quốc tế. Điều này cũng dẫn đến nhu cầu về báo cáo tài chính chất lượng cao ngày càng tăng, có thể mang lại lợi thế cạnh tranh cho các DN Việt Nam.

**Thứ hai, tạo môi trường, cơ hội phát triển độ chuyên nghiệp cho người lao động**

Khi nền kinh tế tiếp tục phát triển, các DN đang trở nên phức tạp hơn trong hoạt động tài chính của họ. Điều này đã tạo cơ hội cho các chuyên gia tài chính phát triển kỹ năng cũng như chuyên môn của họ trong các lĩnh vực như phân tích tài chính, quản lý rủi ro và lập mô hình tài chính v.v...

**Thứ ba, cắt giảm những chi phí không cần thiết để DN cải thiện hơn**

Các hệ thống tài chính-kế toán tích hợp mang lại cơ hội phát triển cho các DN Việt Nam. Điều này cho phép phối hợp liền mạch giữa các phòng ban, giảm lỗi và dư thừa, đồng thời tăng tốc luồng thông tin. Đổi lại, điều này giúp các công ty hợp lý hóa các quy trình, giảm chi phí và cải thiện dịch vụ khách hàng.

**Thứ tư, tăng hiệu quả và năng suất**

Cụ thể có thể nói đến đó chính là tích hợp tài chính kế toán giúp tự động hóa các quy trình thủ công, giảm thời gian và nguồn lực dành cho việc nhập dữ liệu và các tác vụ lặp đi lặp lại khác. Qua đó việc tăng năng suất, đầu ra có chất lượng cao hơn và khả năng tập trung vào các sáng kiến kinh doanh chiến lược hơn là điều hiển nhiên sẽ xảy ra.

**Thứ năm, ra quyết định tốt hơn và lập kế hoạch chiến lược**

Các hệ thống tài chính-kế toán sau khi được cải thiện, tích hợp sẽ cung cấp thông tin theo thời gian thực, cho phép ra quyết định tốt hơn và lập kế hoạch chiến lược hiệu quả hơn. Dữ liệu luôn có sẵn và có thể tiến hành phân tích để xác định xu hướng và cung cấp thông tin chuyên sâu về tình hình tài chính của DN. Điều này giúp quản lý đưa ra quyết định sáng suốt dựa trên dữ liệu chính xác.

**Thách thức**

Đúng như theo PGS.TS Trương Thị Thủy đã phát biểu tại hội thảo “Kế toán trong Hội nhập kinh tế quốc tế” thì trên con đường hội nhập của ngành kế toán Việt Nam đã đặt ra nhiều thách thức cho hệ thống kế toán Việt Nam nhiều phương diện như: “Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về kế toán cũng như các chính sách quản lý kinh tế, tài chính có liên quan; chuẩn bị nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán có chất lượng cao, có năng lực phù hợp; đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán tại các cơ sở giáo dục cũng như đào tạo lực lượng kế toán viên, kiểm toán viên hành nghề.” Vậy tại sao đây lại là những phương diện Việt Nam đang gặp khó khăn?

**Thứ nhất, về hệ thống pháp lý**

Do hệ thống pháp luật của Việt Nam khác với luật của các nước trên thế giới. Tuy rằng, Việt Nam đã có nhiều nỗ lực để có thể áp dụng Chuẩn mực kế toán nhiều nhất có thể nhưng vẫn còn nhiều đạo luật chưa thể thông qua hay áp dụng hoàn toàn do sự khác biệt về khung pháp lý. Tuy rằng, Hệ thống VAS hiện nay được ban hành áp dụng chung cho tất cả DN thuộc các ngành, các thành phần kinh tế, không phân biệt DN niêm yết và không niêm yết. Riêng DN nhỏ và vừa được phép không phải áp dụng CMKT và các nội dung của các CMKT theo quy định của Thông tư số 133/2016-BTC về chế độ kế toán DN áp dụng cho các DN nhỏ và vừa. Nhưng lại chưa được các DN áp dụng hoàn toàn do chưa đạt đủ nhiều điều kiện và tiêu chuẩn.

**Thứ hai, về chất lượng nguồn nhân lực**

Hệ thống đào tạo kế toán vừa thừa vừa thiếu (nhiều về số lượng nhưng thiếu đồng bộ về chất lượng). Số nhân lực có trình độ kiểm toán viên quốc tế còn ít. Đội ngũ cán bộ kế toán thực hành và phương tiện thực hành kế toán còn thiếu và yếu. Đồng thời cũng thiếu các chuyên gia lành nghề trong lĩnh vực tài chính có thể khiến các DN gặp khó khăn trong việc duy trì các tiêu chuẩn cao về kế toán tài chính. Điều này có thể dẫn đến sai sót trong báo cáo tài chính và cũng có thể khiến các DN khó tiếp cận nguồn vốn mà họ cần để phát triển và mở rộng.

**Thứ ba, về các công nghệ tiên tiến**

Với sự phát triển không ngừng nghỉ của công nghệ thông tin, việc có thể sớm tiếp thu các phần mềm về kế toán-kiểm toán vẫn chưa được nhiều DN chú trọng trong quá trình đào tạo nhân viên của mình mà họ sẽ để nhân viên tự tìm hiểu dẫn đến những sai lầm không đáng có. Song hành với điều này, nhiều sinh viên lại quá lạm dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong lúc đào tạo dẫn đến việc áp dụng không áp dụng được kiến thức vào thực tế và kết quả đó chính là sự từ chối của nhà tuyển dụng.

**Thứ tư, các vấn đề DN gặp phải**

Các DN Việt Nam phải đối mặt với một loạt các vấn đề kế toán tài chính phổ biến, bao gồm thực hành báo cáo tài chính kém, thiếu minh bạch và kiểm soát tài chính không đầy đủ. Ngoài ra, nhiều DN phải vật lộn với việc quản lý dòng tiền, điều này có thể dẫn đến sự bất ổn về tài chính và khó khăn trong việc tiếp cận nguồn vốn.

**Đề xuất một số giải pháp, gợi ý nhằm phát triển quá trình hội nhập trong các doanh nghiệp****Thứ nhất, hoàn thiện khung pháp lý**

Với chia sẻ về định hướng phát triển kế toán, kiểm toán giai đoạn 2021-2030 của TS. Vũ Đức Chính - Cục trưởng Cục Quản lý và giám sát kế toán, kiểm toán (Bộ Tài chính) liên quan khuôn khổ pháp lý rằng: “Với bối cảnh thực trạng hiện nay, Việt Nam có một khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh, từ Luật Kế toán, nghị định, thông tư hướng dẫn, các chế độ kế toán, ban hành các hệ thống chuẩn mực. Trong thời gian tới, với yêu cầu của cách mạng công nghệ và những nội dung về quản lý nhà nước, cũng như điều kiện phát triển kinh tế mới, Việt Nam cần phải đánh giá và sửa đổi, bổ sung nội dung Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập”. Đây cũng chính là sự thúc giục sự chung tay, đóng góp và học hỏi cũng như nêu ý kiến của các cấp lãnh đạo, các chuyên gia cả trong nước và ngoài nước để các thể giúp đất nước ta hoàn thiện hơn về khung pháp lý cũng như tạo ra những điều kiện phù hợp các loại hình DN.

**Thứ hai, nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực dành cho ngành kế toán-kiểm toán**

Đặc biệt đối với các bạn sinh viên ngành kế toán nói riêng và những người có nhu cầu muốn làm kế toán-kiểm toán nói chung cần phát triển cả kỹ năng cứng và kỹ năng mềm của mình có. Trong buổi hội thảo “Yêu cầu về chuyên môn và kỹ năng của người làm kế toán,

kiểm toán, tài chính, kinh doanh hiện nay và những năm tới” của ông Nguyễn Ngọc Hải-Giám đốc kinh doanh tại Học viện SAPP đã khẳng định: “Có chuyên môn nhưng chưa chắc đã có kỹ năng”. Vì vậy vấn đề rèn luyện kỹ năng và trau dồi cũng như thực hành lý thuyết là những nhiệm vụ trọng yếu của những ai theo đuổi ngành kế toán.

### **Thứ ba, có những định hướng, kế hoạch, hướng đi có kế hoạch phù hợp**

Đối với các cấp lãnh đạo, cần có sửa đổi, quan điểm, hướng đi đúng đắn sau khi đã nghiên cứu về những điểm cần cải thiện của các DN trong nước cũng như sau khi đã học hỏi từ các chuyên gia, các nghiên cứu từ nước ngoài.

Đối với các DN, cần có sự chủ động bổ sung, học hỏi, đào tạo nhân viên để có thể nắm được những điều luật mới cũng như các luật được sửa đổi để có thể áp dụng cho phù hợp với thể chế

### **Thứ tư, phát triển các phương tiện công nghệ**

Với sự phát triển song hành của công nghệ thông tin, DN cần hướng dẫn, đào tạo cho nhân viên áp dụng những phần mềm kế toán cũng như tham khảo các trang thông tin có uy tín nhằm gia tăng, tối ưu hóa thời gian làm việc mà còn gia tăng về nhận thức cũng như kỹ năng thành thục trong việc sử dụng phần mềm kế toán của nhân viên và giảm bớt những sai sót gây thiệt hại cho DN. Một số phần mềm kế toán có thể áp dụng có thể kể đến: MISA (cho doanh nghiệp có quy mô kinh doanh vừa và nhỏ), FAST (cho các doanh nghiệp vừa và lớn), EFFECT (từ nhỏ tới lớn) v.v...

#### **Tài liệu tham khảo:**

Kiểm tra hoạt động dịch vụ kế toán và một số quy định đáng chú ý - VAA. (n.d.). <http://vaa.net.vn/?p=6331>

Nam Đ. V. T. B. T. C. V. (2021, December 23). Kế toán, kiểm toán trong hội nhập kinh tế quốc tế. Thời Báo Tài Chính Việt Nam. <https://thoibaotaichaichinhvietnam.vn/ke-toan-kiem-toan-trong-hoi-nhap-kinh-te-quoc-te-97658.html>

Thúy T. D. T. (2014, April 8). Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán của Việt Nam. Tạp chí Tài Chính. <https://tapchitaichaichinh.vn/hoi-nhap-quoc-te-trong-linh-vuc-ke-toan-kiem-toan-cua-viet-nam.html>

Vietnam Business Forum - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam-Tài chính. (n.d.). ICAEW và Bộ Tài chính ký kết Biên bản ghi nhớ trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán. Vietnam Business Forum - Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam-Tài chính. <https://www.vccinews.vn/news/36925/blog-detail.html>

#### **Thư giãn:**

##### **Trò khá hơn thầy rồi**

Có một thầy đồ lười, tiếng đòn khắp, đến nỗi không ai dám cho con đến học. Thế mà lại có anh đem trầu cau đến xin học. Thầy bảo:

- Nhà không có án thư, con xem nhà ai có, mượn tạm một cái về đây, ta lễ thánh.

Trò vội thưa:

- Thưa thầy, đi mượn thì rồi phải trả lôi thôi. Chi bằng con cuí khom lưng làm cái án thư, thầy đặt trầu cau lên đấy lễ thánh cũng được.

Thầy nghe nói, chắp tay vái:

- Con khá hơn thầy nhiều rồi! Con phải học thầy làm gì nữa?

# Research on the current state and solutions for digital transformation in the financial sector in Vietnam

Đỗ Bảo Chi - CQ59/09.02

This study examines the current state of digital transformation in the financial sector in Vietnam and proposes solutions to facilitate the process. By analyzing the challenges and opportunities associated with digitalization, this research aims to provide insights into the necessary strategies and actions for successful transformation. The study emphasizes the importance of enhancing awareness, developing digital competencies, investing in infrastructure, ensuring cybersecurity, and promoting collaboration among stakeholders in the financial industry.

## Overview of the digital transformation landscape in the financial sector

As a vital component of the economy, digital transformation in the financial sector plays a crucial role in overall digitalization efforts and specifically drives digital transformation in other sectors. In the banking industry, banks have initiated research and implementation of digital transformation strategies. This includes IoT applications that enable customers to access banking services, connect with other digital ecosystems through the internet platform (such as VPBank's Timo digital banking service, TPBank's Live Bank, BIDV's E-Zone), or provide banking services through mobile applications (Mobile Banking). Digital payments have been one of the fastest-growing service areas. Recent statistics show that in 2021, Vietnam ranked among the top three countries in Asia with the highest mobile payment adoption rate, at 29.1%.

In the customs sector, 100% of basic customs procedures have been automated, with 100% of customs offices conducting electronic customs procedures involving 99.65% of participating enterprises. Consequently, declaration, information reception, processing, and decision-making in customs clearance are highly automated, with processing times ranging from 1 to 3 seconds. These significant reforms have facilitated smoother import and export activities, bringing substantial benefits to individuals, businesses, and the economy.

The State Treasury has made significant progress in establishing an electronic treasury system, with the DVCTT (Electronic Public Finance Services System) connecting to 100% of budget-using units integrated on the National Public Finance Portal. Over 99.6% of state budget transactions are conducted through the DVCTT system.

The financial sector in Vietnam is experiencing notable developments in digital transformation. Initiatives such as digital banking services, electronic customs procedures,

and the electronic treasury system demonstrate the ongoing efforts to leverage digital technologies for improved efficiency and service delivery. These advancements pave the way for further digital transformation potential in the financial sector in Vietnam.

### **Current status of digital transformation in the financial sector in Vietnam**

#### ***The first aspect pertains to the state of mindset transformation, awareness, and the cultivation of digital trust within the financial industry in Vietnam***

The findings of a survey conducted by the Vietnam Chamber of Commerce and Industry (VCCI) in 2020, titled "Current State of Digital Transformation in Businesses in the Context of the COVID-19 Pandemic," involving over 400 enterprises, revealed that a significant 60.6% of businesses have commenced adopting cloud computing technology for internal management, representing a notable increase of 19.5% compared to the pre-pandemic period. This demonstrates their recognition of the pivotal role of digital technology and its implementation in their business operations, encompassing internal management, accounting processes, and heightened security measures.

Policies to propel mindset transformation, awareness, and instill confidence in digitalization within the financial sector have been introduced. Recognizing the significance of digital transformation in economic development as well as the finance industry, Vietnam has enacted several regulatory documents, including Resolution No. 100/NQ-CP on September 6, 2021, endorsing the proposal for the development of a decree governing the controlled testing of financial technology (fintech) activities, and Decision No. 1813/QĐ-TTg, approving the Plan for Non-cash Payment Development in Vietnam during the 2021-2025 period. These initiatives aim to support fintech and digital finance development while promoting the utilization of technology for account registration, transaction verification, and other related processes.

#### ***The second aspect pertains to the status of training and cultivating knowledge and skills for digital transformation within the financial workforce***

Successful digital transformation necessitates the development of human resources to proactively adapt to this emerging trend, signifying a crucial determinant. While technological upgrades and investments can occur rapidly, equipping employees with the requisite skills to effectively navigate and harness technology, and assume control over automated processes, necessitates sustained and ongoing efforts to facilitate individual transformation, mindset shifts, and heightened awareness. Recognizing the importance of this paradigm, numerous businesses have prioritized training and nurturing a digital-savvy workforce. The Prime Minister has granted approval for the "Enhancing Awareness, Training, and Development of Digital Transformation Human Resources by 2025, with an outlook towards 2030" plan.

In terms of institutional frameworks and policies, as early as the beginning of 2020, amid the complex developments of the COVID-19 pandemic, entities responsible for civil

service and personnel management within the finance sector closely collaborated with the Organization and Personnel Department and relevant units to meticulously research and enact regulations and provisions governing online training. The Ministry of Finance subsequently issued Decision No. 418/QĐ-BTC on March 26, 2020, which established the regulatory framework for managing online training activities, followed by Decision No. 419/QĐ-BTC on the same date, endorsing a pilot program for online training specifically tailored for civil servants and officials of the Ministry of Finance.

With regards to the construction of training programs, the Finance Training School has submitted a curriculum for enhancing knowledge and fundamental skills in digital transformation to the Ministry, based on the provisions of Decision No. 2516/QĐ-BTC on December 27, 2021, which approved the training plan for civil servants and officials within the finance sector for the year 2022. This curriculum aligns with the guidelines outlined in Decision No. 1506/QĐ-BTC on July 29, 2022.

***The third aspect revolves around the development of digital infrastructure, data management, and information security within the financial sector.***

The construction of digital infrastructure in Vietnam is undergoing a gradual transformation, albeit at a sluggish pace, with notable deficiencies in the infrastructure that supports the digital transition. Presently, Vietnam is allocating substantial investments towards the expansion of high-speed broadband telecommunications infrastructure, ensuring the provision of a wide array of services at Gbps and Tbps speeds. Cloud computing infrastructure, which offers shared access to computing resources such as networks, servers, storage, applications, and services, has gained traction within the country. Currently, Vietnam hosts three groups of cloud computing infrastructure providers: foreign enterprises such as Google and Microsoft, domestic enterprises with synchronized investments and large-scale operations like Viettel, VNPT, CMC, and FPT, as well as a group of small-scale enterprises offering specific applications or services. However, domestic enterprises in Vietnam only occupy roughly 20% of the market share for these products, with the remaining 80% being provided by foreign suppliers such as Google, AWS, and Microsoft Azure.

Regarding the establishment of data information systems and ensuring information security, the Ministry of Finance has made significant strides in developing a comprehensive and modern IT system compared to other ministries and central agencies. The construction and implementation of the national financial database (comprising 12 specialized databases) and various sector-specific databases (e.g., pricing, public assets) have yielded substantial improvements in the management of public finance. These advancements have facilitated the adoption of modern approaches and progressively enhanced the effectiveness and efficiency of financial monitoring. Furthermore, they have played a pivotal role in promoting institutional reforms and streamlining processes and procedures in areas such as taxation, customs, budgeting, and treasury management. The

utilization of these databases has increased the accuracy, timeliness, and transparency of financial reporting, accounting practices, and public finance statistics.

### Some solutions to promote digital transformation in the financial sector in Vietnam

**Firstly**, it is crucial to enhance the awareness and competency of both leaders and employees in the financial sector regarding digital transformation. This can be achieved through effective communication and comprehensive elucidation of the mission and the substantial advantages associated with embracing digitalization.

Additionally, substantial investments should be made in training and upskilling initiatives, focusing on equipping finance professionals, especially those involved in the realm of information technology, with the essential knowledge and competencies required for successful digital transformation.

**Secondly**, it is imperative to construct and advance a meticulously synchronized digital infrastructure and technological framework that seamlessly integrates with the operations of financial entities. This necessitates a strong emphasis on the widespread adoption of cutting-edge technologies such as 5G mobile networks and cloud computing architectures within the financial sector.

Furthermore, an intensified focus on network monitoring should be placed to ensure the utmost security and protection for customers utilizing electronic services. Additionally, the formulation of a robust legal framework encompassing novel products, services, and business models arising from digital technologies within the financial domain is of utmost importance. Facilitating collaboration and coordination between regulatory bodies and industry associations is essential to safeguarding the security and integrity of information in the financial sector.

**Thirdly**, facilitating a conducive environment for the digital transformation process entails fostering innovation and encouraging the development of new digital-based products and services, leveraging technologies such as the Internet of Things (IoT) and other emerging trends in the field.

---

#### Tài liệu tham khảo:

Đức Minh (2022), *Chuyển đổi số ngành Tài chính: Hướng đến hình thành hệ sinh thái tài chính số*, Thời báo Tài chính

Ths. Nguyễn Thị Thu - Vụ Thanh toán, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2022), *Chính sách thúc đẩy ứng dụng công nghệ số trong phát triển dịch vụ ngân hàng - Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị*, Tạp chí Ngân hàng

Bộ Thông tin và Truyền thông, Hà Nội: *Tìm giải pháp giúp doanh nghiệp chuyển đổi số* (2022).

# Ứng dụng Blockchain trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán hiện nay

**Nguyễn Minh Phương; Nguyễn Thị Duyên - CQ59/22.05CLC**

**T**rong bối cảnh phát triển như vũ bão của cuộc cách mạng công nghệ 4.0 hiện nay, Blockchain được các nhà nghiên cứu đánh giá là công nghệ then chốt và có tầm ảnh hưởng lớn đến nhiều lĩnh vực của nền kinh tế, trong đó có lĩnh vực kế toán - kiểm toán. Công nghệ Blockchain được xem như là một công nghệ “chìa khóa” cho chuyển đổi số và xây dựng nền tảng công nghệ thông tin tương lai. Với khả năng chia sẻ thông tin, dữ liệu minh bạch, tiết kiệm không gian lưu trữ và tính bảo mật cao, công nghệ này đã đem đến cho lĩnh vực Kế toán - Kiểm toán nhiều lợi ích tuy nhiên vẫn còn ẩn chứa nhiều nguy cơ.

## **Blockchain là gì?**

Blockchain (chuỗi khối) là một cơ chế cơ sở dữ liệu tiên tiến cho phép chia sẻ thông tin minh bạch trong một mạng lưới kinh doanh. Cơ sở dữ liệu chuỗi khối lưu trữ dữ liệu trong các khối được liên kết với nhau trong một chuỗi. Dữ liệu có sự nhất quán theo trình tự thời gian vì bạn không thể xóa hoặc sửa đổi chuỗi mà không có sự đồng thuận từ mạng lưới. Hệ thống có những cơ chế tích hợp để ngăn chặn các mục nhập giao dịch trái phép và tạo ra sự nhất quán trong chế độ xem chung của các giao dịch này. Đây là một hệ thống tương tự như P2P (Peer to Peer), loại bỏ tất cả các giao dịch trung gian, giúp tăng cường an ninh, sự minh bạch và ổn định cũng như giảm chi phí và lỗi giao dịch do người dùng gây ra.

## **Blockchain hoạt động như thế nào?**

Blockchain là một sổ cái duy nhất ghi lại các giao dịch giữa các tổ chức, nhà cung cấp và khách hàng của họ. Khi dữ liệu được đưa vào các “khối” liên kết, chúng tạo ra một “hồ sơ hoạt động” và khi các thông tin được bổ sung, các chuỗi khối được thiết lập. Mọi người có quyền tham gia Blockchain có thể xem cùng một thông tin trong thời gian thực. Bạn có thể xem ai đã thêm dữ liệu vào mỗi khối và việc này được thực hiện vào thời điểm nào. Các khối này không thể bị xóa bỏ hoặc thay đổi. Bằng cách tạo ra một sổ cái duy nhất trên một mạng lưới máy tính, các công ty, khách hàng, ngân hàng và cơ quan thuế của họ ghi chép và chia sẻ thông tin. Khi bất kỳ người nào trong số họ thêm thông tin, sổ cái sẽ tự động xác minh và điều chỉnh dữ liệu. Mỗi bên có liên quan không cần duy trì sổ cái riêng của họ, nhờ đó các kế toán viên sẽ không phải thực hiện tất cả việc xử lý và điều chỉnh giao dịch.

### Những lợi thế của Blockchain trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

*Thứ nhất*, ứng dụng Blockchain có thể giúp bảo mật thông tin kế toán. Blockchain được thiết kế để chống lại sự thay đổi dữ liệu. Thông tin trong Blockchain không thể bị thay đổi và chỉ được bổ sung thêm khi có sự đồng thuận của tất cả các nút trong hệ thống. Ngay cả khi nếu một phần của hệ thống Blockchain đổ, những máy tính và nút khác sẽ tiếp tục hoạt động để bảo vệ thông tin. Bằng cách tạo ra một số cái duy nhất trên một mạng lưới máy tính; các công ty, khách hàng, ngân hàng và cơ quan thuế của họ ghi chép và chia sẻ thông tin.

*Thứ hai*, ứng dụng Blockchain giúp giảm thiểu khả năng xảy ra sai phạm kinh tế. Công nghệ Blockchain trong Kế toán - Kiểm toán làm giảm phần lớn khả năng xảy ra sai sót khi đối chiếu các thông tin phức tạp và khác biệt từ nhiều nguồn khác nhau. Hơn nữa, hồ sơ kế toán sẽ không thể chỉnh sửa và thay đổi một khi đã được lưu vào Blockchain, ngay cả khi chủ sở hữu hệ thống kế toán yêu cầu. Bởi trên nền tảng Blockchain, mọi giao dịch hàng ngày được ghi chép lại và xác thực, do đó tính vịn toàn của các hồ sơ tài chính được đảm bảo. Blockchain có thể làm giảm các sai sót và gian lận kế toán.

*Thứ ba*, an ninh mạng được thắt chặt nhờ công nghệ Blockchain. Một hacker sẽ phải xâm nhập vào toàn bộ mạng máy tính cùng một lúc để thực hiện bất kỳ thiệt hại nào. Nếu chỉ tấn công một máy tính, những máy tính khác trong mạng lưới sẽ có thể phát hiện và phản ứng với việc tấn công. Một vài ứng dụng khác của công nghệ Blockchain trong ngành Kế toán - Kiểm toán có thể đề cập đến là: Bằng chứng kiểm toán có thể theo dõi; Quá trình kiểm toán tự động; Xác thực giao dịch; Theo dõi quyền sở hữu tài sản; Hợp đồng thông minh; Hệ thống đăng ký và kiểm kê đối với mọi tài sản nào, từ nguyên liệu đến sở hữu trí tuệ.

### Một số khó khăn khi ứng dụng Blockchain trong lĩnh vực kế toán - kiểm toán

*Thứ nhất*, tại Việt Nam, công tác kế toán, kiểm toán hiện nay chủ yếu được thực hiện trên hồ sơ, giấy tờ. Trong khi Blockchain lại chuyển hóa toàn bộ các dữ liệu đó thành thông tin điện tử, vừa đa dạng, vừa khó nắm bắt. Do vậy, về lâu dài, nếu kế toán viên, kiểm toán viên không am hiểu về công nghệ, sẽ khó khăn trong thực hiện các công việc chuyên môn. Khảo sát thực tế cho thấy, kiến thức, sự hiểu biết, trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của các kế toán viên, kiểm toán viên hiện nay vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đồng đều. Công tác đào tạo cũng chỉ mới dừng lại ở việc truyền thụ kiến thức nền, chưa chuyên sâu, đa ngành, nhất là đối với những kiến thức mang tính đặc thù công nghệ, bảo mật và trí tuệ nhân tạo,...

*Thứ hai*, nguồn nhân lực kế toán Việt Nam tuy đã sẵn sàng hội nhập nhưng số lượng và chất lượng vẫn còn chưa đáp ứng đủ yêu cầu mang tầm quốc tế. Thực tế này cho thấy, Việt Nam không chỉ ít về số lượng mà đội ngũ người làm kế toán còn yếu về chuyên môn. Việc đào tạo kế toán đạt tiêu chuẩn chất lượng quốc tế, có đủ khả năng đáp ứng tiêu chuẩn làm việc trong môi trường cạnh tranh hiện nay vẫn còn là vấn đề đáng lo ngại.

**Thứ ba**, hầu hết các phần mềm kế toán không tương thích với công nghệ Blockchain. Vì vậy, ngay cả khi đã sẵn sàng đưa công ty của mình ứng dụng Blockchain trong kế toán, phần mềm lưu giữ hồ sơ của công ty có thể không thích ứng.

### Giải pháp

**Đối với doanh nghiệp**, các doanh nghiệp cần nhận thấy vai trò và lợi ích mà công nghệ Blockchain có thể mang đến để đón đầu xu hướng, chuẩn bị các nguồn lực phù hợp. Một trong những hạn chế khiến công nghệ này hiện đang khó áp dụng vào các doanh nghiệp Việt Nam đó là do hiểu biết của các nhà quản trị, các chủ doanh nghiệp về công nghệ này chưa nhiều. Do đó, mức độ sẵn sàng để ứng dụng công nghệ này trong các lĩnh vực kế toán và kiểm toán còn đang hạn chế. Chính vì vậy, các doanh nghiệp cần có các chiến lược, chính sách cập nhật, đào tạo cho các nhà quản trị doanh nghiệp các kiến thức về công nghệ Blockchain cũng như các vấn đề có liên quan.

**Đối với các cơ sở đào tạo nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán** cần có sự đón đầu về công nghệ, quan tâm đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, công nghệ thông tin để ứng dụng những thành tựu của kỹ nguyên công nghệ số. Ngoài ra, việc đưa những kiến thức liên quan đến Blockchain trong chương trình giảng dạy, đào tạo kế toán, kiểm toán cũng cần được xem xét.

**Đối với các cơ quan quản lý nhà nước**, hiện nay, công nghệ chuỗi đã có một số nước trên thế giới triển khai ứng dụng, tuy nhiên tại Việt Nam vẫn chưa có hành lang pháp lý phù hợp để triển khai công nghệ này. Để thực sự trở thành một phần không thể thiếu của hệ thống tài chính, Blockchain phải được phát triển, chuẩn hóa và tối ưu hóa. Việc xây dựng các quy định và tiêu chuẩn để sử dụng Blockchain sẽ là thách thức không nhỏ. Các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp, công ty kế toán, kiểm toán, các cơ sở đào tạo cần có sự quan tâm đến công nghệ mới này để có thể vượt qua những rào cản về công nghệ, ứng dụng vào lĩnh vực chuyên môn nghề nghiệp.

**Đối với kế toán và kiểm toán viên**, trong tương lai, kế toán, kiểm toán mặc dù không cần phải là cử nhân có kiến thức chi tiết về cách thức hoạt động của Blockchain nhưng họ sẽ cần biết cách tư vấn về việc áp dụng Blockchain và xem xét tác động của Blockchain đối với doanh nghiệp và khách hàng.

### Tài liệu tham khảo:

Trương Thị Hoài, Đào Thị Loan (2019), *Ứng dụng Blockchain vào lĩnh vực kế toán, kiểm toán trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Tài chính, kỳ 2 tháng 5/2019.

Trung ương Hội Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (2018). *Tìm hiểu về công nghệ Blockchain và ảnh hưởng của nó đến lĩnh vực kế toán - Tài chính - Ngân hàng* Vaa.net.vn (23/11/2018).

Phan Thị Thu Hà, *Nghiên cứu và triển khai công nghệ Blockchain trong lĩnh vực Kế toán và Kiểm toán tại Việt Nam*, Tạp chí Công Thương, số 12- tháng 5/2022.

# Identifying professional auditors in international economic integration process

Trần Hà Ngọc - CQ58/09.04

Trần Thị Phương Chi - CQ58/11.05

Nguyễn Thị Minh Ngọc - CQ58/22.06

**A**s businesses expand globally, the role of professional auditors becomes increasingly important in ensuring compliance with international regulations and standards. This article focuses on the identification of professional auditors in the context of international economic integration, exploring the skills and competencies required for auditors to navigate complex international environments. Key factors such as Language Proficiency, Communication and Negotiation, Technical Expertise and Teamwork are examined, along with the challenges and opportunities presented by international integration. The paper concludes by highlighting the importance of ongoing professional development and collaboration in building a diverse and effective global auditing community.

## International economic integration context

The international Economic Integration of a country is the process by which that country integrates its economy with the global economy based on shared interests while adhering to common international standards. This process can take various forms, including free trade agreements, customs unions, and regional economic blocs.

International economic integration can have both positive and negative impacts on countries. On the **positive side**, it can lead to increased economic growth, job creation, and higher living standards for citizens. It can also create new opportunities for businesses to expand their markets and access new sources of capital. Economic integration can also have **negative impacts**, including the potential for unequal distribution of benefits among member countries, loss of domestic industries and jobs, and increased competition and price pressures. Additionally, some countries may face challenges in adjusting to the new trade and investment rules, resulting in economic and social disruptions. There is also the risk of dependence on a small number of trading partners, which can leave countries vulnerable to external economic shocks. Therefore, it is important for countries to carefully consider the potential negative impacts of economic integration and develop strategies to mitigate these risks.

In Vietnam, international economic integration is a central and integral part of the country's reform efforts. Vietnam has made significant progress in international economic integration over the past few years, being actively and positively engaged in the process. This has resulted in the country's enhanced position and strength in the fields of economic and social development, increased income levels for its citizens, and efforts to improve the economic system and competitiveness of businesses and products. Nevertheless, the

integration process brings along numerous challenges that Vietnam must face in its path towards economic and social progress.

### **Characteristics of professional auditors in international economic integration process**

#### ***Language proficiency***

Language proficiency is a crucial skill for professional auditors in the international economic integration process. As auditors work with clients from different countries and cultures, they need to effectively communicate and understand complex financial and accounting information in various languages. Auditors need to be able to accurately interpret and translate financial statements, tax regulations, and audit reports into the language of their clients, ensuring that information is clearly understood and any potential misunderstandings are avoided.

Additionally, language proficiency allows auditors to build relationships with clients and stakeholders, leading to effective communication, improved cooperation, and ultimately, better audit results. In short, language proficiency is essential for professional auditors to navigate the complex and globalized business world, ensuring accurate and effective communication and successful audits.

#### ***Communication and negotiation***

Effective communication and negotiation abilities are vital for professional auditors involved in international economic integration. As auditors interact with clients and stakeholders from diverse cultural and linguistic backgrounds, these skills help them establish clear expectations, build relationships, and earn trust. Communication skills assist auditors in expressing their discoveries, recommendations, and concerns in a way that is easily understood by non-specialists.

On the other hand, negotiation skills enable auditors to navigate difficult and sensitive issues, manage conflicts, and arrive at mutually beneficial arrangements. Strong communication and negotiation abilities not only improve the auditor's ability to provide high-quality services but also foster transparency and accountability, essential for establishing confidence in the audit profession.

#### ***Technical expertise***

Technical Expertise is critical for professional auditors in the international economic integration process. Auditors must possess a deep understanding of auditing standards, regulations, and frameworks applicable in their jurisdiction and internationally. They should also have knowledge of business and economic conditions, including industry-specific issues, relevant to the audit engagement.

Technical Expertise is vital for auditors to exercise professional judgment and provide reliable and independent assurance to clients and stakeholders. It also allows auditors to identify and evaluate risks, detect fraud, and provide value-added insights to clients. Maintaining up-to-date professional knowledge is essential for professional auditors to uphold the integrity and credibility of the audit profession and to deliver high-quality audit services.

In today's digital age, technical expertise in using technology is also becoming increasingly important for professional auditors in the international economic integration process. With the rise of digitalization, audit work has become more complex, and auditors must now be proficient in using various types of software, tools, and platforms. Technical expertise in using technology allows auditors to efficiently and effectively analyze large amounts of data, identify patterns and trends, and detect potential fraud or errors. Moreover, technology is constantly evolving, and auditors must stay up to date with the latest developments in order to remain competitive and provide high-quality services to clients. In short, technical expertise in using technology is critical for auditors to keep up with the changing landscape of audit work and to deliver accurate and reliable results.

### ***Teamwork and relevant skills***

Teamwork is fundamental to the audit profession, especially concerning international economic integration. Professional auditors often work in groups to conduct intricate audits and meet the expectations of various stakeholders. Efficient teamwork enables auditors to share knowledge, expertise, and experience, improving the audit's quality while also promoting learning and professional development.

Additionally, as auditors work with clients and stakeholders from diverse backgrounds, teamwork can facilitate cross-cultural communication, establish trust, and encourage collaboration.

Also, teamwork fosters transparency and accountability in the audit process by ensuring that each team member's work is assessed, and all relevant information is considered. Ultimately, teamwork guarantees that audits are conducted professionally, rigorously, and objectively, preserving the audit profession's credibility.

Teamwork including Critical thinking, time management, emotional management, and punctuality are essential skills for professional auditors. Auditors must be able to analyze complex information, evaluate risks, and identify potential issues to provide objective and reliable audit services. Effective time management skills are necessary to ensure audits are completed within the given deadline and that there is adequate time for reviewing and verifying information. Emotionally intelligent auditors can manage their own emotions and communicate effectively, even in difficult situations. Finally, punctuality is essential as it demonstrates a commitment to professionalism, reliability, and respect for others' time. Overall, these skills enable auditors to perform their duties with integrity, efficiency, and effectiveness, which is crucial for maintaining the trust and confidence of clients and stakeholders.

### **Recommendations for improving the quality of professional auditors in international economic integration process**

***Firstly, the auditors need to enhance their language proficiency skills***, especially English. One effective way is to attend language courses or workshops that focus on the specific language used in their professional setting. This can help auditors improve their vocabulary, grammar, and pronunciation, and gain confidence in their ability to communicate effectively with clients and stakeholders. Another approach is to practice language skills regularly, such as by reading professional documents, listening to podcasts

or videos in the target language, or engaging in conversations with native speakers. Additionally, auditors can seek opportunities to work or study abroad, which can provide immersion in the language and culture and enable them to develop cross-cultural communication skills. Finally, auditors can seek feedback and mentorship from language experts or colleagues who are proficient in the target language to help identify areas for improvement and provide guidance on how to enhance language proficiency.

**Secondly, to enhance communication and negotiation skills**, auditors can engage in various activities such as attending training courses or workshops, practicing active listening and empathy, and seeking feedback from colleagues or supervisors. They can also engage in role-playing exercises to simulate real-world scenarios and develop their negotiation and communication skills. Additionally, auditors can take language courses or participate in language exchange programs to improve their ability to communicate effectively with clients and stakeholders from different cultural and linguistic backgrounds. Regular practice and self-reflection can help auditors identify areas for improvement and continuously enhance their communication and negotiation skills.

**Thirdly, to enhance their technical expertise skills**, auditors can participate in training and development programs related to auditing, accounting, and information technology. They can also stay up-to-date with the latest developments in technology and its application in the audit process by attending conferences, webinars, and other relevant events. Moreover, studying international qualifications such as ACCA (Association of Chartered Certified Accountants) and CIA (Certified Internal Auditor) can provide auditors with a broad and deep understanding of accounting and auditing principles, as well as the latest best practices and regulations. These qualifications also offer opportunities to network with other professionals in the field and gain exposure to international business practices. Additionally, auditors can seek out opportunities to work on engagements that require specialized technical skills and collaborate with colleagues who possess such skills to learn from them.

**Forthly, to enhance teamwork and relevant skills**, auditors can engage in team-building activities such as group problem-solving exercises, workshops, and retreats. Additionally, they can work on building trust and open communication within their teams by promoting active listening, providing constructive feedback, and encouraging collaboration. Time and emotional management skills can be improved by setting clear priorities, creating schedules, and practicing stress-reducing techniques such as mindfulness and meditation. Finally, punctuality skills can be enhanced by developing a habit of arriving early to meetings and appointments, keeping track of deadlines, and setting reminders. All of these skills are essential for auditors to effectively navigate the audit process and manage client expectations.

---

**References:**

- [https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages\\_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM218708](https://mof.gov.vn/webcenter/portal/vclvcstc/pages_r/l/chi-tiet-tin?dDocName=MOFUCM218708)  
<https://tapchitaichinh.vn/dao-tao-ke-toan-kiem-toan-trong-boi-canhang-te-quoc-te.html>

# Digital transformation solutions for accounting and audit in Vietnam enterprises

Nguyễn Thị Quỳnh Chi - CQ58/22.02

**D**igital transformation of all business fields will enhance the productivity of an enterprise many times, and the economic transactions of the enterprise will also increase rapidly. At that time, traditional accounting and auditing with long time and expensive costs will not meet the needs of enterprises; especially making or checking Financial Statements (FS) for large corporations, multinational companies with millions of transactions will be an extremely time-consuming and labor-intensive job. Therefore, the application of digital transformation to accounting and auditing is an inevitable thing if enterprises in general and Vietnamese enterprises in particular want to continue to develop and survive in the future.

## What is digital transformation in the field of accounting and auditing?

Digital transformation in the field of accounting and auditing can be simply understood as the application of digital technologies to accounting and auditing operations in order to help transactions be conducted more quickly and efficiently, while still saving human resources, time and costs for enterprises.

## The reality of digital transformation in accounting and auditing filed

According to the Department of Management and Supervision of Accounting and Auditing, through the assessment of the approach to Industry 4.0 to the field of accounting and auditing in Vietnam, it can be seen that although new businesses are in the first stage in the digital transformation process, but there is a gradually strong transformation in awareness. The results of the survey conducted by the Vietnam Software and Information Technology (IT) Services Association (VINASA), and announced at the ICT Summit 2017 show that 35.2% of surveyed enterprises said that they have prepared and got ready for Industry 4.0; in which, up to 70% ones said that promoting digital transformation in the whole economy is an important solution.

In terms of practical application, in order to approach digital transformation, many enterprises today have promoted the application of IT in professional accounting and auditing activities. Currently, many digital technology applications have been applied in the field of accounting and auditing such as: electronic invoice software, electronic sales software, and office software, etc. In addition, businesses have spent resources to invest in technology and in terms of human resource training in order to serve professional activities well and provide services.

However, some difficulties in accounting and auditing work which enterprises have to face when starting to apply digital transformation are:

**Firstly, there is a shortage of high-quality accounting and finance personnel.** In fact, according to VACPA statistics, up to two-thirds of accounting and auditing graduates have not met the needs of employers in many aspects.

**Second, corporate culture is afraid to change.** Today many businesses still have old-fashioned thinking, preferring familiar ways instead of innovating methods which are more efficient.

**Third, poor quality of IT infrastructure, low security.** All data is now digitized into electronic information and blockchain technology becomes a giant "ledger". Without a security policy or measure, information disclosure and information theft are easy to arise.

**Fourth, AI, Robot "robbed" jobs of accountants and auditors.** Some parts of the work have been "robbed" by robots, AI such as: manual entry of entries, recording accounting books, setting up year-end FS and business reports, etc.

### **Digital transformation solutions for accounting and auditing work**

Stemming from the reality above, it is extremely important to find solutions to overcome difficulties in digital transformation.

#### ***First, changing the perception of technology.***

Managers need to understand that digital transformation in accounting and auditing is a process of management and change, not simply the application of IT advances in accounting and auditing. Managers need to clearly realize that investing in digital transformation is a long-term investment and brings long-term benefits. To do so, accountants and auditors in enterprises play an important role in convincing managers about the tangible and intangible benefits of each type of technology if being conducted into the accounting information system

At the same time, to be able to raise the awareness and understanding of managers about digital transformation of accounting and auditing; professional associations of accounting and auditing should promote the introduction of new technologies that can be applied in accounting and audit work through seminars or short training courses.

#### ***Second, developing high-quality human resources.***

Under the impact of Industry 4.0, data on accounting records and papers will gradually be transformed into digitization, which is quite difficult for accountants and auditors with ordinary skills to grasp the variety of types and forms of digital transactions. Accountants and auditors need to be trained and retrained to grasp the audit program established on a digital platform, understand and use accounting software proficiently according to accounting and auditing standards.

Since then, it has set requirements for training institutions and enterprises themselves that they need to change training programs and human resource training to be suitable for the field of accounting and auditing. Training units need to organize practical programs which help students have early access to accounting practice at enterprises; organize seminars to share experiences between lecturers and accounting practice experts at many enterprises.

**Third, building a new culture.**

The culture of innovation and creativity has a very important role to the success of every digital transformation project in an enterprise, because it can affect the overall business and even its partners such as: customers, suppliers, etc. Therefore, creating a progressive corporate culture will be a solid foundation for the success of the digital transformation strategy in the field of accounting and auditing.

In addition, learning and sharing knowledge within the organization, especially among accountants or independent auditors, is also a very important culture to promote digital transformation in the accounting and auditing field. By sharing new knowledge with each other about technology applied in work, technology will be known by many people to keep being built and developed in the future.

**Fourth, building a modern IT database.**

Enterprises need to build large databases and manage data on the basis of big data; ensure transparency, connection and sharing of data information with internal and external organizations while still having high security. Because big data apps contribute to detect and prevent fraudulent behaviors, and making financial reporting more transparent.

To meet this requirement, enterprises need to regularly update data, store data which include financial and non-financial data; integrating accounting software with the management system in the common IT system; building accounting software, etc.

**Fifth, supporting from cooperative relationships.**

The strengthening and expansion of international cooperation activities helps accounting and auditing firms and international professional organizations to exchange, study experiences; support projects to innovate the accounting and auditing professional management model, as well as professional techniques associated with practical application in activities.

**Conclusion:** It can be seen that the field of accounting and auditing is one of the fields that are most affected by the Fourth Industrial Revolution, so the digital transformation in accounting and auditing work at enterprises is a growing trend. Inevitable development in the world in general and in Vietnam in particular. Digitizing accounting and auditing activities will help businesses solve many difficult problems with the most optimal cost, helping to optimize the data collection process; thereby increasing operational efficiency, moving towards the long-term goal of sustainable development in the future and catching up with the accounting and auditing work that has combined with digital transformation of many countries around the world.

---

**References:**

- MSc. Tran Thi Quyen. Digital transformation solutions in the field of Accounting - Auditing in Vietnam. *Journal of Industry and Trade, Investment - Business*. 05/02/2022
- ACCA. Professional Accountants-The Future: Drivers of Change and Future Skills. London. UK: ACCA. 2016
- MSc. Nguyen Thi Hoan. Digital transformation application solutions in accounting training and practice in Vietnam. *Journal of Industry and Trade - Scientific research results and technology application*, No. 12. 5/2022
- MSc. Nguyen Thi Thanh Phuong. Solutions for digital transformation of auditing activities for businesses. *Quantriso.ac, Accounting*. 03/06/2022.

# Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics Việt Nam

Nguyễn Thị Thu Trang - CQ59/06.01CLC

T trong những năm trở lại đây, Logistics là một trong những ngành tăng trưởng nhanh và ổn định nhất của Việt Nam với tốc độ tăng trưởng bình quân từ 14-16%/năm và quy mô từ 40-42 tỷ USD/năm. Năm 2021, chỉ số toàn cầu về thị trường Logistics mới nổi của Việt Nam tăng 3 bậc so với năm 2020 lên vị trí thứ 8, tạo nên sức hấp dẫn của thị trường Logistics. Theo một báo cáo gần đây của công ty tư vấn Cushman&Wakefield, Việt Nam hoàn toàn có khả năng cạnh tranh như một trung tâm trung chuyển hàng hóa của thế giới và tận dụng năng lực sản xuất của mình để trở thành một mắt xích không thể tách rời trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này được kỳ vọng sẽ giúp ngành Logistics của Việt Nam trở thành một ngôi sao Logistics mới của châu Á trong thời gian tới.

Ý thức được tầm quan trọng và tiềm năng to lớn của dịch vụ Logistics, Việt Nam đã chú trọng vào việc xây dựng và phát triển dịch vụ Logistics tại Việt Nam. Các cơ quan quản lý nhà nước liên quan đã từng bước xây dựng khung pháp lý và chính sách phát triển dịch vụ Logistics, nhiều doanh nghiệp Logistics đã được thành lập cung cấp dịch vụ Logistics và từng bước hình thành chuỗi cung ứng hàng hoá, dịch vụ tới các vùng miền trong cả nước và tới các nước trên thế giới.

## Thực trạng hoạt động dịch vụ Logistics tại Việt Nam

Về số lượng doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ Logistics, tính đến năm 2022, Việt Nam có khoảng 30.000 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực Logistics. Đây là một con số khá lớn nhưng trên thực tế đa phần lại là những doanh nghiệp nhỏ và rất nhỏ. Do vốn ít nên cơ cấu tổ chức doanh nghiệp cũng đơn giản, không thật sự chuyên sâu, không tổ chức được các văn phòng đại diện ở nước ngoài nên nguồn thông tin bị hạn chế, các công việc ở nước ngoài đều phải thông qua các đại lý của các công ty đa quốc gia. Điều này dẫn đến đa số các doanh nghiệp chỉ dừng lại ở việc làm đại lý cấp 2, cấp 3, thậm chí cấp 4 cho các đối tác nước ngoài có mạng lưới toàn cầu mà chưa tổ chức kết nối được các hoạt động vận tải đa phương thức.

Hiện nay có nhiều công ty Logistics lớn trên thế giới đã vào Việt Nam nhưng theo cam kết gia nhập WTO thì sau 5 đến 7 năm các doanh nghiệp này mới có thể thiết lập doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài. APL, Mitsui OSK, Maersk Logistics, NYK Logistics... là những tập đoàn hùng mạnh với khả năng cạnh tranh lớn, bề dày kinh nghiệm và nguồn tài chính khổng lồ, hệ thống mạng lưới đại lý dày đặc, hệ thống kho hàng chuyên dụng, dịch vụ khép kín trên toàn thế giới, mạng lưới thông tin rộng khắp, trình độ tổ chức

quản lý cao, đã và đang từng bước xâm nhập, củng cố, chiếm lĩnh thị trường trong nước.

*Về phạm vi hoạt động của các công ty Logistics Việt Nam:* Các công ty logistics Việt Nam mới chỉ hoạt động trong phạm vi nội địa hoặc một vài nước trong khu vực, trong khi phạm vi hoạt động của các công ty nước ngoài như APL Logistics là gần 100 quốc gia, Maersk Logistics là 60 quốc gia. Đây là một trong những cản trở các doanh nghiệp VN cung cấp các dịch vụ trọn gói cho khách hàng.

*Về tính cạnh tranh trong ngành Logistics Việt Nam:* Có thể xét trên 2 lĩnh vực: Logistics phục vụ xuất khẩu và Logistics phục vụ nhập khẩu.

- *Xét về phần xuất khẩu:* Hầu hết doanh nghiệp Việt đều đang xuất khẩu theo dạng FOB, FCA. Do đó, các doanh nghiệp nhập khẩu thường chỉ định một công ty Logistics nước họ để cung cấp dịch vụ. Sức cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt là rất thấp.

- *Xét về phần nhập khẩu:* Triển vọng ngành Logistics cho các doanh nghiệp Việt là rất lớn bởi nước ta là nước nhập siêu. Tuy nhiên, hiện nay các doanh nghiệp lớn đang chiếm lĩnh thị trường nhiều, doanh nghiệp nhỏ chưa có chỗ đứng trên thị trường. Đây là thực trạng Logistics tại Việt Nam cần được chú ý cải thiện.

*Về cơ sở hạ tầng vận tải,* trên thực tế tiềm năng phát triển hàng hóa của Việt Nam rất lớn, với tỷ lệ tăng trưởng trung bình 20%/năm và có thể tăng lên 25%/năm trong thời gian ngắn. Tuy nhiên, Việt Nam được xếp hạng thấp nhất về cơ sở hạ tầng vận chuyển hàng hóa trong số các nền kinh tế trọng điểm ở khu vực Đông Nam Á.

Phần lớn cảng biển tại Việt Nam không được thiết kế cho việc bốc dỡ hàng cho tàu chuyên dùng, nhiều cảng nằm ngoài thành phố Hồ Chí Minh chỉ được thiết kế cho hàng rời, không có trang thiết bị xếp dỡ container chuyên dụng. Các cảng không có dịch vụ hàng hải trực tiếp kết nối Việt Nam với các cảng biển tại châu Âu hay Mỹ. Mặt khác, các sân bay trong nước cũng thiếu các thiết bị phù hợp để bốc dỡ hàng hóa, thiếu sự đầu tư các kho bãi mới trong khu vực gần các sân bay, bến cảng. Hệ thống kho bãi hiện tại trên cả nước lại không phù hợp với hàng hóa bốc dỡ nhanh, trong đó có nhiều kho bãi đã được khai thác hơn 30 năm qua và không đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế. Chưa kể đến tình trạng thiếu điện và dịch vụ hỗ trợ giao tiếp thông tin (viễn thông). Nguyên nhân chủ yếu là do quy hoạch cảng không thống nhất, tại một số địa phương quy hoạch không hợp lý và không khoa học.

*Về chi phí dịch vụ,* chi phí Logistics của Việt Nam được dự đoán khoảng 25% GDP của Việt Nam, cao hơn rất nhiều so với các nước phát triển như Mỹ và cao hơn các nước đang phát triển như Trung Quốc hay Thái Lan. Chính chi phí Logistics cao này làm giảm hiệu quả những cố gắng của Việt Nam trong việc giới thiệu thị trường lao động giá rẻ và đẩy mạnh xuất khẩu. Nguyên nhân chính gây nên tình trạng này là cơ sở hạ tầng vận tải của Việt Nam đã quá cũ kỹ và quá tải, hệ thống quản lý hành chính phức tạp và các nhà sản xuất Việt Nam không tích cực sử dụng các dịch vụ thuê ngoài 3PL (third party logistics) của nước ngoài.

*Về việc ứng dụng Công nghệ thông tin:* Việc ứng dụng công nghệ thông tin vào Logistics còn yếu. Ví dụ như mảng website hầu hết đều là các thông tin giới thiệu dịch vụ mà chưa cập nhật được các tính năng theo dõi đơn hàng, lịch tàu, booking,... Để phát triển vững mạnh thì ứng dụng CNTT là rất cần thiết.

*Về nguồn nhân lực:* Theo dự báo của các chuyên gia, đến năm 2030, các doanh nghiệp chuyên doanh dịch vụ Logistics sẽ yêu cầu khoảng 1,6 triệu nhân lực, tuy vậy hiện tại việc đào tạo nhân lực ở Việt Nam còn vô cùng hạn chế với chỉ khoảng 4000 người/năm. Hiện nguồn nhân lực chính cho ngành này đều được lấy từ các đại lý hàng tàu, những người có kinh nghiệm và hiểu biết về luật pháp quốc tế còn thiếu nhiều, các công ty giao nhận vận tải biển và sử dụng theo khả năng hiện có. Trong khi đó, đây là lĩnh vực đòi hỏi chuyên gia không những am hiểu hệ thống pháp luật, thông lệ của nước sở tại, mà còn phải am hiểu pháp luật quốc tế và có mối quan hệ rộng khắp trên thế giới.

*Về quản lý nhà nước:* Luật Thương mại 2006 công nhận ngành Logistics là hành vi thương mại trong khi nó đã có mặt từ năm 1990. Sự chậm trễ trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý là một nguyên nhân khiến ngành Logistics Việt Nam chưa thực sự phát triển mạnh mẽ. Hoạt động của ngành đang có sự phát triển rời rạc, thiếu sự liên kết. Bên cạnh đó, các hiệp hội như Hiệp hội Cảng biển, Hiệp hội Đại lý và Môi giới hàng hải, Hiệp hội các chủ tàu, Hiệp hội Giao nhận kho vận nhìn chung vẫn mang tính hình thức mà chưa phát huy được vai trò vốn có của mình là tạo cầu nối giữa các doanh nghiệp thành viên thành một thể thống nhất của hiệp hội.

### **Giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ Logistics Việt Nam**

**Thứ nhất, hoàn thành chính sách, pháp luật về dịch vụ Logistics.** Các bộ ban ngành cần bổ sung, sửa đổi nội dung về Logistics trong Luật Thương mại nhằm tạo cơ sở pháp lý thuận lợi cho hoạt động Logistics. Cần ra soát, sửa đổi chính sách thuế, phí, giá dịch vụ liên quan đến Logistics, áp dụng giá dịch vụ sử dụng đường bộ và phí tại cảng theo hướng tạo thuận lợi cho hoạt động Logistics. Bên cạnh đó, Bộ Công Thương, Hiệp hội Doanh nghiệp dịch vụ logistics Việt Nam... cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền về các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến dịch vụ Logistics nhằm mục tiêu nâng cao hiểu biết của doanh nghiệp về các cam kết quốc tế liên quan đến Logistics để áp dụng đúng các cam kết này.

**Thứ hai, hoàn thiện kết cấu hạ tầng Logistics,** để cải thiện cơ sở hạ tầng vận tải, các bộ ban ngành cần rà soát các quy hoạch, kế hoạch, đảm bảo tính đồng bộ của hạ tầng giao thông và dịch vụ vận tải với mục tiêu phát triển ngành dịch vụ Logistics; hoàn thiện chính sách, đẩy mạnh thu hút đầu tư vào lĩnh vực hạ tầng Logistics; tăng cường hợp tác với đối tác nước ngoài nhằm mở rộng kết nối hạ tầng, kết nối các cảng của Việt Nam với các cảng quốc tế. Đặc biệt, cần nâng cao năng lực vận chuyển và xử lý hàng hóa bằng đường thủy nội địa, đường hàng hải, đường sắt, đường hàng không... nhằm tăng lưu lượng hàng hóa

vận chuyển cũng như tối ưu hóa thời gian, chất lượng dịch vụ, nâng cao độ tin cậy với các doanh nghiệp.

**Thứ ba, nâng cao năng lực doanh nghiệp và chất lượng dịch vụ,** doanh nghiệp trong một số ngành như dệt may, da giày, nông sản - thực phẩm, cơ khí chế tạo..., các doanh nghiệp nhỏ và vừa cần áp dụng mô hình quản trị chuỗi cung ứng tiên tiến trong quá trình sản xuất, kinh doanh, trong đó chú trọng triển khai các hoạt động Logistics trên nền tảng ứng dụng công nghệ thông tin và các công nghệ mới trong Logistics. Ưu tiên bố trí ngân sách hỗ trợ nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật cho phát triển dịch vụ Logistics, xã hội hóa nguồn lực cho phát triển dịch vụ Logistics đồng thời tích hợp sâu dịch vụ Logistics với các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, hoạt động xuất, nhập khẩu, lưu thông hàng hóa trong nước và các ngành dịch vụ khác. Ngoài ra, các hiệp hội ban ngành liên quan cần khuyến khích đẩy mạnh xây dựng dịch vụ trọn gói 3PL, 4PL nhằm đạt chất lượng dịch vụ cao hơn nữa.

**Thứ tư, phát triển thị trường dịch vụ Logistics,** việc đẩy mạnh xúc tiến thương mại đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong quá trình phát triển thị trường dịch vụ Logistics tại Việt Nam. Một số hoạt động có thể kể đến như đăng cai, tổ chức các hội thảo, hội chợ, triển lãm quốc tế về Logistics; các doanh nghiệp tăng cường tham gia các hội chợ, triển lãm quốc tế về Logistics nhằm quảng bá, thu hút các đối tác nước ngoài; tổ chức các đoàn nghiên cứu ra nước ngoài và mời các đoàn doanh nghiệp nước ngoài vào Việt Nam trao đổi cơ hội đầu tư, hợp tác về phát triển dịch vụ Logistics. Bên cạnh đó, cần mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế về Logistics, tăng cường liên kết với các hiệp hội và doanh nghiệp dịch vụ Logistics khu vực ASEAN và trên thế giới, từ đó thu hút đông đảo doanh nghiệp Logistics nước ngoài đến làm ăn, hợp tác với doanh nghiệp Việt Nam.

**Thứ năm, đào tạo, nâng cao nhận thức và các nguồn nhân lực,** cần kết hợp đẩy mạnh đào tạo Logistics ở cấp đại học và đào tạo nghề Logistics nhằm bù đắp nguồn nhân lực chất lượng cao mà ngành đang thiếu hụt; đào tạo cơ bản về Logistics cho cán bộ quản lý doanh nghiệp và cán bộ quản lý nhà nước; kết nối các tổ chức đào tạo, doanh nghiệp Logistics Việt Nam với các tổ chức đào tạo nước ngoài, hợp tác với các tổ chức đào tạo nước ngoài tiến hành các khóa đào tạo dựa trên thực tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác đào tạo, huấn luyện nhân lực về Logistics.

---

#### Tài liệu tham khảo:

<https://utt.edu.vn/tuyensinh/thong-bao/dai-hoc-chinh-quy/nang-cao-nang-luc-canhan-tranh-va-phat-trien-dich-vu-logistics-a7294.html>

<https://atmglobaltrans.com.vn/vi/tin-tuc/tin-tuc-su-kien/thuc-trang-dinh-huong-phat-trien-nganh-logistics-tai-viet-nam-758.html>

# IFRS - Important matters when entering Vietnam and the direction for individuals and organizations

Kiều Thu Hằng - CQ59/22.05CLC

In the context of current global integration, it is very necessary to prepare financial statements according to a common standard of the international financial reporting standards. International financial reporting standards not only contribute to the transparency, clarity and reliability of each report, but also help domestic and foreign enterprises easily compare on a global scale, and are the basis for investors to make the most accurate economic decisions. However, the application of international financial reporting standards in Vietnam still faces many difficulties and shortcomings. Therefore, this article will study the topic: "Status of applying International Financial Reporting Standards in Vietnam and problems in integration conditions".

## Overview of international financial reporting standards

International Financial Reporting Standards abbreviated to IFRS include accounting standards issued by the International Accounting Standards Board (IASB) with the goal of setting the common principles for unified, transparent and comparable financial statements around the world.

Not only that, IFRS also helps businesses, organizations, investors, auditors and accountants around the world to understand and have an overview of corporate and organizational finance; help reasonably reflect the values of the organization and the business; at the same time, it saves the cost of converting financial statements of companies and businesses that have branches in many countries and simplifies accounting procedures in a common language.

## Why is there a transition from IAS to IFRS?

Most of us who study and work in the finance - accounting industry know that there was a set of International Accounting Standards (IAS) before, but why is there a transition to IFRS? There are three reasons for this: Firstly, the historical cost principle of IAS is no longer relevant in the current context due to the difference between the historical cost and the actual value of the assets and liabilities getting farther and farther. Secondly, the inadequacy in the conversion between the accounting standards of each country and the IAS. Thirdly, IFRS was born to help countries' accounting standards eliminate the huge differences between countries' accounting standards.

## Status of IFRS application in Vietnam

In fact, many countries around the world have already begun to apply or are expected to adopt transitions to International Financial Reporting Standards. According to

IFRS.org data, as of April 2018, 144/166 countries surveyed, accounting for 87%, have obligated the use of IFRS; most of the remaining 22 countries are on the roadmap to implement or have already allowed to apply IFRS.

Vietnam has also been taking the first steps towards wide application of IFRS. On March 16, 2020, the Ministry of Finance issued Decision No. 345/QĐ-BTC approving the scheme to apply IFRS in Vietnam with a roadmap consisting of 3 main stages: preparation, testing and mandatory application.

*Preparation period from 2019 to 2021:* The Ministry of Finance prepares necessary conditions for the implementation of the Scheme to ensure that it can support businesses starting to apply IFRS from 2022.

*Testing period from 2022 to 2025:* The Ministry of Finance selects a number of enterprises to prepare consolidated financial statements according to IFRS.

*Mandatory period of IFRS application from after 2025:* Companies are required to prepare consolidated financial statements under IFRS, including all parent companies of state economic groups, all listed companies and all large-scale public companies are unlisted parent companies.

The result of the "Survey on the readiness to apply IFRS in enterprises" by the Ho Chi Minh City Stock Exchange and Deloitte Vietnam shows that more than 50% of businesses have applied or are preparing to convert their financial statements according to IFRS; 55% of businesses confirm that they will apply the transformation before 2025.

### Positive impacts if applying IFRS

Through the application of IFRS, the Vietnamese economy in general and Vietnamese enterprises in particular will benefit from economic integration. IFRS helps ensure comparability, consistency and transparency, helping businesses take advantage of opportunities to access capital from foreign investors. When conducting trade, Vietnamese enterprises using a standard accounting language with businesses in the world will bring more advantages in the accounting and recording of transactions. Understanding about IFRS will help businesses have useful information about other businesses in the same industry, with similar levels of activity in other countries.

Particularly for foreign direct investment enterprises in which the parent company uses IFRS, the application of IFRS is a mandatory requirement to serve the consolidation of reporting in the parent company.

### Important matters when applying IFRS in Vietnam

#### For state management agencies

*Firstly*, it is difficult to translate IFRS documents and guidelines literally because the terminology applied in the accounting-finance industry is difficult to Vietnameseize, IFRS definition.

*Secondly*, the legal conditions for the application of IFRS. Currently, the market for fair value determination in Vietnam is not yet complete, which also greatly affects the preparation of financial statements.

**For Vietnamese businesses**

*Firstly*, the difficulty of accounting human resources. Accordingly, accountants in enterprises are very limited in understanding and applying IFRS, some are just starting to send people to attend IFRS courses and many businesses are still not interested in IFRS.

*Secondly*, the difficulty in awareness of managers because many managers have not really paid attention to building a team of professional accounting staff and tools to support accounting work according to IFRS, a large department. There are also thoughts that the application of IFRS is not necessary.

*Thirdly*, the cost, time, effort and money is large. In the immediate future, businesses have to maintain two financial reporting systems and have to invest a lot in training accounting personnel and investing in equipment, so the cost to apply IFRS is quite large.

**For universities**

The old accounting regime had a profound influence on the lectures. In addition, the number of lecturers with knowledge of IFRS is limited. For example, our Academy of Finance recently; Although there have been many extracurricular sessions introducing these standards, or the IFRS challenge organized by the Faculty of Accounting, which has attracted a large number of participants, due to the English language barrier, a large number of lecturers Staff and students are still very vague about IFRS, even unaware of these standards.

**For researchers, auditing firms, professional associations**

Currently, the research capacity on IFRS of researchers, auditing firms and professional associations in Vietnam, despite efforts, is not enough to apply IFRS more effectively.

**Some suggestions for effective application of IFRS in Vietnam**

Firstly, soon promulgate a system of policies to guide the preparation of financial statements according to IFRS. Secondly, soon evaluate, amend, supplement and update 26 Vietnamese accounting standards in line with the changes of IFRS and improve the economic and legal environment in accordance with the requirements of IFRS. Third, encourage businesses and organizations to research and apply IFRS; at the same time, coordinate with other units to organize many training programs, guidance, propaganda and dissemination of IFRS and strengthen necessary technical support for businesses.

*On the side of businesses:* It is necessary to be properly aware of the long-term benefits of IFRS to determine goals, overall and detailed plans for implementation. Relying on state projects to actively train human resources in line with requirements.

*For universities:* Quickly send lecturers for training and then create lesson plans so that they can be included in lectures, bringing IFRS closer to students as quickly as possible.

*On the side of researchers, auditing firms, professional associations:* Actively participate in learning, researching and researching projects set by the State to cultivate knowledge and experience for themselves.

---

**References:**

- <https://www.pwc.com/vn/vn/services/assurance/ifrs/adoption.html>  
<http://vaa.net.vn/ap-dung-ifrs-tai-viet-nam-nhung-kho-khan-dat-ra/>  
<https://blog.sapp.edu.vn/certifr/ifrs-nghia-la-gi-tam-quan-trong-cua-ifrs>

# Kinh tế tuần hoàn - Xu hướng tất yếu ở Việt Nam

Bùi Thị Hoài - CQ58/62.02

**T**hế giới đang trải qua những tác động cộng hưởng với mức độ và quy mô chưa từng có của ba thảm họa là đại dịch Covid-19, biến đổi khí hậu và sự cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, để lại các hệ lụy to lớn, nhiều mặt, không chỉ hiện nay mà còn với các thế hệ tương lai. Bởi vậy, phát triển kinh tế tuần hoàn là xu hướng tất yếu. Hiện Chính phủ Việt Nam đang nỗ lực phát huy tiềm năng, đẩy mạnh triển khai các kế hoạch, chiến lược nhằm đạt được sự tăng trưởng kinh tế, trong khi vẫn duy trì sự bền vững về môi trường.

## ***Khái niệm kinh tế tuần hoàn***

Khái niệm Kinh tế tuần hoàn (KTH) được sử dụng chính thức đầu tiên bởi Pearce và Turner (1990). Nó được dùng để chỉ mô hình kinh tế mới dựa trên nguyên lý cơ bản “mọi thứ đều là đầu vào đối với thứ khác”, hoàn toàn không giống với cách nhìn của nền kinh tế tuyến tính truyền thống. Ellen MacArthur Foundation mô tả nền KTH là một hệ thống công nghiệp phục hồi hoặc tái tạo theo ý định và thiết kế. Nó chuyển sang sử dụng năng lượng tái tạo, loại bỏ việc sử dụng các hóa chất độc hại và chất thải gây suy giảm khả năng tái sử dụng thông qua thiết kế ưu việt của vật liệu, sản phẩm, hệ thống và trong phạm vi này, là các mô hình kinh doanh.

## ***Thực trạng về việc phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh ở Việt Nam***

KTH đã được áp dụng khá sớm ở Việt Nam và đem lại hiệu quả nhất định và đặc biệt các mô hình này đều hướng tới việc giảm chất thải thông qua việc tuần hoàn vật liệu...

## ***Kết quả nổi bật***

### ***Mô hình KTH***

Việt Nam đã có những mô hình gần với KTH từ rất sớm, như mô hình kinh tế vườn ao chuồng (VAC), vườn rừng ao chuồng (VRAC),... hay các làng nghề tái chế chất thải. Đến nay, Việt Nam đã xuất hiện thêm nhiều điển hình về KTH, như: mô hình khu công nghiệp sinh thái, mô hình kinh tế sinh thái, mô hình sản xuất sạch, nhất là các sáng kiến tuần hoàn của doanh nghiệp (mô hình hỗ trợ thu gom và tái chế tất cả các chai nhựa từ các sản phẩm bán ra của Coca-Cola; mô hình sử dụng hoặc tái chế tới 99,01% phụ phẩm và phế liệu trong sản xuất của Heineken<sup>3</sup>; mô hình sử dụng bao bì nhựa dẻo để làm đường giao thông của DOW; mô hình thu gom, tái chế, tái sử dụng 100% rác thải từ bao bì nhựa của công ty Unilever...).

### Công nghiệp

Xu hướng phát triển công nghiệp xanh tập trung vào hai mục tiêu chính là hạn chế phát thải khí CO<sub>2</sub>, hóa chất độc hại từ các khu công nghiệp, khu chế xuất ra ngoài môi trường.

Từ năm 2011 đến nay, các chương trình, mục tiêu của quốc gia về quản lý năng lượng đã được triển khai tiết kiệm và hiệu quả. Theo Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), hiện đã có 113 dự án điện mặt trời, điện gió với tổng công suất các nguồn điện gió và điện mặt trời đã được phê duyệt bồ sung quy hoạch gần 23.000MW, trong đó, điện mặt trời khoảng 11.200 MW, điện gió khoảng 11.800 MW. Tính đến cuối tháng 8/2020, cả nước đã đưa vào vận hành 102 dự án điện mặt trời với tổng công suất 6.314 MWp (tương đương 5.245 MWac). Tính đến hết tháng 5/2021 có 130 dự án điện gió đã ký hợp đồng mua bán điện với EVN, trong đó số dự án đã đưa vào vận hành thương mại là 12 dự án với tổng công suất là 581,93 MW.

### Sản xuất và tiêu dùng

Trên thực tế, Việt Nam đã triển khai nhiều hoạt động liên quan đến sản xuất và tiêu dùng bền vững, trong đó tiêu dùng xanh ngày càng được quan tâm nhiều hơn. Tiêu dùng theo hướng xanh và bền vững đã trở thành đườong lối, quan điểm, chính sách xuyên suốt của Đảng và Nhà nước và là một nội dung căn bản của mục tiêu phát triển ở Việt Nam hiện nay. Các chủ trương, chính sách, chương trình hành động về tiêu dùng xanh được phát triển ở nhiều địa phương trên cả nước, bước đầu đã đạt những kết quả tốt, thu hút lượng lớn người dân tham gia. Những năm qua, nhiều mô hình tiêu dùng xanh được cộng đồng xã hội hưởng ứng như: gói rau, củ, quả bằng lá chuối; dùng bình nước bằng thủy tinh, ống hút bằng tre hoặc giấy; sử dụng ly giấy thay ly nhựa, túi vải thay túi nylon...

Người tiêu dùng ngày càng quan tâm tới tiêu dùng thông minh, bền vững, cũng như những sản phẩm, dịch vụ thân thiện với môi trường ngay từ khâu sản xuất đến tiêu thụ và sử dụng sản phẩm. Xu hướng tiêu dùng xanh, sống xanh được dự báo sẽ tiếp tục phát triển mạnh trong thời gian tới. Do đó, sự dịch chuyển sản xuất xanh đúng lúc để bắt kịp nhu cầu thị trường chính là cơ sở để doanh nghiệp phát triển bền vững hơn. Bên cạnh đó, xanh hóa sản xuất cũng đồng thời thể hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng - xã hội, nhằm chung tay bảo vệ môi trường và hệ sinh thái chung.

### Xây dựng và giao thông

Công trình xanh đang là một cuộc cách mạng trong lĩnh vực xây dựng trên phạm vi toàn cầu khi mà các công trình xây dựng ngày càng thể hiện trách nhiệm cao hơn với tài nguyên thiên nhiên, môi trường, hệ sinh thái và với chất lượng cuộc sống con người thông qua các khâu như thiết kế, thi công, sản xuất thiết bị, công nghệ, vật liệu, chính sách và tài chính. Việt Nam có gần 150 công trình được công nhận công trình xanh theo các chuẩn kỹ thuật khác nhau: LEED, EDGE, LOTUS, Green Mark... Trong các bộ tiêu chí công trình xanh đã được áp dụng ở Việt Nam, LOTUS là một bộ chứng chỉ được xây dựng cho điều

kiện Việt Nam, do Hội đồng công trình xanh Việt Nam phát triển Việt Nam; còn lại là các bộ công cụ quốc tế hoặc của các nước khác.

Bên cạnh đó, ngành giao thông vận tải đã và đang rà soát và xây dựng mới các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển theo hướng đồng bộ, bền vững, thân thiện với môi trường và giảm phát thải khí nhà kính. Định hướng phát triển của ngành giao thông vận tải đã bám sát với những nội dung của chiến lược tăng trưởng xanh như: phát triển kết cấu hạ tầng giao thông bền vững, thích ứng với biến đổi khí hậu; thúc đẩy chuyển giao thông vận tải đường bộ sang các phương thức giao thông vận tải tiết kiệm nhiên liệu hơn, có mức phát thải thấp hơn; và kiểm soát khí thải, nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng đối với thiết bị, phương tiện giao thông vận tải.

### **Hạn chế**

Việt Nam đã đề ra nhiều chương trình, kế hoạch phát triển KTX, tuy nhiên vẫn còn tồn tại một số hạn chế trong công tác triển khai, dẫn đến các mục tiêu về phát triển KTX chưa đạt được kết quả như mong muốn.

Nhận thức về KTX ở Việt Nam vẫn còn mới, chưa rõ ràng, đòi hỏi phải tiếp tục có những nghiên cứu và phổ biến kiến thức rộng rãi trong xã hội, từ lãnh đạo đến các doanh nghiệp và người dân. Theo đánh giá của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, đến cuối năm 2018, mới chỉ có 7 bộ, ngành và 34/63 tỉnh, thành ban hành kế hoạch thực hiện chiến lược tăng trưởng xanh. Việc cụ thể hóa chiến lược tăng trưởng xanh quốc gia chưa phải là một nhiệm vụ bắt buộc cần ưu tiên thực hiện ở bộ, ngành và địa phương.

Nguồn lực triển khai các kế hoạch, chương trình phát triển KTX, phát triển bền vững hiện chưa rõ ràng, trong đó, các dự án mà các bộ, ngành, địa phương đã, đang thực hiện liên quan đến phát triển KTX đều dựa trên sự hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật của các tổ chức quốc tế. Bên cạnh đó, việc thu hút nguồn vốn đầu tư vào các dự án xanh gặp nhiều rào cản do mức độ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư chưa cao, nhất là trong bối cảnh kinh tế thế giới chịu ảnh hưởng nghiêm trọng của dịch Covid-19.

Cơ cấu công nghiệp vẫn tập trung vào khai thác tài nguyên và công nghệ sản xuất còn lạc hậu so với thế giới, làm tiêu hao năng lượng, tài nguyên trong sản xuất, dẫn đến nguy cơ hủy hoại môi trường.

### **Định hướng, giải pháp nâng cao phát triển kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh ở Việt Nam**

**Thứ nhất**, thể chế hóa KTTH thông qua hệ thống pháp luật, chính sách, thủ tục hành chính... để thực hiện KTTH một cách có hệ thống và đồng bộ, cùng với các hình thức khuyến khích, ưu đãi về cơ chế, tài chính, tiếp cận các nguồn lực và chế tài rõ ràng, minh bạch.

**Thứ hai**, xây dựng bộ tiêu chí đánh giá, bao gồm các khung tiêu chí và các tiêu chí mềm, đồng thời từng bước hình thành hệ thống cơ sở dữ liệu về KTTH để phục vụ quản lý và điều chỉnh việc thực hiện KTTH thống nhất trong cả nước.

**Thứ ba**, đầu tư cho khoa học và công nghệ cần được tăng cường, đồng thời tiếp nhận, chuyển giao công nghệ tiên tiến phù hợp với điều kiện Việt Nam, đẩy mạnh nghiên cứu các lĩnh vực ngành nghề phát triển kinh tế xanh như giảm thiểu phát thải carbon, phát triển năng lượng tái tạo, năng lượng thân thiện với môi trường... Nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ cần được đẩy mạnh, vì đây là nội dung quan trọng trong việc thiết lập các cơ sở lý luận, khoa học và thực tiễn để xây dựng cơ chế, chính sách, các giải pháp quản lý, đóng góp tích cực vào việc dự báo, phòng ngừa, cải tạo, phục hồi, xử lý ô nhiễm môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học. Đồng thời, cần có các chính sách ưu đãi để khuyến khích các doanh nghiệp đang sử dụng công nghệ lạc hậu, không thân thiện với môi trường chuyển đổi sang công nghệ tiên tiến, góp phần nâng cao năng suất sản xuất, tiết kiệm nguyên liệu, đáp ứng tiêu chuẩn của nền kinh tế xanh.

**Thứ tư**, môi trường đầu tư cần được cải thiện, tăng cường thu hút mọi nguồn lực từ tất cả các thành phần kinh tế, trong đó tập trung huy động nguồn vốn nước ngoài. Việc thu hút nguồn vốn nước ngoài không chỉ góp phần phát triển kinh tế xanh mà còn giúp doanh nghiệp trong nước học hỏi được kinh nghiệm từ phía doanh nghiệp nước ngoài. Tuy nhiên, cần xây dựng tiêu chí chặt chẽ để lựa chọn những dự án đầu tư thực sự có hiệu quả trong phát triển kinh tế xanh, đảm bảo yếu tố bảo vệ môi trường.

#### Tài liệu tham khảo:

Báo cáo “Hướng tới nền kinh tế xanh: Con đường phát triển bền vững và xóa đói giảm nghèo”, (2011)

Nguyễn Tuấn Phong, (2021), Phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam giai đoạn 2021 - 2025, Tạp chí Kinh tế tài chính Việt Nam, số 4/2021.

Ngân hàng Thế giới (WB): <https://www.worldbank.org/vi/country/vietnam>

ThS. Phạm Tuyên - Học viện Báo chí và Tuyên truyền, (2021), Mô hình kinh tế tuần hoàn với phát triển nền kinh tế xanh ở Việt Nam, Tạp chí điện tử Lý luận chính trị

VNP, (2023), Phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn: Ưu thế của Việt Nam.

#### Thư giãn:

##### **Người phụ nữ vui vẻ hạnh phúc nhất thế gian**

*Chàng trai cầu hôn cô gái xinh đẹp trước mặt nhiều người:*

*- Lấy anh nhé em, cả đời này em sẽ là người phụ nữ vui vẻ hạnh phúc nhất thế gian!*

*Cô bật khóc vì sung sướng, hạnh phúc, những người xung quanh thì cười khẩy, cho là anh ba hoa, nói đùa.*

*3 năm sau ngày cưới, cô cưới suốt ngày, sống không lo không nghĩ, sáng hái hoa chiều bắt bướm, tiêu diêu tự tại, nay đây mai đó.*

*Bác sĩ tâm thần chuẩn đoán cô thường xuyên bị vật cứng đập vào đầu trong một thời gian dài, không chữa được!*

# Nhân tố ảnh hưởng và giải pháp thúc đẩy phát triển logistics xanh tại Việt Nam

Phó Huyền Ngan - CQ59/06.03CLC

T rong những năm vừa qua, hoạt động logistics phát triển mạnh mẽ, nhưng đi kèm với nó là hệ quả ô nhiễm môi trường nghiêm trọng: dịch vụ vận tải, kho bãi và phân phối hàng hóa trên thế giới chiếm khoảng 11% lượng khí thải CO<sub>2</sub> mỗi năm. Do vậy, để hiện thực hóa các mục tiêu khí hậu và đảm bảo phát triển kinh tế bền vững thì logistics xanh chính là giải pháp tất yếu.

## Khái quát về logistics xanh

Thuật ngữ “logistics xanh” hay (logistics bền vững) được đề cập lần đầu tiên vào những năm 1980. Với các cách tiếp cận trên nhiều góc độ khác nhau, hàng loạt các khái niệm “logistics xanh” đã ra đời. Tại Việt Nam, định nghĩa “logistics xanh” được Ban biên tập Báo cáo logistics Việt Nam 2022 đưa ra như sau “*Logistics xanh là hoạt động logistics hướng tới các mục tiêu bền vững, thân thiện và bảo vệ môi trường, giảm tối đa tác động tiêu cực đến môi trường*”.

Đón đầu làn sóng dịch chuyển chuỗi cung ứng cùng tốc độ tăng trưởng kinh tế ổn định, Việt Nam được đánh giá là thị trường logistics tiềm năng của châu Á trong tương lai. Để nắm bắt được những cơ hội mới đó nước ta phải đổi mới với không ít thách thức, đặc biệt về cơ sở vật chất và môi trường. Với mục tiêu đảm bảo hoàn thành chiến lược phát triển kinh tế xanh bền vững do Đảng và Nhà nước đề ra, logistics xanh là yếu tố tiên quyết để chạm tới mục đích này.

## Nhân tố ảnh hưởng quá trình xanh hóa logistics tại Việt Nam

### Thứ nhất, khung chính sách pháp lý của nhà nước

Các chính sách khuyến khích, hỗ trợ tài chính cho các doanh nghiệp mong muốn hướng tới dịch vụ logistics xanh có tác động to lớn, tạo điều kiện cơ sở thuận lợi cho quá trình “xanh hóa” logistics hướng tới mục tiêu phát triển kinh tế bền vững sau này. Thông qua những quy định nhân hỗ trợ tài chính đầu tư, ưu đãi về thuế suất và vay vốn, Chính phủ đã giúp các doanh nghiệp nội địa tăng khả năng tiếp cận logistics xanh, nâng cao năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế và đẩy mạnh quy trình “xanh hóa” chuỗi cung ứng logistics Việt Nam. Tiến hành song song các chính sách hỗ trợ này là việc cấp thiết xây dựng hoàn thiện các tiêu chuẩn, quy chuẩn, định mức trong từng khâu chuỗi cung ứng nhằm giảm phát thải từ lĩnh vực logistics. Nếu Nhà nước không thúc ép các doanh nghiệp trong nước thực hiện nghiêm túc logistics xanh sẽ rất khó triển khai rộng rãi do họ thường mong muốn tối ưu hóa doanh thu hơn là thực hiện phương án thân thiện môi trường.

### Thứ hai, cơ sở hạ tầng giao thông vận tải

Cơ sở hạ tầng logistics tại Việt Nam được nhận xét là yếu tố khó khăn nhất trong quá trình phát triển logistics xanh dù đã được Nhà nước quy hoạch đầu tư với hơn 570.400 km đường bộ, gần 3.160 km đường sắt và hệ thống tuyến đường thủy nội địa là 17.253 km. Tuy nhiên do chưa đồng bộ, thiếu tính liên kết giữa các thành phần trong hệ thống hạ tầng logistics, hầu hết hoạt động vận tải chủ yếu dựa trên giao thông đường bộ - đảm nhiệm đến

gần 80% tỷ trọng nhưng chi phí khá cao; các phương thức vận tải có giá thành rẻ như đường biển và đường sắt vẫn chưa thể phát huy được tiềm năng vốn có. Do đó, việc chuyển đổi từ phương thức vận tải đường bộ sang đường sắt, đường biển và kết hợp vận tải đa phương thức có thể giảm lượng phát thải và tối ưu chi phí logistics.

Ngoài ra, đầu tư xây dựng các trung tâm logistics đóng vai trò thiết yếu trong quá trình tối ưu hóa cường độ lưu thông hàng hóa bằng một lịch trình vận chuyển hợp lý và hệ thống phân phối hữu ích. Hiện nay tại Việt Nam các trung tâm logistics mới bắt đầu hình thành, mang tính rải rác, hầu hết tập trung ở các khu công nghiệp phát triển như TT logistics Cái Lân - VOSA Quảng Ninh, TT logistics Damco Bình Dương, TT logistics Geodis Wilson Cát Lái,... Bên cạnh đó, gắn liền với sự phát triển của thương mại điện tử, các trung tâm phân phối, trung tâm hoàn tất đơn hàng được các doanh nghiệp đầu tư mạnh mẽ. Tiêu biểu như Lazada - sàn thương mại điện tử nằm trong Top 3 tại Việt Nam đã đầu tư 3 kho lớn với tổng diện tích lên đến 22.000 m<sup>2</sup> ở TP.HCM, Đà Nẵng và Hà Nội, và mạng lưới hơn 34 trung tâm phân phối trên toàn quốc. Quy hoạch xây dựng các trung tâm logistics không chỉ tối ưu quá trình vận chuyển, giảm thiểu khí thải, bảo vệ môi trường mà còn là giải pháp quan trọng giảm thiểu chi phí logistics, từ đó tạo sức cạnh tranh cho doanh nghiệp Việt Nam.

### **Thứ ba, trình độ phát triển công nghệ thông tin**

Một trong những nhiệm vụ cấp thiết nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 (theo Quyết định số 221/QĐ-TTg) của Thủ tướng Chính phủ là “Nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật, đẩy mạnh chuyển đổi số trong dịch vụ logistics”. Tuy nhiên, theo kết quả đánh giá từ nguồn dữ liệu World Bank, chỉ tiêu về “Khả năng kết nối thông tin - Tracking & tracing” qua các năm chưa có sự thay đổi rõ rệt, năm 2010 ở mức **3.1/5** và năm 2022 chỉ ở mức **3.40/5**. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin cải thiện hiệu quả hoạt động logistics của các doanh nghiệp Việt Nam vẫn còn bị hạn chế do vốn đầu tư cao, chất lượng nguồn nhân lực còn thấp. Hiện nay, LEX - đơn vị vận chuyển của Lazada là công ty tiên phong đầu tư ứng dụng công nghệ nhằm cải thiện chất lượng hoạt động logistics. Diễn hình là các trung tâm phân loại hàng hóa tự động: sử dụng robot để tự động phân loại hàng hóa đến các hub của Lazada Express, cũng như chia cho từng bên thứ 3 (đối tác vận chuyển của Lazada). Với thực trạng lượng hàng hóa lưu thông ngày càng tăng, xu hướng ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại là tất yếu, không chỉ nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm thiểu chi phí logistics mà còn an toàn, tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường.

### **Thứ tư, quy mô doanh nghiệp logistics trong nước**

Quy mô vốn đầu tư doanh nghiệp nội địa là một trong những nhân tố quyết định tốc độ xanh hóa chuỗi cung ứng logistics. Quá trình cải tiến, đầu tư và hiện đại hóa phương tiện vận tải, kho bãi hàng hóa của doanh nghiệp hay tận dụng tối đa các nguồn năng lượng tái tạo để giảm thiểu khí thải, thân thiện môi trường được quyết định hoàn toàn bởi vốn doanh nghiệp. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp logistics ở quy mô vừa và nhỏ với mức vốn hạn chế chưa thể đầu tư “xanh hóa” logistics do chi phí đắt đỏ của các thiết bị công nghệ chuyên dụng.

### **Thứ năm, nhu cầu sử dụng dịch vụ logistics xanh**

Hiện nay, khách hàng trong nước và quốc tế ngày càng quan tâm đến hàng hóa dịch vụ có yếu tố thân thiện môi trường. Khảo sát 1.000 người dân Singapore (từ 15 tuổi trở lên) thực hiện năm 2021 cho thấy hơn 90% số người được hỏi đã nhận thức được về biến đổi khí hậu và các tác động của nó trong việc phá hủy hệ sinh thái môi trường; khoảng 78% sẵn sàng chịu thêm một số

chi phí với tư cách là người tiêu dùng để hướng tới một đất nước carbon thấp. Điều đó cho thấy các công dân toàn cầu đang dần đặt mối quan tâm đến vấn đề môi trường, từ đó tạo sức ép, buộc các doanh nghiệp phải tìm đến các giải pháp xanh - thúc đẩy logistics xanh phát triển.

### **Một số giải pháp thúc đẩy phát triển logistics xanh tại Việt Nam**

#### **Thứ nhất, hoàn thiện đồng bộ khung quy định chính sách pháp lý**

Tham khảo chính sách của Đức, một trong những quốc gia đang dẫn đầu ngành “green logistics” hiện nay: ngày 3/12/2014, Chính phủ Đức phê duyệt chương trình hành động gồm 100 giải pháp nhằm hoàn thành mục tiêu giảm mức phát thải khí nhà kính 55% vào năm 2030; 70% vào năm 2040. Các chính sách về khí hậu đã tạo ra cơ hội thuận lợi cho doanh nghiệp trong nước đầu tư vào năng lượng tái tạo, giảm sự phụ thuộc vào năng lượng nhập khẩu. Nhà nước cần tiếp tục xây dựng khung pháp lý hoàn thiện cho hoạt động “xanh hóa” chuỗi cung ứng, đặc biệt tránh chồng chéo giữa các cơ quan Bộ, ngành; khẩn trương thiết lập quy định về kiểm soát ô nhiễm không khí, hạn chế lượng phát thải khí thải; các tiêu chuẩn quy chuẩn về lượng khí CO<sub>2</sub> từ phương tiện vận tải. Đồng thời, đề ra những chính sách hỗ trợ tài chính, khuyến khích doanh nghiệp sử dụng các phương thức vận tải xanh tiết kiệm năng lượng, an toàn và thân thiện môi trường. Bên cạnh đó, chế tài xử phạt cũng nên được thiết lập nghiêm minh, rõ ràng để nâng cao nhận thức cho doanh nghiệp logistics về quá trình “xanh hóa”, ràng buộc các doanh nghiệp tuân theo pháp luật.

#### **Thứ hai, đầu tư xây dựng tối ưu cơ sở hạ tầng logistics**

Thực hiện Quyết định số 1012/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030, hướng tới mục tiêu trở thành một trong những trung tâm logistics lý tưởng của khu vực và toàn cầu, Nhà nước cần đầu tư xây dựng các trung tâm logistics nhằm tối ưu tuyến đường và thuận lợi kết hợp đa phương thức vận tải, cắt giảm tối đa lượng nhiên liệu tiêu thụ và lượng khí thải ra môi trường. Việc xây dựng, tân trang các tòa nhà trung tâm logistics cần được xem xét kĩ lưỡng theo hướng tiết kiệm năng lượng tận dụng tối đa nguồn tài nguyên sẵn có để nâng cao hiệu quả logistics xanh. Chẳng hạn như, Tập đoàn Barth Logistik Gruppekhi ở Đức khi bắt đầu xây dựng trung tâm logistics mới đã lựa chọn một tòa nhà xanh và lắp đặt đường ống nước ngầm lên đến 12 km để làm mát nhà kho, nhờ đó giúp giảm tiêu thụ năng lượng so với hệ thống điều hòa không khí thông thường.

#### **Thứ ba, triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến**

Một trong những yếu tố quan trọng đẩy mạnh phát triển dịch vụ logistics xanh của Việt Nam là nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực logistics. Tự động hóa quy trình để loại bỏ các bước không cần thiết giúp giảm thiểu lãng phí thời gian và nhân lực nhưng vẫn cho phép doanh nghiệp theo dõi và quản lý tài nguyên một cách hiệu quả nhất. Chuyển đổi số cho phép kết nối thông tin giữa phương tiện và hạ tầng vận tải giúp tối ưu hóa tuyến đường, giảm lượng khí thải, hạn chế ô nhiễm môi trường.

#### **Tài liệu tham khảo:**

Đoàn Thị Hồng Anh (2020), Nghiên cứu yếu tố cấu thành logistics xanh, Tạp chí Công Thương số 22 tháng 9/2020.

Bộ Công Thương (2022), Báo cáo logistics Việt Nam 2022

Nguyễn Thuỷ Linh (2023) Trường Đại học Thủy lợi, Mô hình nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến ứng dụng logistics xanh tại các doanh nghiệp hiện nay, Tạp chí Kinh tế và Dự báo số 18, 6/2023

ThS. Phạm Thu Trang (2023), Logistics xanh tại Việt Nam: cơ hội và thách thức, Tạp chí Công Thương - Các kết quả nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, số 10 tháng 4 năm 2023.

# Bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trong hoạt động thương mại điện tử tại Việt Nam

Vũ Thị Thu Thảo - CQ59/09.04CLC  
Lê Đình Hải Anh - CQ59/09.03CLC

**T**ương mại điện tử (Electronic commerce) hiện nay là cái tên không hề xa lạ với con người tại thời đại 4.0, ngoài ra nó còn được biết qua những cái tên khác nhau như “thương mại trực tuyến” (online trade) hay “thương mại không giấy tờ” (paperless commerce). Với sự phát triển của điện tử viễn thông, công nghệ và Internet, TMĐT thông qua đó bắt đầu mua bán hàng hoá và cung cấp các dịch vụ khác nhau. Ngày nay, các doanh nghiệp ứng dụng sự phát triển của công nghệ thông tin và điện tử như chuyển đổi tiền điện tử, quản lý chuỗi dây chuyền cung ứng, tiếp thị internet, giao dịch trực tuyến, trao đổi dữ liệu điện tử,... vào chuỗi hoạt động của mình từ tìm kiếm, quảng bá, bán hàng đến thanh toán và hỗ trợ khách hàng thông qua chuyển đổi số và quản lý chuỗi cung ứng. Có thể nói, các doanh nghiệp sử dụng sàn thương mại thứ ba này là các doanh nghiệp điện tử, qua đó họ được tối thiểu hoá các chi phí vận hành một doanh nghiệp.

Được phát triển mạnh mẽ từ những năm cuối của thế kỷ 20, thương mại điện tử đang dần chiếm được ưu thế và trở thành mô hình kinh doanh chính tại thời điểm hiện tại. Điều này được nhận thấy khi đồng loạt các sàn giao dịch TMĐT ra đời như Amazon, eBay, Alibaba,... Ở Việt Nam, những sàn TMĐT có ưu thế lớn như Shopee, Lazada, Chotot, Tiki,... cùng với đó kéo theo sự xuất hiện của các công ty vận chuyển bên cạnh công ty chuyển phát truyền thống Bưu điện Việt Nam (VNPost) như Viettel Post, Giaohangnhanh, DHL,... làm công nghệ logistics được ứng dụng rộng rãi tại Việt Nam. Mô hình kinh doanh này đã tạo ra sự đột phá trong công nghệ và chuyển đổi số, tạo cơ hội cho các doanh nghiệp nhỏ tiết kiệm chi phí bán hàng, giảm thiểu tỷ lệ thất nghiệp trong cộng đồng và nâng cao chất lượng dịch vụ cung cấp cho xã hội.

## Thực trạng Thương mại điện tử những năm gần đây

Ngày nay TMĐT toàn cầu vẫn tiếp tục duy trì tốc độ phát triển ổn định, số liệu từ các nhà nghiên cứu tới từ Đại học Illinois ở Mỹ đã chỉ ra sự phát triển mạnh mẽ của TMĐT toàn cầu bắt chấp sự ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, cụ thể doanh thu TMĐT thế giới năm 2021 tăng 16,3% so với năm 2020, nhiều doanh nghiệp chuyển hướng sang kinh doanh TMĐT, áp dụng các công nghệ mới bắt kịp với xu hướng và nhu cầu của người tiêu dùng. Điển hình là doanh thu khủng của Amazon với 514 tỷ đô theo số liệu năm 2022, doanh thu của Taobao đạt 700 tỷ NDT.

Tại Việt Nam tốc độ tăng trưởng của thị trường TMĐT trong năm 2017, 2018, 2019 được Hiệp hội thương mại điện tử Việt Nam (Vecom) ước tính trên 30% mỗi năm, đánh dấu sự bùng nổ của mô hình này. Đặc biệt trong giai đoạn 2020-2021, theo số liệu của tổng cục thống kê, dù ảnh hưởng to lớn từ đại dịch, TMĐT Việt Nam vẫn giữ mức tăng trưởng 20%. Theo 1 khảo sát của Vecom về 4 sàn TMĐT thuộc nhóm dẫn đầu Việt Nam cho thấy số lượng đơn hàng phát sinh trên sàn giai đoạn tháng 6 đến tháng 9/2021 đều tăng mạnh so với

cùng kỳ năm 2020 với tỷ lệ tăng trưởng trong khoảng từ 8% tới 50%. Cho tới năm 2022 theo số liệu công bố bởi Bộ Công Thương quy mô thị trường TMĐT Việt Nam ước đạt trên 7,5% doanh thu hàng hóa và tiêu dùng của cả nước, với tốc độ 20% so với cùng kỳ năm 2022 và đạt doanh thu 16,4 tỷ USD.

Việt Nam cũng được các chuyên gia đánh giá là có thị trường TMĐT phát triển nhanh chóng so với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Với tốc độ tăng trưởng 20%/năm, Việt Nam được eMarketer xếp vào nhóm 5 quốc gia có tốc độ tăng trưởng TMĐT hàng đầu thế giới. Thương mại điện tử Việt Nam cũng được kỳ vọng sẽ đạt doanh thu 39 tỷ đô vào năm 2025. Shopee hiện là sàn TMĐT phổ biến nhất tại Việt Nam khi chiếm đến gần 73% tổng doanh số 4 sàn, tương ứng với khoảng 33,5 nghìn tỷ đồng. Việt Nam cũng được kỳ vọng sẽ là quốc gia có TMĐT đứng thứ 2 Đông Nam Á.

### **Một số hạn chế của thị trường thương mại điện tử Việt Nam**

#### **Thứ nhất, rủi ro bị lừa đảo và lộ thông tin qua mạng.**

Đối với người tiêu dùng, ta có thể thấy rủi ro đầu tiên và lớn nhất đó là việc có thể bị lừa đảo khi lựa chọn các sàn TMĐT không uy tín. Hiện nay trên Internet có vô số các sàn TMĐT khác nhau, bên cạnh những người tin tưởng các sàn TMĐT lâu năm, có uy tín thì vẫn có những người vì khuyến mại ảo đi kèm mà chọn những sàn TMĐT kém uy tín dẫn tới nguy cơ bị lừa đảo qua mạng rất cao. Theo thống kê của Liên minh chống lừa đảo toàn cầu (GASA), Việt Nam là nơi có số vụ lừa đảo qua mạng ở mức cao so với bình quân toàn thế giới. Chỉ trong năm 2021, Việt Nam ghi nhận hơn 87.000 vụ lừa đảo qua mạng. Bên cạnh đó khi tham gia TMĐT người mua hàng cũng đối mặt với rủi ro lộ các thông tin cá nhân như số điện thoại, địa chỉ, thẻ tín dụng,... Dù các sàn TMĐT hiện nay đã có những đảm bảo với người tiêu dùng về việc bảo mật cũng như mã hóa các thông tin cá nhân của khách hàng tuy nhiên vẫn có rất nhiều người lo sợ việc bị lộ các thông tin cá nhân sẽ đem lại nhiều mối đe dọa trong tương lai.

#### **Thứ hai, bất lợi cho doanh nghiệp có mức giá không phải “rẻ nhất”.**

Một trong những điểm tạo nên thành công cho các sàn TMĐT là các ưu đãi và chiến dịch giảm giá đi kèm. Điều đó dẫn đến một tình trạng là người mua hàng thường có thói quen so sánh giá của các sản phẩm từ đó ưu tiên lựa chọn những sản phẩm có mức giá rẻ hơn, nếu doanh nghiệp không có mức giá ưu đãi sẽ khó có thể thu hút được khách hàng. Đây là một vấn đề đáng kể với các doanh nghiệp mới tham gia thị trường khi họ luôn phải đưa ra một mức giá khiến họ không thoái mái nhầm thu hút khách hàng.

#### **Thứ ba, sự phụ thuộc không hoàn hảo vào đơn vị trung gian.**

Sự hài lòng của khách hàng với một sản phẩm không chỉ về mặt chất lượng mà còn bị ảnh hưởng rất lớn bởi sàn TMĐT và các đơn vị vận chuyển. TMĐT sẽ có bất lợi khi người mua không biết rõ về chất lượng sản phẩm của mình cũng như phải chờ đợi để nhận được chúng. Đôi khi khách hàng sẽ phàn nàn về việc hàng của họ tới trễ với người bán hàng mà không phải với các đơn vị vận chuyển, kèm theo đó là sự thiếu an toàn, tiềm ẩn nhiều rủi ro đối với các sản phẩm có giá trị cao. Người bán và người mua đều phải chịu ảnh hưởng nếu như những mặt hàng đó bị đánh tráo, gây hỏng, vỡ,... trong quá trình vận chuyển. Hay đơn giản hơn, sàn TMĐT không xử lý đơn hàng được thanh toán, gây trì trệ. Điều này sẽ gây mất lượng khách hàng tới trực tiếp đơn vị bán hàng và ảnh hưởng đến sự tin tưởng của người mua hàng tới TMĐT.

### **Giải pháp bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng trước rủi ro trong thương mại điện tử**

*Giải pháp thứ nhất: Người mua hàng cần lựa chọn những sàn thương mại điện tử uy tín, đảm bảo chất lượng.*

Để hạn chế việc bị lừa đảo hay lộ thông tin khi thực hiện các hoạt động TMĐT, người mua hàng cần lựa chọn sàn TMĐT một cách kỹ lưỡng để giao dịch. Tránh việc chọn phải những sản phẩm kém chất lượng, rủi ro cao khi tiếp xúc với những ưu đãi có lợi về giá cả, quảng cáo khuyến mãi từ địa chỉ không rõ ràng. Khi lựa chọn cũng cần chú ý tới các yếu tố như số lượng hàng đã giao dịch, ý kiến phản hồi của người đã sử dụng sản phẩm,... Khi tham gia mua bán TMĐT cũng cần thận trọng trong việc cung cấp các thông tin cá nhân như số điện thoại, số căn cước công dân, địa chỉ quá chi tiết,... để tránh những rủi ro về sau này.

*Giải pháp thứ hai: Sàn TMĐT cần rà soát, đảm bảo chất lượng của các hàng hóa được bán trên sàn.*

Rủi ro khi nhận phải sản phẩm không được như mong đợi của người mua sắm online vẫn xuất hiện nhiều dù đã sử dụng sàn TMĐT có uy tín. Nguyên nhân khác là do khâu kiểm duyệt của các sàn TMĐT chưa được chặt chẽ. Để xác nhận được bên bán hàng là đơn vị uy tín, không có dấu hiệu gian dối trong sản phẩm, sàn TMĐT trung gian phải tăng cường kiểm tra chặt chẽ đầu vào của các đơn kinh doanh; đảm bảo được chất lượng hàng hóa; xác thực được địa chỉ đơn vị đó;... nhằm xác nhận được tính uy tín của đơn vị kinh doanh, giảm rủi ro và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và bản thân sàn TMĐT đó.

*Giải pháp thứ ba: Đơn vị vận chuyển cần có hệ thống logistic hợp lý, hiệu quả.*

Để TMĐT Việt Nam phát triển, các đơn vị vận chuyển cần cải thiện và phát triển các hệ thống logistic hợp lý, đem lại hiệu quả cao. Các đơn vị vận chuyển cần cải thiện các phương tiện vận chuyển để tăng tốc độ giao hàng, cải thiện hệ thống duyệt đơn hàng, thêm các chính sách bảo vệ sản phẩm tùy vào giá trị để đảm bảo quyền lợi của người mua và bán khi có sự cố. Tuyển chọn những nhân viên giao hàng với lý lịch tốt, hạn chế thông tin về giá trị đơn hàng cho nhân viên giao hàng....

*Giải pháp thứ tư: Hoàn thiện hành lang pháp lý.*

Hiện nay, hệ thống pháp lý về TMĐT của Việt Nam còn nhiều khoảng trống về các điều luật về bảo vệ người tiêu dùng và cả người bán hàng qua mạng. Hiện nay với Nghị định số 85/2021/NĐ-CP về thương mại điện tử đã bổ sung một số quy định mới để bảo vệ người tiêu dùng khi mua sắm hàng hóa, dịch vụ qua TMĐT bằng cách yêu cầu người bán cung cấp các thông tin về sản phẩm, dịch vụ để tránh việc mua phải hàng giả. Bên cạnh đó việc có thêm những quy định về thuế hợp lý với TMĐT để đảm bảo tính công bằng và hợp lý.

Với tốc độ phát triển nhanh của công nghệ thông tin và trí tuệ nhân tạo, thương mại điện tử đang dần chiếm ưu thế trong kinh doanh và thương mại. Tuy thế, sự phát triển nhanh cũng kéo theo những rủi ro nhất định không lường. Việt Nam đang là quốc gia phát triển toàn diện nhanh, cần đưa ra những giải pháp khắc phục kịp thời những vấn đề gặp phải trong mô hình kinh doanh này nhằm đảm bảo lợi ích, quyền lợi của những người tham gia, nâng cao giá trị cho đất nước.

#### **Tài liệu tham khảo:**

Thời báo tài chính Việt Nam: "Giải pháp quản lý hiệu quả thuế thương mại điện tử" 2022 - Đức Việt.

Tạp chí Thương gia: "Năm 2022, thương mại điện tử Việt Nam xếp thứ 5 thế giới về tốc độ tăng trưởng 2022 - Ngọc Bích.

Tạp chí Luật điện tử: "Hon 87.000 vụ lừa đảo qua mạng ghi nhận tại Việt Nam".

Experts Illinois: "Learning to rank and discover for E-commerce".

Tạp chí công thương: "Thương mại điện tử tại Việt Nam: thực trạng và giải pháp" - Ths. Trần Trọng Huy & TS. Nguyễn Thị Khánh Chi.

# Xu hướng khởi nghiệp thông qua Tiktok Shop của gen Z

Lê Minh Tuấn - CQ58/11.06  
Đinh Đào Phương Anh - CQ58/21.18

**G**en Z là thế hệ sinh ra và lớn lên trong kỷ nguyên số, có sự tiếp xúc sớm và thường xuyên với các nền tảng mạng xã hội. Họ có tính sáng tạo, tự do, thích thử nghiệm và không ngại thay đổi. Họ cũng là những người tiêu dùng thông minh, biết tìm kiếm thông tin và đánh giá sản phẩm trước khi mua hàng. Đây là những yếu tố tạo nên xu hướng khởi nghiệp thông qua Tiktok Shop của gen Z.

Tiktok Shop được sinh ra như là một hình thức kinh doanh online, cho phép người dùng mở gian hàng và bán hàng trực tiếp trên nền tảng này. Sử dụng video để quảng bá, thu hút khách hàng và tăng doanh thu. Tiktok Shop mang đến cho gen Z nhiều lợi thế khi khởi nghiệp như: Tiếp cận khách hàng lớn, quảng cáo sáng tạo, mua sắm giải trí và chi phí thấp,... Như vậy, có thể thấy rằng Tiktok Shop là một xu hướng khởi nghiệp phù hợp và hấp dẫn cho gen Z. Đây là một cơ hội để gen Z thể hiện bản thân, khẳng định giá trị và kiếm tiền từ niềm đam mê của mình. Tuy nhiên, tiktokshop cũng có một số hạn chế và thách thức cần được khắc phục để có thể phát triển bền vững trong tương lai. Vậy Tiktok Shop hoạt động như thế nào? Nó có ưu nhược điểm gì so với các sàn thương mại điện tử khác?

## Xu hướng khởi nghiệp thông qua Tiktokshop của gen Z tại VN

Hiện nay, hoạt động mua sắm đang có sự thay đổi lớn trên toàn cầu. Người tiêu dùng ngày càng ưa chuộng mua sắm trực tuyến hơn là mua sắm truyền thống. Điều này được chứng minh bởi các số liệu thống kê về quy mô, tốc độ tăng trưởng và xu hướng của thị trường thương mại điện tử (TMĐT) trong và ngoài nước. Hiệp hội Thương mại điện tử Việt Nam cho rằng, những khó khăn lớn của nền kinh tế bắt đầu giữa năm 2022 và kéo dài sang quý 1 và có thể đến hết năm 2023. Dù vậy, thương mại điện tử của quý 1 tăng trưởng trên 22% so với cùng kỳ và cả năm vẫn có thể đạt trên 25%. Điều này cho thấy, thương mại điện tử Việt Nam dù phát triển với tốc độ cao nhưng mới chỉ ở giai đoạn đầu. Tiềm năng cho sự phát triển thương mại điện tử còn rất lớn.

Nguyên nhân chính của sự thay đổi hoạt động mua sắm hiện nay là do ảnh hưởng của dịch Covid-19. Ngoài ra, người tiêu dùng cũng đã dịch chuyển ưu tiên sang những mặt hàng thiết yếu và mong muốn sản phẩm dịch vụ tốt hơn, ưu tiên hơn cho những chi tiêu có thể thực hiện tại nhà và giảm chi tiêu cho các sản phẩm và dịch vụ không thiết yếu hoặc không phù hợp với tình hình dịch bệnh.

Hậu quả của sự thay đổi hoạt động mua sắm hiện nay là vừa có tính tích cực vừa có tính tiêu cực cho nền kinh tế và xã hội. Một mặt, sự thay đổi này đã thúc đẩy sự phát triển của nền tảng TMĐT, tạo ra nhiều cơ hội kinh doanh và việc làm cho các doanh nghiệp và người lao động trong lĩnh vực này, giúp người tiêu dùng tiết kiệm thời gian, chi phí và bảo vệ sức khỏe khi mua sắm. Mặt khác, sự thay đổi này cũng gây ra những khó khăn và thách thức cho

các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ truyền thống, khi họ phải chuyển đổi số hoặc cắt giảm nhân sự để giảm thiểu thiệt hại, ảnh hưởng đến thu nhập và sinh kế của nhiều người.

Về xu hướng khởi nghiệp thông qua Tiktok Shop của gen Z, chúng ta cần xem xét các số liệu thống kê về sự phát triển, sự phổ biến và sự ảnh hưởng của Tiktok Shop trên thị trường Việt Nam và thế giới. Tiktok Shop là tính năng được tải xuống nhiều nhất năm 2021, với 656 triệu lượt tải xuống. Đây cũng là ứng dụng ngoài sở hữu của Facebook (Meta) đầu tiên đạt 3 tỷ lượt tải xuống vào tháng 7 năm 2022. Tiktok Shop là nền tảng mạng xã hội được sử dụng nhiều thứ 6 trên thế giới, với hơn 1 tỷ người dùng hoạt động hàng tháng (MAU). Trong đó, gen Z chiếm tỷ lệ cao nhất, với khoảng 60% người dùng. Tiktok Shop là nền tảng mạng xã hội tạo ra những trải nghiệm mua sắm mới mẻ cho người dùng, bởi vì Tiktok cho phép người dùng mua sản phẩm ngay trong ứng dụng mà không cần chuyển sang trang web khác. Đây là hình thức Shoppertainment (mua sắm kết hợp giải trí), được dự đoán sẽ là xu hướng trong Mùa Siêu Mua Sắm tại Việt Nam. Tiktok Shop là nền tảng mạng xã hội có khả năng tác động lớn đến quyết định mua hàng của người dùng, bởi vì Tiktok giúp người dùng muôn tìm hiểu nhiều hơn về thương hiệu và sản phẩm sau khi xem video (74%), đưa ra quyết định mua sản phẩm/dịch vụ này (66%) và truyền cảm hứng cho người dùng mua sắm kể cả khi không tìm kiếm về sản phẩm/dịch vụ (67%).

Như vậy, có thể thấy rằng Tiktok Shop là một xu hướng khởi nghiệp có tiềm năng lớn cho gen Z, bởi vì Tiktok Shop mang lại cho họ nhiều lợi thế về tiếp cận khách hàng, quảng cáo sản phẩm và tạo ra những trải nghiệm mua sắm mới mẻ.

### **Lợi thế của Tiktok Shop so với các sàn thương mại điện tử khác**

Tiktok Shop là một tính năng mới của Tiktok, cho phép người dùng mở gian hàng và bán hàng trực tiếp trên nền tảng này. Tiktok Shop có nhiều lợi thế so với các sàn thương mại điện tử khác, bởi vì:

**Một là,** Tiktok Shop tiếp cận với cộng đồng người dùng rộng lớn và khả năng phân phối nội dung cho tất cả các đối tượng người dùng, Tiktok Shop đã tạo ra một môi trường cạnh tranh công bằng cho doanh nhân trẻ. Không quan trọng là người bán hàng mới hay cũ, có nhiều người theo dõi hay chưa có người theo dõi, mọi người chỉ cần tập trung sáng tạo nội dung tốt. Điều này đảm bảo mọi nội dung được đánh giá bình đẳng trước khả năng và cơ hội được phân phối.

**Hai là,** Tiktok Shop có tính tương tác cao và giải trí. Người mua có thể vừa xem video giải trí vừa mua sắm online mà không cần chuyển đổi hay thoát khỏi ứng dụng. Theo các số liệu thống kê, độ tuổi của người dùng Tiktok từ 12 đến 40 tuổi, chiếm khoảng 32% dân số Việt Nam và có sức mua hàng năm khoảng 143 tỷ USD. Họ là những người tiêu dùng thông minh, năng động và sáng tạo, có khả năng so sánh giá, chất lượng và đánh giá của các sản phẩm và dịch vụ trên nhiều kênh bán hàng khác nhau. Họ coi mua sắm online là một cách để thể hiện, khẳng định bản thân, định hình cách sống với xã hội. Về hình thức thanh toán trực tuyến dễ dàng, cách trao đổi giữa người mua và người bán cũng vô cùng thuận lợi chỉ thông qua việc tư vấn trực tuyến hoặc đọc đánh giá về sản phẩm. Người bán có thể sử dụng những người có ảnh hưởng trên Tiktok trong các chiến dịch marketing hoặc thêm đường dẫn bán sản phẩm vào giỏ hàng thông qua các video, livestream.

**Ba là,** Tiktok Shop có khả năng bùng nổ không giới hạn. Điểm đặc biệt trong thuật toán phân phối nội dung của Tiktok là ưu tiên tuyệt đối cho nội dung. Khác với các nền tảng

mạng xã hội và sàn thương mại điện tử khác, Tiktok Shop thực hiện phân tích hành vi và tính cách người dùng trong thời gian ngắn. Từ đó, nó chọn đối tượng mục tiêu và phân phối nội dung. Mỗi khi người dùng đăng nội dung mới, thuật toán của Tiktok sẽ đánh giá và phân phối nội dung thử nghiệm cho một số người dùng để xem xét. Điều này đặc biệt quan trọng đối với những người bán hàng mới, giúp họ xác định được những tín hiệu tốt từ các tập đã kiểm tra, đồng thời mở rộng nhanh các tập đối tượng phân tán đáng tin cậy.

Như vậy, có thể thấy rằng Tiktok Shop là một kênh bán hàng online hiện đại và tiện lợi, mang lại nhiều lợi ích cho cả người mua và người bán. Đây là một xu hướng mới được dự báo sẽ tiếp tục phát triển trong tương lai.

### Hạn chế của Tiktok Shop

Tiktok Shop là một tính năng mới của Tiktok, cho phép người dùng mở gian hàng và bán hàng trực tiếp trên nền tảng này. Tuy nhiên, Tiktok Shop cũng có một số hạn chế so với các sàn thương mại điện tử khác, bởi vì:

**Một là,** Tiktok Shop có danh sách các sản phẩm bị cấm hoặc bị hạn chế. Các sản phẩm bị cấm là những sản phẩm vi phạm pháp luật, đạo đức, thuần phong mỹ tục, gây hại cho sức khỏe và an toàn của người dùng, chẳng hạn như: hàng giả, hàng nhái, hàng cấm, hàng nguy hiểm, hàng kích dục, hàng ma túy, hàng quân sự... Các sản phẩm bị hạn chế là những sản phẩm cần có giấy tờ chứng nhận hoặc kiểm duyệt trước khi được bán trên tiktok shop, chẳng hạn như: chậu bát, đồng hồ, phụ kiện, sản phẩm y tế, dược phẩm, thuốc, rượu, bia, mỹ phẩm... Người bán cần tuân thủ các nguyên tắc và quy trình của tiktok Shop khi bán các sản phẩm bị hạn chế.

**Hai là,** Tiktok Shop có tính ổn định và an toàn thấp. Do là một tính năng mới và chưa được hoàn thiện, Tiktok Shop có thể gặp một số lỗi kỹ thuật khiến cho người dùng không thể truy cập, đăng nhập, đăng ký, đăng sản phẩm, thanh toán hay giao hàng được. Ngoài ra, Tiktok Shop cũng có thể bị tấn công bởi các hacker hoặc các phần mềm độc hại, gây mất an toàn cho thông tin cá nhân và tài khoản của người dùng.

**Ba là,** Tiktok Shop có tính chuyên nghiệp và uy tín thấp. Do không có quy định rõ ràng về tiêu chuẩn và chất lượng của sản phẩm và dịch vụ, Tiktok Shop có thể có nhiều người bán không trung thực hoặc không chuyên nghiệp. Họ có thể bán hàng kém chất lượng, không giống như mô tả hoặc hình ảnh trên video, không giao hàng đúng hẹn hoặc không giải quyết khiếu nại của khách hàng. Điều này làm giảm uy tín và sự tin tưởng của người mua đối với Tiktok Shop.

Như vậy, Tiktok Shop đã mở ra cơ hội mới cho các doanh nhân trẻ và những người muốn khởi nghiệp, đặc biệt là với thế hệ Z, thông qua việc kết hợp sáng tạo nội dung và phân phối phù hợp. Với khả năng tiếp cận hàng triệu người dùng ngay từ những ngày đầu, Tiktok Shop mang lại khả năng bùng nổ không giới hạn cho khởi nghiệp và kinh doanh trực tuyến. Do đó, việc hiểu và tận dụng xu hướng này có thể đem lại thành công và phát triển cho các doanh nhân trẻ.

### Tài liệu tham khảo:

Những số liệu thống kê về TikTok cho Marketer năm 2023. (2022, Tháng Ba 17). Truy cập từ: <https://marketingtrips.com/social/nhung-so-lieu-thong-ke-ve-tiktok-cho-marketer-nam-2022>.

Sự trỗi dậy của TikTok Shop: Thời của mua sắm và giải trí. (2023, Tháng Hai 2). Truy cập từ: <https://baodautu.vn/su-troi-day-cua-tiktok-shop-thoi-cua-mua-sam-va-giai-tri-d182791.html>

TikTok dự đoán Shoppertainment (hình thức mua sắm kết hợp giải trí) sẽ là xu hướng trong Mùa siêu mua sắm tại Việt Nam. (2021, Tháng Bảy 15). Truy cập từ: <https://newsroom.tiktok.com/vi-vn/tiktokmegasales>.

# Bùng nổ việc mua hàng qua các buổi livestream trên các trang mạng xã hội

Nguyễn Bích Loan - CQ58/11.09

**T**rong những năm gần đây, làn sóng livestream bán hàng trên các nền tảng mạng xã hội đang “làm mưa làm gió” trên thị trường tiêu dùng Việt Nam. Theo các sàn thương mại điện tử, livestream bán hàng xuất hiện tại Việt Nam từ cuối năm 2018 nhưng phải tới cuối năm 2019 và đặc biệt là thời gian khi đại dịch Covid-19 xảy ra mới bước vào thời kỳ cực thịnh. Hình thức bán hàng này dần trở thành ưu tiên lựa chọn của các nhà bán lẻ bên cạnh các kênh bán hàng truyền thống và dự kiến sẽ ngày càng bùng nổ mạnh mẽ hơn trong những năm tới. Theo thống kê, dự kiến mỗi ngày bình quân tại Việt Nam có khoảng 2.000 - 3.000 phiên livestream bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử như Shopee, Lazada, Tiki, Sendo... Mỗi tháng có khoảng 2,5 triệu phiên bán hàng trên livestream, với sự tham gia của hơn 50.000 nhà bán hàng. Để tham gia vào cuộc đua “hốt bạc” này, các sàn thương mại điện tử không ngừng đưa ra những chiến dịch marketing để thu hút khách hàng xem livestream và mua hàng. Trong khi ông lớn Lazada cho ra mắt LazLive - kênh livestream độc quyền với hơn 150 thương hiệu nổi tiếng thì Shopee cũng không ngoài yên khi liên tục tổ chức những buổi livestream định kỳ để người xem săn xu, săn voucher vào các khung giờ cố định. Còn với sàn thương mại Tiki, từ tháng 06/2019 TikiLive được chọn là kênh bán hàng chủ lực để tương tác với khách hàng, điều này đã cho phép người bán tiếp cận trung bình lên đến 30.000 lượt view, 8.000 lượt tương tác trong mỗi phiên livestream. Mặc dù sinh sau đẻ muộn nhưng TikTok cũng sớm gia nhập cuộc đua khi cho ra mắt tính năng livestream không chỉ sử dụng phổ biến mục đích bán hàng mà còn có thể làm tiếp thị liên kết.

+ Khác với hình thức mua hàng truyền thống là bạn phải đến tận cửa hàng để xem trực tiếp sản phẩm. Giờ đây chỉ cần với chiếc điện thoại của mình, bạn hoàn toàn có thể ở nhà và “du nhập” vào không gian mua sắm qua livestream và lựa chọn mọi thứ mình cần. Livestream cho phép bạn tiếp cận với nhiều sản phẩm khác nhau từ nhiều nguồn khác nhau, bạn có thể tìm thấy những mặt hàng độc đáo và hiếm, không thể tìm thấy ở các cửa hàng thông thường. Điều này giúp tiết kiệm thời gian và thuận tiện trong việc lựa chọn sản phẩm.

+ Bạn đang rất quan tâm về sản phẩm nhưng nhắn tin cho shop thì rep chậm, gọi điện thì không nghe máy,... có vô vàn rắc rối xảy ra khi mua sắm online. Tuy nhiên, với mua hàng trên livestream bạn có thể tương tác trực tiếp với người bán, bạn có thể yêu cầu họ mặc thử hoặc xem cận chất liệu sản phẩm, tư vấn size và cách sử dụng,... Từ đó việc quyết định mua hàng của bạn cũng sẽ dễ dàng hơn khi bạn đã hiểu rõ các thông tin về sản phẩm cũng như khuyến mãi, bảo hành mà người bán đã cung cấp.

+ Livestream thường không qua các kênh trung gian, điều này giúp giảm bớt chi phí. Do đó, người bán thường có thể cung cấp sản phẩm với giá cả cạnh tranh hơn so với các

cửa hàng truyền thống. Ngoài ra, trong các buổi livestream người bán thường có những ưu đãi và khuyến mãi độc quyền chỉ dành cho khách hàng tham gia trong thời gian livestream như: Miễn phí vận chuyển, mua 1 tặng 1, tặng kèm sản phẩm khác, tung ra các mã voucher giảm giá... Và khi kết thúc livestream thì các sản phẩm sẽ về giá gốc và không còn các lợi ích kể trên. Điều này đã hấp dẫn khách hàng mua sắm qua livestream bởi nó đánh đúng vào tâm lý của khách hàng là muốn mua được sản phẩm với giá rẻ nhất.

+ Mua hàng qua livestream thường diễn ra trên các nền tảng mạng xã hội, nơi có cộng đồng đông đảo và tích cực. Người mua hàng có xu hướng chia sẻ trải nghiệm mua sắm của mình, đăng các bài viết, ảnh hoặc video về sản phẩm trên các trang cá nhân của họ. Đồng thời bạn có thể xem những người khác mua sản phẩm và nghe ý kiến của họ trong quá trình livestream. Điều này giúp bạn có được những đánh giá thực tế và quyết định mua hàng thông qua kinh nghiệm thực tế của người dùng khác.

+ Nhiều khách hàng chuộng hình thức mua hàng qua livestream bởi độ “viral” của người bán hàng. Trên nền tảng Tiktok, cái tên Võ Hà Linh được nhắc đến với biệt danh “chiến thần livestream”, cô được mọi người biết đến là một reviewer mỹ phẩm có tiếng và được nhiều người theo dõi và tin tưởng. Khi xem livestream, mọi người sẽ được tương tác trực tiếp, đặt câu hỏi và nhận được phản hồi ngay lập tức từ Hà Linh. Vì vậy mỗi livestream bán hàng của “chiến thần Hà Linh” đều thu hút đến gần 100.000 lượt xem và được chốt đơn liên tục chỉ trong thời gian ngắn.

### **Rủi ro có thể gặp phải khi mua hàng qua livestream**

#### **Thứ nhất, mua phải sản phẩm nhái và kém chất lượng**

Mua hàng qua livestream bạn không có cơ hội trực tiếp cầm, xem hoặc thử sản phẩm trước khi mua mà chỉ có thể xem thông qua ảnh, video hoặc miêu tả từ người bán. Do đó bạn khó mà biết rõ được xuất xứ cũng như chất lượng thực tế của sản phẩm. Điều này cũng có thể dẫn đến việc mua phải sản phẩm giả, kém chất lượng hoặc rơi vào tình trạng lừa đảo.

#### **Thứ hai, khó xử lý khiếu nại hoặc đổi trả**

Nếu gặp vấn đề với sản phẩm sau khi mua qua livestream, việc xử lý khiếu nại hoặc đổi trả có thể gặp khó khăn bởi nếu gặp phải một số người bán không có tâm, họ sẽ không giải quyết những khiếu nại sau khi mua hàng. Hoặc nếu gặp vấn đề với sản phẩm hoặc cần hỗ trợ từ người bán, việc liên hệ và hỗ trợ từ xa có thể không hiệu quả như khi mua hàng trực tiếp từ cửa hàng.

#### **Thứ ba, rủi ro về bảo mật thông tin cá nhân**

Khi mua hàng qua livestream, bạn cần cung cấp thông tin cá nhân và thanh toán trực tuyến. Nhiều đối tượng đã lợi dụng điều này để làm lộ thông tin cá nhân, tài khoản ngân hàng, thậm chí thông tin bị bán cho bên thứ ba khiến người tiêu dùng gặp nhiều phiền toái như phải nhận các thông tin rao vặt, quảng cáo...

#### **Thứ tư, mua hàng vì cảm xúc nhất thời**

Khi xem livestream, bạn có thể bị mê hoặc, hào hứng với các ưu đãi đặc biệt, giảm giá hoặc các quà tặng bổ sung. Và khi bạn đánh giá một sản phẩm chỉ dựa trên cảm xúc và

không xem xét cẩn thận, bạn có thể mua những sản phẩm chưa thực sự cần thiết hoặc mua chỉ vì tâm lý “giảm giá”. Điều này có thể dẫn đến việc lãng phí tiền bạc cũng như thời gian của chính người mua.

### **Cách để trở thành người tiêu dùng thông thái khi mua hàng qua các buổi livestream**

**Một là, chọn kênh livestream đáng tin cậy:** Trước khi tham gia mua hàng qua buổi livestream, hãy nghiên cứu về người bán, sản phẩm và thương hiệu mà bạn quan tâm. Đọc đánh giá, xem phản hồi từ người mua hàng trước đó và tra cứu thông tin về uy tín của người bán. Điều này giúp bạn có cái nhìn tổng quan và tự tin hơn khi mua hàng.

**Hai là, kiểm tra kỹ thông tin sản phẩm:** Khi xem livestream, hãy chú ý đến mô tả sản phẩm, thông số kỹ thuật và thông tin về giá cả. Hãy yêu cầu người bán giải thích rõ về sản phẩm, chất lượng, kích thước... để đảm bảo rằng bạn hiểu rõ về sản phẩm trước khi mua.

**Ba là, tìm hiểu chính sách đổi trả và bảo hành:** Trước khi mua hàng, hãy đảm bảo bạn đã đọc và hiểu rõ chính sách đổi trả, bảo hành và hoàn tiền từ người bán. Đừng ngần ngại yêu cầu điều chỉnh hoặc đổi trả sản phẩm nếu có vấn đề xảy ra hoặc nếu sản phẩm không đáp ứng yêu cầu của bạn.

**Bốn là, thanh toán an toàn:** Hãy sử dụng các phương thức thanh toán an toàn như thanh toán trực tuyến qua cổng thanh toán đáng tin cậy. Hạn chế cung cấp nhiều thông tin cá nhân, nhất là những thông tin quan trọng để đảm bảo rằng thông tin thanh toán của bạn được bảo vệ.

**Năm là, xem xét đánh giá và phản hồi:** Sau khi nhận hàng, hãy xem xét và phản hồi về sản phẩm và trải nghiệm của bạn trên kênh livestream hoặc các nền tảng đánh giá khác. Điều này giúp người mua hàng khác được biết về chất lượng và độ tin cậy của người bán.

**Sáu là, kiểm soát cảm xúc mua sắm:** Khi tham gia vào một buổi livestream hoặc gặp một khuyến mại hấp dẫn, hãy đặt câu hỏi cho bản thân xem liệu sản phẩm đó có thực sự cần thiết và phù hợp với nhu cầu và ngân sách của bạn hay không. Điều này giúp bạn đánh giá một cách tỉ mỉ và tránh mua hàng chỉ dựa trên cảm xúc ngắn hạn.

Dự kiến trong những năm tới, làn sóng mua hàng qua các buổi livestream trên các trang mạng xã hội sẽ trở nên phổ biến và phủ sóng rộng rãi hơn. Bên cạnh sự thuận tiện và bắp kip xu hướng, hình thức mua sắm này vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, vì vậy mỗi người chúng ta cần phải thông minh và kỹ lưỡng khi việc chọn mua hàng. Hãy là một nhà tiêu dùng thông thái trong các cuộc bão livestream để vừa phục vụ tối đa nhu cầu bản thân, vừa giúp xã hội thay đổi xu hướng tiêu dùng lành mạnh và hiện đại hơn.

### **Tài liệu tham khảo:**

Mai Ca (17/06/2020), “Bán hàng qua livestream bứt tốc hơn trong mùa dịch”

<https://congthuong.vn/ban-hangqua-livestream-but-toc-hon-trong-mua-dich-139034.html>

Tú Ân (05/06/2021), “Thời hốt bạc nhờ livestream bán hàng”

<https://baodautu.vn/thoi-hot-bac-nho-livestream-ban-hang-d144380.html>

Ngân Nguyễn (20/12/2022), “Giải mã sức hút của livestream bán hàng” <https://subiz.com.vn/blog/livestream-ban-hang.html>

Theo Phụ nữ Việt Nam (24/06/2021), “Rủi ro rình rập người tiêu dùng khi mua hàng trên các livestream”

<https://vietnamnet.vn/rui-ro-rinh-rap/nguoitiendung-khi-mua-hang-tren-cac-livestream-748676.html>

# Phòng vệ thương mại trong CPTPP đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

Trần Văn Thuỷ - CQ59/09.04CLC

**P**hòng vệ thương mại (PVTM) trong Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương toàn diện và tiên tiến (CPTPP) đóng một vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. CPTPP, được ký kết vào năm 2018, là một trong những hiệp định thương mại quan trọng nhất trên thế giới, bao gồm 11 quốc gia: Australia, Brunei, Canada, Chile, Nhật Bản, Malaysia, Mexico, New Zealand, Peru, Singapore và Việt Nam. Nó mang lại nhiều cơ hội và thách thức cho doanh nghiệp Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực xuất khẩu. Phòng vệ thương mại là một tổ chức quan trọng được tạo ra để hỗ trợ và bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp trong CPTPP. Chức năng chính của PVTM là tạo điều kiện thuận lợi cho xuất khẩu và đầu tư, đồng thời giải quyết các tranh chấp thương mại có thể xảy ra. Các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam có thể tận dụng các dịch vụ mà PVTM cung cấp để tối ưu hóa lợi ích từ CPTPP.

Một trong những ưu điểm lớn nhất của CPTPP đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam là việc giảm thuế xuất khẩu. CPTPP loại bỏ hoặc giảm thuế vào các thị trường quan trọng như Canada, Mexico và Nhật Bản, giúp tăng cạnh tranh và cải thiện lợi nhuận cho các ngành công nghiệp chính của Việt Nam, bao gồm dệt may, giày da, nông sản, và hàng hóa điện tử. Ngoài ra, CPTPP còn cung cấp nhiều cơ hội cho các doanh nghiệp Việt Nam mở rộng thị trường và tìm kiếm đối tác mới. Quyền lợi về quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ đầu tư trong CPTPP cũng giúp tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp muốn mở rộng hoạt động ra nước ngoài.

Tuy nhiên, để tận dụng được tất cả những cơ hội mà CPTPP mang lại, các doanh nghiệp cần phải hiểu rõ các quy định và điều kiện của hiệp định này. Đây là nơi mà PVTM đóng vai trò quan trọng. PVTM không chỉ cung cấp thông tin và tư vấn về CPTPP, mà còn giúp các doanh nghiệp giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình xuất khẩu và đầu tư. Trong bối cảnh thương mại quốc tế đang ngày càng phức tạp, PVTM trong CPTPP đóng vai trò quan trọng đối với các doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam. Chúng giúp đảm bảo rằng Việt Nam có thể tận dụng tối đa những cơ hội mà CPTPP mang lại, đồng thời bảo vệ quyền lợi của các doanh nghiệp trong quá trình tham gia vào thị trường quốc tế.

## Thực trạng điều tra phòng vệ thương mại của các thành viên CPTPP đối với Việt Nam

Từ giữa năm 2022 đến nay, cũng như các ngành xuất khẩu khác, hầu hết doanh nghiệp đồ gỗ xuất khẩu của nước ta bị sụt giảm mạnh đơn hàng. Cùng với đó, không ít doanh nghiệp gỗ gặp khó khăn khi việc kiện cáo, tranh chấp thương mại của nước nhập khẩu kéo dài. Theo Cục Phòng vệ thương mại (Bộ Công Thương), đến hết tháng 6/2023, hàng xuất khẩu của Việt Nam phải đối mặt với 231 vụ việc phòng vệ thương mại do các nước khởi

kiên, trong đó, đứng đầu là các vụ điều tra chống bán phá giá với 128 vụ việc, tiếp đó là các vụ việc tự vệ với 47 vụ việc, chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại với 33 vụ việc và chống trợ cấp là 23 vụ việc, các vụ việc điều tra phòng vệ thương mại đối với Việt Nam đến nay chủ yếu là chống bán phá giá, chống lẩn tránh thuế, đến từ các thị trường thường xuyên điều tra phòng vệ thương mại như Hoa Kỳ, Ấn Độ, Australia... Các mặt hàng bị điều tra khá đa dạng, từ các mặt hàng xuất khẩu có kim ngạch vài chục triệu đến hàng tỷ USD. Trong đó, thép, sợi... là những mặt hàng thường xuyên bị điều tra theo xu hướng chung trên thế giới.

Trong tổng số 10 đối tác CPTPP, tính đến hết năm 2021 chỉ có 4 thành viên gồm: Australia, Canada, Malaysia, Mexico đã từng điều tra, áp dụng biện pháp PVTM với hàng hoá nhập khẩu từ Việt Nam. Trong đó, năm 2021 Mexico là lần đầu tiên tiến hành điều tra chống bán phá giá đối với mặt hàng thép mạ nhôm khâu từ Việt Nam. Việc điều tra dự kiến sẽ kết thúc vào nửa cuối năm 2022.

BẢNG 1: SỐ VỤ VIỆC PHÒNG VỆ THƯƠNG MẠI DO CPTPP ĐIỀU TRA VÀ ÁP DỤNG ĐỐI VỚI VIỆT NAM ĐẾN HẾT NĂM 2021						
	Chống bán phá giá		Chống trợ cấp		Biện pháp tự vệ	
	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng	Khởi xướng	Áp dụng
<b>Australia</b>	11	3	5	0	0	0
<b>Canada</b>	10	6	5	2	2	1
<b>Malaysia</b>	9	6	0	0	1	0
<b>Các thành viên còn lại</b>	0	0	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	30	15	10	2	3	1

Nguồn: WTO

Canada là quốc gia điều tra và áp dụng biện pháp PVTM nhiều thứ 4 với Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Ấn Độ và Thổ Nhĩ Kỳ) và nhiều nhất trong khuôn khổ CPTPP. Tính đến năm 2021, Canada đã tiến hành điều tra và áp dụng 17 vụ PVTM đối với Việt Nam (bao gồm 10 vụ chống bán phá giá, 5 vụ chống trợ cấp và 2 vụ tự vệ). Các mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam điều tra PVTM chủ yếu là sản phẩm thép. Trong khi đó, Australia đã điều tra 16 vụ việc PVTM đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam, bao gồm 11 vụ điều tra chống bán phá giá và 5 vụ điều tra chống trợ cấp. Trong các vụ việc này, Australia điều điều tra rất nhiều chương trình trợ cấp và cáo buộc tình hình thị trường đặc biệt - một biến thể khác của cáo buộc nền kinh tế phi thị trường. Các sản phẩm chủ yếu bị Australia điều tra chủ yếu là các sản phẩm thép, ngoài ra còn có một số sản phẩm khác như nhôm thanh định hình, tháp gió, vòi súng, máy biến thế.

Malaysia đã tiến hành 10 vụ việc PVTM đối với Việt Nam. Trong năm 2021, Malaysia khởi xướng rà soát 01 vụ việc rà soát cuối kỳ lệnh áp thuế CBPG đối với thép cuộn cán nguội hợp kim và không hợp kim của Việt Nam; và ban hành 05 kết luận về vụ việc PVTM khác.

Nhìn chung, số lượng các vụ việc trong giai đoạn 2016 đến 2021 tăng cao hơn so với giai đoạn trước đó. Thực tiễn này cho thấy, mức độ chủ động và năng lực điều tra PVTM của các thành viên ngày càng được nâng cao. Các nước có xu hướng quan tâm và tích cực sử

dụng các công cụ PVTM nhằm bảo vệ ngành sản xuất trong nước của họ trước xu hướng toàn cầu hóa thương mại mạnh mẽ hiện nay.

### Thách thức đối với doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

- **Khả năng huy động nguồn lực ứng phó với PVTM:** Tập hợp bằng chứng về việc không có hành vi bán phá giá, không được hưởng trợ cấp, không gây thiệt hại đáng kể đến DN nước đối tác, thuê luật sư tư vấn, tư vấn theo kiện... đều là những công việc đòi hỏi nguồn lực gồm cả nhân lực và tài lực rất lớn.

- **Khả năng tập hợp bằng chứng minh cho các vụ PVTM:** Trong bối cảnh các thông tin liên quan tới hàng hoá nhập khẩu hầu như chưa minh bạch, nguồn lực cho việc tìm kiếm thông tin tại thị trường nước ngoài suy đoán còn rất hạn chế, việc kết nối và chia sẻ thông tin với nhau hầu như chưa thực hiện được, việc tập hợp thông tin càng là một thách thức lớn hơn nữa. Đây chính là một thách thức rất lớn đối với DN xuất khẩu khi ứng phó với các vụ kiện PVTM.

- **Khả năng tập hợp lực lượng DN xuất khẩu nhằm ứng phó với PVTM:** Kiện PVTM không phải là một “cuộc chơi” của cá nhân mỗi DN riêng lẻ, mà là cuộc chiến mang tính tập thể - là chiến lược hay hành động của cả một ngành sản xuất nội địa sản phẩm liên quan. Trong bối cảnh quy mô của các DN Việt Nam hầu hết đều rất nhỏ, tính kết nối chưa cao, đa số DN cho rằng việc tập hợp lực lượng là rất khó khăn.

### Giải pháp cho doanh nghiệp xuất khẩu Việt Nam

**Một là,** nắm rõ các quy định của CPTPP: Doanh nghiệp cần tìm hiểu kỹ về nội dung của CPTPP và hiểu rõ những lợi ích, quyền lợi, và cam kết mà hiệp định này đem lại. Điều này bao gồm việc hiểu các quy tắc về giảm thuế, quyền sở hữu trí tuệ, quản lý dự án đầu tư, và nhiều khía cạnh khác.

Bên cạnh đó, chủ động theo dõi và rà soát các thông tin cảnh báo sớm về nguy cơ bị điều tra các vụ việc PVTM. DN cần nghiên cứu về thị trường xuất khẩu cũng như theo dõi về lượng nhập khẩu hàng hoá của thị trường đó. Thực tế, việc gia tăng hàng hoá nhập khẩu đột biến cũng là một tiêu chí đánh giá về khả năng nước xuất khẩu bị xem xét điều tra áp dụng biện pháp PVTM. Đồng thời, theo dõi xu hướng điều tra áp dụng các biện pháp PVTM của nước xuất khẩu. Với những thị trường thường xuyên sử dụng các biện pháp PVTM như Úc hay Canada, DN cần có những phương án chuẩn bị ngay từ giai đoạn tiếp cận thị trường để đảm bảo những thành quả sau khi tiếp cận thành công. Cuối cùng, cần theo dõi các biện pháp PVTM trên thế giới áp dụng với các hàng hoá mà mình xuất khẩu.

**Hai là,** xây dựng chiến lược xuất khẩu: Doanh nghiệp cần xác định các thị trường tiềm năng và sản phẩm hoặc dịch vụ phù hợp với điều kiện của CPTPP. Họ nên xây dựng một chiến lược xuất khẩu chi tiết và hiệu quả để thâm nhập vào các thị trường đó.

Chủ động xây dựng chiến lược ứng phó. Tham gia ứng phó một vụ việc PVTM, đặc biệt là vụ việc điều tra chống bán phá giá và điều tra chống trợ cấp, DN cần đầu tư rất nhiều nguồn lực. Hầu hết các nhân lực quan trọng của DN (sản xuất, bán hàng, kế toán) đều sẽ phải dành thời gian và nguồn lực chuẩn bị tài liệu và tham gia ứng phó vụ việc trong một khoảng thời gian trải dài trong khoảng 1 năm. Cùng với đó, một nguồn chi phí đáng kể sẽ cần được chuẩn bị trong trường hợp thuê luật sư tư vấn đồng hành cùng giai đoạn kháng

kiện. Do vậy, để việc tham gia ứng phó vụ việc hiệu quả và không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất kinh doanh, DN cần có sự cân nhắc về quy mô và lợi ích của thị trường để đưa ra kế hoạch ứng phó phù hợp như: tính toán chi phí tiếp cận thị trường, chi phí nguồn lực cần thiết để ứng phó vụ việc, dự đoán mức thiệt hại khi biện pháp PVTM được áp dụng.

**Ba là**, tuân thủ các quy tắc xuất khẩu: Đảm bảo tuân thủ các quy tắc về xuất khẩu và chất lượng sản phẩm theo yêu cầu của các thị trường đích. Điều này đòi hỏi sự chất lượng, an toàn và tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế.

**Bốn là**, đầu tư trong nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ: Để cạnh tranh trong các thị trường quốc tế, doanh nghiệp cần liên tục nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Điều này bao gồm việc áp dụng công nghệ mới, cải tiến quy trình sản xuất, và đào tạo nhân viên.

**Năm là**, tìm kiếm hỗ trợ từ PVTM: Các doanh nghiệp có thể liên hệ với PVTM để nhận được sự hỗ trợ, tư vấn, và thông tin liên quan đến CPTPP. PVTM cung cấp các dịch vụ về thông tin thị trường, giải quyết tranh chấp thương mại, và hỗ trợ trong việc thực hiện các quy tắc của CPTPP.

**Sáu là**, xây dựng mối quan hệ đối tác: Hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước có thể giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường và tận dụng cơ hội thương mại. Mối quan hệ này có thể bao gồm các liên kết với các đối tác cung ứng, nhà đầu tư, và các tổ chức thương mại quốc tế. Các DN không nên làm việc một mình, mà cần phối hợp với các bên có liên quan. Các công tác ứng phó cũng như phối hợp với các bên, DN có thể theo dõi các khuyến nghị tại các giai đoạn điều tra cụ thể. Các bên liên quan mà DN cần phối hợp trong điều tra gồm: Cục PVTM (Bộ Công Thương) là cơ quan đầu mối thông tin, tham vấn pháp lý, hỗ trợ DN trong quá trình tham gia vụ việc điều tra PVTM; Hiệp hội và các DN cùng ngành sẽ tạo ra sức mạnh đoàn kết, chia sẻ chi phí cũng như kinh nghiệm trong quá trình ứng phó vụ việc.

**Bảy là**, chủ động nâng cao năng lực của chính DN

DN cần đa dạng hóa thị trường, tránh phát triển xuất khẩu quá nóng trong một thị trường cụ thể; tăng cường cạnh tranh bằng chất lượng và hạn chế cạnh tranh bằng giá cả; cân nhắc kỹ các rủi ro khi xây dựng chiến lược thương mại và sản xuất. Các DN cũng cần coi các biện pháp PVTM là một phần trong chiến lược sản xuất, kinh doanh xuất khẩu của mình. Mặt khác, các DN cũng đề nghị các cơ quan chức năng đẩy mạnh đấu tranh buộc nước nhập khẩu dỡ bỏ quy định xếp Việt Nam vào thị trường đặc biệt - một trong những yếu tố khiến DN Việt Nam khó thắng kiện PVTM.

Tóm lại, ứng phó với phòng vệ thương mại trong CPTPP đòi hỏi các doanh nghiệp Việt Nam phải nắm vững kiến thức về hiệp định này và phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng để tận dụng cơ hội và đổi mới với thách thức trong thương mại quốc tế.

#### Tài liệu tham khảo:

- <https://tapchitaichinh.vn/phong-ve-thuong-mai-trong-cptpp-doi-voicac-doanh-nghiep-xuat-khau-viet-nam.html>
- <https://chongbanphagia.vn/tong-quan-tinh-hinh-phong-ve-thuong-mai-viet-nam-nam-2021-n24883.html>
- <https://consosukien.vn/phong-ve-thuong-mai-o-cac-nuoc-cptpp.htm>

# Tầm quan trọng của đầu tư trực tiếp nước ngoài trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam

Đậu Tuấn Minh - CQ59/11.02

**V**iệt Nam đã chứng kiến một sự thay đổi đáng kể trong cơ cấu ngành kinh tế từ một nền kinh tế dựa vào nguồn lao động sang một nền kinh tế công nghiệp và dịch vụ. Đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đã đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy quá trình chuyển dịch này. Bài nghiên cứu này tập trung vào vai trò của FDI trong chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam và tầm quan trọng của nghiên cứu này đối với cả sinh viên và quốc gia.

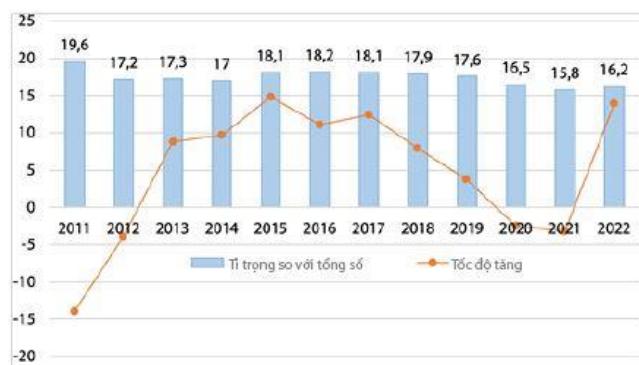
## Những đóng góp của FDI đối với nền kinh tế Việt Nam trong năm gần đây

- Xét theo tốc độ tăng và tỷ trọng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội

*Về tốc độ tăng trưởng vốn FDI:* Sự biến động hàng năm: Từ năm 2015 đến 2022, tốc độ tăng trưởng vốn FDI đã trải qua các giai đoạn khác nhau. Trong giai đoạn 2015-2017, có sự giảm nhẹ trong tốc độ tăng trưởng, nhất là từ 2015 (14,8%) đến 2017 (12,4%). Điều này có thể được giải thích bằng các yếu tố thị trường và chính trị tại thời điểm này. Ảnh hưởng của dịch Covid-19: Những năm 2020 và 2021 đã chứng kiến tác động tiêu cực của dịch Covid-19 đối với tốc độ tăng trưởng vốn FDI, với mức tăng trưởng âm. Tuy nhiên, năm 2022 đã thấy sự phục hồi mạnh mẽ với tốc độ tăng trưởng 13,9%, cho thấy sự đàm hồi của nền kinh tế và sự hấp dẫn của thị trường đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

*Về cơ cấu vốn FDI:* Tỷ trọng vốn FDI trong tổng vốn đầu tư thực hiện toàn xã hội đã có sự thay đổi. Giai đoạn 2011-2015, tỷ trọng này chiếm 18,3%, sau đó giảm xuống 17,66% trong giai đoạn 2016-2020. Năm 2021 và dự kiến năm 2022 có xu hướng tiếp tục tăng lên lần lượt là 15,8% và 16,2%.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng và tỷ trọng vốn FDI so với tổng vốn đầu tư cả nước



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2023

• Xét theo mức độ đóng góp cho tăng trưởng và các hoạt động của nền kinh tế:

Luật Đầu tư nước ngoài đã đánh dấu một cột mốc quan trọng trong sự phát triển của khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam. Qua thời gian, việc thúc đẩy đầu tư FDI đã mang lại những ảnh hưởng đáng kể và đóng góp to lớn cho tăng trưởng kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và nâng cao vị thế quốc tế của Việt Nam.

Tăng trưởng kinh tế và đóng góp của FDI: Từ năm 2011 đến 2015, khối FDI đã đóng góp 21,52% vào tăng trưởng kinh tế. Giai đoạn 2016 - 2020, đóng góp này tăng lên 25,1%, cho thấy vai trò ngày càng quan trọng của FDI trong sự phát triển của đất nước. Tuy nhiên, năm 2021 do tác động của dịch Covid-19, đóng góp của FDI đã giảm xuống 14%.

*Đóng góp của FDI đối với xuất, nhập khẩu và thu ngân sách nhà nước:* Tỉ trọng của khu vực FDI trong tổng kim ngạch xuất khẩu đã tăng nhanh chóng, chiếm khoảng 72,3% vào năm 2020 và 73,4% vào năm 2021. Năm 2022, ước tính sẽ đạt 74,4%. Điều này đã tạo ra kỉ lục xuất siêu và giúp nước ta chuyển dịch từ nhập siêu sang xuất siêu.

FDI đã đóng góp đáng kể vào ngân sách nhà nước, chiếm khoảng 13,8% tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2022. Trong 03 năm gần đây (2020 - 2022), số thu thuế thu nhập doanh nghiệp từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chiếm khoảng 7,5% - 8,5% tổng số thu ngân sách nội địa và khoảng 39% - 41% tổng số thu thuế thu nhập doanh nghiệp.

Ngoài ra, hoạt động xuất khẩu của khu vực FDI đã đa dạng hóa sản phẩm, thay đổi cơ cấu hàng hóa xuất khẩu, mở rộng thị trường xuất khẩu vào hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Điều này đã giúp Việt Nam trở thành một trong những quốc gia xuất khẩu hàng đầu thế giới và đóng góp tích cực vào sự đổi mới của nền kinh tế.

Bảng 1: Đóng góp của FDI trong nền kinh tế

Năm	Tỉ trọng trong tăng trưởng kinh tế (%)	Xuất khẩu (triệu USD)	Tỉ trọng trong tổng xuất khẩu (%)	Tỉ trọng trong tổng thu ngân sách nhà nước (%)
2011 - 2015	21,52	86.217,34	64,96	12,65
2016	22,12	126.235,6	71,5	14,4
2017	30,45	154.910,2	72	13,31
2018	29,69	173.963,7	71,4	13,29
2019	20,45	185.277,9	70,1	13,66
2020	22,70	204.432,1	72,3	13,84
2021	14,39	246.876,8	73,4	13,85
2022		276.762,4	74,4	

Nguồn: Tổng cục Thống kê (tháng 6/2023)

• Xét về góc độ nâng cao trình độ công nghệ thông qua hoạt động đầu tư nghiên cứu của doanh nghiệp FDI hoặc chuyển giao công nghệ:

Trong thời gian gần đây, Việt Nam đã đạt được nhiều thành công đáng kể thông qua các dự án FDI, đặc biệt là trong việc tiếp nhận công nghệ để phát triển sản xuất và kinh

doanh, từng bước nâng cao trình độ công nghệ sản xuất trong nước. Có thể nhận thấy một số điểm nổi bật như sau:

**Tiếp thu công nghệ tiên tiến:** Việt Nam đã thành công trong việc tiếp thu và áp dụng công nghệ tiên tiến từ các dự án FDI. Các ngành như Bưu chính - viễn thông, ngân hàng, dầu khí, xây dựng, giao thông, cầu đường đã nâng cao trình độ công nghệ sản xuất trong nước.

**Sản xuất sản phẩm mới:** Nhờ FDI, Việt Nam đã sản xuất nhiều sản phẩm mới trước đây chưa có. Điều này đã giới hạn việc nhập khẩu hàng hóa từ nhiều lĩnh vực như dầu khí, vật liệu xây dựng, điện tử gia dụng, phương tiện giao thông.

**Sản phẩm chất lượng cao:** Các doanh nghiệp FDI đã sản xuất nhiều sản phẩm có chất lượng cao, đáp ứng tốt nhu cầu thị trường trong nước và tăng cường xuất khẩu, bao gồm máy tính, điện thoại thông minh, hàng điện tử gia dụng và cơ khí chế tạo.

**Tạo động lực nâng cao năng lực công nghệ trong nước:** Sự cạnh tranh từ doanh nghiệp FDI đã thúc đẩy doanh nghiệp trong nước nâng cao năng lực công nghệ của họ.

**Tăng tỉ trọng xuất khẩu hàng công nghệ cao:** Việt Nam đã tăng tỉ trọng xuất khẩu hàng công nghệ cao trong tổng xuất khẩu từ 44,3% năm 2016 lên 49,8% năm 2020. Điều này đã giúp Việt Nam đứng trong top các nước ASEAN với tỷ trọng xuất khẩu hàng công nghệ cao cao hơn nhiều so với nhiều nước khác trong khu vực. Tăng tỉ trọng hàng hóa qua ché biến: Tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu qua ché biến đã tăng từ 65% năm 2016 lên 85% năm 2020 và 86,2% năm 2021.

### **Những thách thức và cơ hội do hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài mang lại trong quá trình chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế ở Việt Nam hiện nay**

**Sự phụ thuộc vào ngành công nghiệp gia công:** Một trong những thách thức lớn đối với FDI và chuyển đổi cơ cấu ngành kinh tế tại Việt Nam là sự phụ thuộc quá mức vào ngành công nghiệp gia công. Sự tập trung vào các ngành này có thể tạo ra rủi ro khi các thị trường xuất khẩu thay đổi hoặc khi các quốc gia khác cạnh tranh mạnh hơn về giá cả và chất lượng.

**Thiếu kỹ thuật cao và đổi mới công nghệ:** Mặc dù FDI đã đóng góp vào việc đưa các ngành công nghiệp lên một tầm cao mới, nhưng sự thiếu hụt về lao động có kỹ thuật cao và khả năng đổi mới công nghệ vẫn là một thách thức. Việc tạo ra và duy trì sự phát triển bền vững trong các ngành công nghệ cao yêu cầu sự đầu tư mạnh mẽ vào việc đào tạo nhân lực và nâng cao năng lực đổi mới.

**Tác động môi trường:** Sự tăng trưởng nhanh chóng của các ngành công nghiệp có thể gây tác động tiêu cực đến môi trường. Việc không kiểm soát tốt các vấn đề liên quan đến ô nhiễm không khí, nước và chất thải có thể gây ảnh hưởng đáng kể đến sức khỏe của môi trường và sức khỏe của cộng đồng.

*Rủi ro tài chính và thị trường:* Mỗi quan hệ giữa FDI và tài chính thế giới có thể tạo ra những thách thức rủi ro. Sự biến đổi không ổn định của tỷ giá hối đoái và biến động trên thị trường tài chính toàn cầu có thể ảnh hưởng đến khả năng quản lý tài chính và ổn định kinh tế của Việt Nam.

*Điều chỉnh xã hội và bảo vệ lao động:* Quá trình chuyển đổi có thể gây ra sự thay đổi về cơ cấu lao động và gây ra những tác động xã hội không mong muốn. Cần phải đảm bảo rằng các biện pháp điều chỉnh xã hội và bảo vệ lao động được thực hiện đồng thời để giảm thiểu tác động tiêu cực.

*Thách thức về bảo vệ thông tin và an ninh mạng:* Với sự phát triển của công nghệ thông tin và viễn thông, việc bảo vệ thông tin và an ninh mạng trở thành một thách thức quan trọng. Sự phụ thuộc vào các công nghệ thông tin có thể tạo ra rủi ro liên quan đến việc lộ thông tin quan trọng và tấn công mạng.

### Những cơ hội mang lại

*Chuyển đổi số và đổi mới công nghệ:* Sự gia nhập của các doanh nghiệp nước ngoài có năng lực tài chính và kinh nghiệm quản lý sẽ giúp thúc đẩy quá trình chuyển đổi số và đổi mới công nghệ tại Việt Nam. Các công nghệ tiên tiến, quy trình sản xuất hiện đại và ứng dụng trí tuệ nhân tạo có thể được chuyển giao và áp dụng, giúp nâng cao năng suất và hiệu quả của các ngành kinh tế.

*Mở cửa thị trường xuất khẩu:* Sự đầu tư từ nước ngoài thường đi kèm với việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ cho sản phẩm và dịch vụ của các doanh nghiệp. Điều này có thể giúp mở rộng cơ hội xuất khẩu và nâng cao khả năng cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường quốc tế.

*Tạo việc làm và đào tạo nhân lực:* Sự gia nhập của các doanh nghiệp nước ngoài thường đi kèm với việc tạo ra nhiều việc làm cho người lao động Việt Nam. Điều này giúp giảm thiểu áp lực về thất nghiệp và đồng thời cung cấp cơ hội đào tạo và phát triển năng lực cho nhân lực Việt.

*Tạo chuỗi cung ứng và gia tăng giá trị thêm:* Việc đầu tư từ nước ngoài thường tạo cơ hội để xây dựng các chuỗi cung ứng toàn cầu. Điều này không chỉ giúp tạo ra môi trường kinh doanh tốt hơn mà còn giúp gia tăng giá trị thêm cho sản phẩm thông qua việc tăng cường quá trình chế biến và gia công.

*Khuyến khích đổi mới và sáng tạo:* Sự hỗ trợ từ các doanh nghiệp nước ngoài có thể giúp thúc đẩy sự đổi mới và sáng tạo trong các ngành kinh tế. Qua việc chia sẻ kinh nghiệm, công nghệ và quy trình quản lý, Việt Nam có thể nâng cao khả năng đổi mới của mình và tạo ra những sản phẩm và dịch vụ mới.

*Hội nhập quốc tế và hợp tác đa dạng hóa:* FDI đem lại cơ hội hội nhập quốc tế và tạo sự đa dạng hóa cho nền kinh tế Việt Nam. Sự tham gia vào các chuỗi cung ứng toàn cầu, các liên minh công nghiệp và hợp tác quốc tế giúp Việt Nam tiếp cận các thị trường mới và tối ưu hóa nguồn lực.

*Phát triển các ngành kinh doanh mới:* FDI cũng thúc đẩy sự phát triển của các ngành kinh doanh mới, như công nghệ thông tin, dịch vụ tài chính và năng lượng tái tạo. Điều này giúp tạo nền tảng cho sự đa dạng hóa kinh tế và tạo cơ hội cho các doanh nghiệp trẻ và khởi nghiệp.

### Một số khuyến nghị chính sách

*Một là,* Cần điều chỉnh chính sách thu hút đầu tư nước ngoài để phù hợp với xu hướng và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam. Điều này bao gồm sửa đổi các chính sách ưu đãi đầu tư để thích ứng với đòi hỏi của các tập đoàn xuyên quốc gia và sự cạnh tranh trong khu vực.

*Hai là,* Cần xác định cụ thể danh mục ngành, lĩnh vực cần thu hút đầu tư nước ngoài và xây dựng định mức quy chuẩn để nâng cao hiệu quả dòng vốn đầu tư và đảm bảo chất lượng các dự án đầu tư. Đi đôi với đó là việc đổi mới chính sách đầu tư để thu hút các dòng vốn đầu tư mới trong các lĩnh vực ưu tiên và chuỗi cung ứng hàng công nghiệp trên thế giới.

*Ba là,* Nâng cao khả năng cạnh tranh của nền kinh tế thông qua đầu tư cơ sở hạ tầng và tích lũy vốn. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thiết yếu là một trong những nhân tố mang tính chất quyết định để cải thiện môi trường đầu tư, môi trường sản xuất, kinh doanh nhằm giải phóng sức sản xuất của mọi thành phần kinh tế, tạo điều kiện tăng cường liên kết vùng, thu hút mạnh các nguồn lực bên trong và bên ngoài đầu tư cho phát triển.

*Bốn là,* Thường xuyên rà soát và đánh giá các nhóm lợi thế trong thu hút đầu tư nước ngoài để điều chỉnh chính sách và giải quyết các khó khăn, hạn chế. Việt Nam được đánh giá là có 08 nhóm lợi thế thu hút FDI, bao gồm môi trường vĩ mô ổn định, nền kinh tế năng động, thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng với nguồn cung dồi dào, tình hình chính trị ổn định, môi trường pháp lý đầy đủ, lực lượng lao động trẻ và dồi dào, vị trí địa lý đặc biệt, cơ hội từ các hiệp định thương mại tự do.

### Tài liệu tham khảo:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018), *Ký yếu Hội nghị 30 năm đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam;*

Bộ Kế hoạch và Đầu tư, (2020), *30 năm thu hút đầu tư nước ngoài tại Việt Nam: Tầm nhìn và cơ hội mới trong kỷ nguyên mới, Kỷ yếu hội nghị Tổng kết 30 năm thu hút đầu tư nước ngoài.*

Bui Hoang Ngoc, Dang Bac Hai, (2019), *The impact of foreign direct investment on structural Economic in Viet Nam*, Springer Nature Switzerland AG 2019, ECONVN 2019, SCI 809, pages 352-362, 2019.

CIEM (2019), “Báo cáo kinh tế vĩ mô quý I/2019”, Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Đinh Thế Phúc, Đinh Thị Thanh Hải, (2020), “Xu thế dịch chuyển đầu tư và gợi ý một số giải pháp cho Việt Nam về tiếp nhận dòng vốn FDI mới sau đại dịch Covid-19”, *Tạp chí Công Thương*, số 16, tháng 7/2020.

Hoàng Mạnh Hùng, (2018), “Tác động của FDI lên quá trình công nghiệp hóa ở Việt Nam”, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 256 (II), tháng 10/2018.

Hội đồng Tư vấn cải cách thủ tục hành chính của Thủ tướng Chính phủ, (2021), *Báo cáo năng lực cạnh tranh của Việt Nam từ đánh giá của nhà đầu tư nước ngoài và Báo cáo năng lực cạnh tranh toàn cầu 4.0 của Diễn đàn Kinh tế Thế giới*, Tài liệu dự án Thực hiện cải cách và nâng cao năng lực kết nối của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Tổng cục Thống kê, (2021), *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2016 - 2020*, Nhà xuất bản Thống kê.

Tổng cục Thống kê, 2021, *Công nghiệp chế biến, chế tạo: Động lực tăng trưởng kinh tế Việt Nam giai đoạn 2011 - 2020*, Nhà xuất bản Dân trí.

Vũ Huyền Trang (2023), *Đóng góp của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với kinh tế Việt Nam giai đoạn 2016 - 2022 và khuyến nghị chính sách*, *Tạp chí Ngân hàng*.

# Ứng dụng công nghệ thông tin trong kế toán - kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam

Lê Thị Thu Giang - CQ57/22.01

**T**rong nền kinh tế thị trường ngoài việc phát triển về sản xuất xã hội và kinh tế đối ngoại thì sự ra đời của cơ chế quản lý mới tất yếu đòi hỏi phải sử dụng tối đa vai trò của hệ thống công cụ quản lý trong đó có kế toán. Do vậy, để phát huy vai trò kế toán trong công tác quản lý, để cho việc cung cấp thông tin giúp nhà quản lý chính xác, kịp thời đầy đủ, thì việc áp dụng công nghệ thông tin (CNTT) vào công tác kế toán là hết sức cần thiết. Trên thị trường đã dần đón nhận sự có mặt và công dụng tuyệt vời của các phần mềm kế toán như: phần mềm hệ thống ERP, phần mềm kế toán Bravo, phần mềm kế toán 3S Accounting, phần mềm kế toán 1A,... Chính vì vậy, kế toán cần phải trang bị cho mình những kiến thức, kỹ năng tin học cần có để thích nghi với các doanh nghiệp đã và đang áp dụng CNTT trong công tác kế toán.

## Các nhân tố ảnh hưởng đến việc ứng dụng CNTT vào công tác kế toán

### *Một là, nhân tố về công nghệ trong công tác kế toán của doanh nghiệp*

Việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin phụ thuộc rất nhiều vào trình độ khoa học kỹ thuật và việc tổ chức ứng dụng các trang bị khoa học kỹ thuật thông tin. Do đó, trong quá trình tổ chức công tác kế toán ở doanh nghiệp, nhân tố trình độ ứng dụng khoa học kỹ thuật có tác động chi phối đến việc thu nhận, xử lý và cung cấp thông tin, chi phối tới việc xác định cơ cấu phòng kế toán, phân công nhân viên hạch toán, tổ chức mã hóa các tài khoản kế toán, xác định hình thức kế toán áp dụng cho doanh nghiệp.

### *Hai là, nhân tố pháp luật*

Các nhân tố hoạt động sản xuất kinh doanh mong muốn có một môi trường pháp lý ổn định. Trong môi trường đó, các doanh nghiệp có thể yên tâm đầu tư phát triển sản xuất, mở rộng ngành nghề kinh doanh. Trên phương diện tổ chức công tác kế toán, các doanh nghiệp cũng cần có một môi trường pháp lý giúp doanh nghiệp tổ chức công tác kế toán khoa học, từ đó đảm bảo cho môi trường kinh doanh của doanh nghiệp có hiệu quả.

### *Ba là, nhân tố tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp*

Tổ chức bộ máy quản lý của doanh nghiệp là nhân tố quan trọng ảnh hưởng đến tổ chức công tác kế toán các doanh nghiệp như:

- Ảnh hưởng đến lựa chọn hình thức tổ chức công tác bộ máy kế toán: bộ máy kế toán tập trung, hay phân tán hoặc vừa tập trung vừa phân tán;

• Ánh hưởng tới việc tổ chức hạch toán nội bộ doanh nghiệp như việc tổ chức phân công công việc cho các nhân viên kế toán, nhân viên hạch toán ban đầu, cũng như việc hạch toán ban đầu;

• Ánh hưởng đến mối quan hệ giữa các bộ phận, các phòng, ban trong doanh nghiệp, như Phòng Kế toán, Phòng Kế hoạch, Phòng Tổ chức Cán bộ....

### ***Bốn là, nhân tố về tổ chức sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp***

Ở mỗi doanh nghiệp có đặc điểm hoạt động riêng kinh doanh riêng có tổ chức công tác kế toán riêng, hình thức kế toán riêng, đặc điểm kế toán riêng....

### ***Năm là, nhân tố thuộc về vốn***

Nếu doanh nghiệp có nguồn vốn lớn thì việc ứng dụng công nghệ vào tổ chức công tác kế toán sẽ được thực hiện một cách hiệu quả. Và ngược lại nếu doanh nghiệp có vốn đầu tư ít thì việc áp dụng công nghệ vào công tác tổ chức kế toán sẽ gặp nhiều khó khăn.

### ***Sáu là, nhân tố thuộc về chất lượng và số lượng của nhân viên trong đơn vị***

Trong trường hợp doanh nghiệp có số lượng nhân viên phòng kế toán lớn và khả năng tiếp cận với công nghệ tốt thì việc ứng dụng khoa học công nghệ vào bộ máy kế toán sẽ thực sự được phát huy công dụng và đem lại hiệu quả cao và ngược lại.

### ***Kinh nghiệm về kế toán trong thời đại 4.0 của một số nước trên thế giới***

Cuộc CMCN 4.0 tác động to lớn đến mọi lĩnh vực trong đời sống kinh tế - xã hội nói chung và lĩnh vực kế toán nói riêng. Cho đến nay, trên thế giới, đã có nhiều quốc gia tích cực ứng dụng Công nghiệp 4.0 vào hoạt động kế toán nhằm nâng cao chất lượng kế toán, phục vụ hiệu quả cho việc ra quyết định đối với các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp. Dưới đây, tác giả sẽ tiến hành nghiên cứu kinh nghiệm thực tế về kế toán trong thời đại 4.0 của một số quốc gia tiêu biểu trên thế giới hiện nay.

#### ***Kinh nghiệm Trung Quốc***

Hệ thống kế toán Trung Quốc đã có nhiều thay đổi mạnh mẽ trong bối cảnh CMCN 4.0 hiện nay. Nhìn chung, hệ thống kế toán Trung Quốc có nhiều thay đổi nhưng vẫn đề cao tính kiểm soát của Nhà nước. CMCN 4.0 đòi hỏi những tiêu chuẩn và yêu cầu cao hơn đối với kế toán viên tại quốc gia này. Các yêu cầu liên quan đến CNTT được đưa ra nhằm tuyển chọn các kế toán viên có kiến thức chuyên môn và am hiểu CNTT. Về các chuẩn mực kế toán, Trung Quốc đã quyết định kết hợp IFRS vào hệ thống luật pháp của mình và đã ban hành một hệ thống chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Trung Quốc (ASBE). Đối với chính sách quản lý nhà nước về kế toán, quy định pháp lý của Trung Quốc thể hiện bởi Luật Kế toán và các quy định bởi Ủy ban Chứng khoán Trung Quốc. Hiện nay, những đòi hỏi mới của CMCN 4.0 đã khiến các chính sách quản lý nhà nước về kế toán của quốc gia này có nhiều cải tiến, quan tâm sâu sắc đến yếu tố CNTT và bảo mật thông tin kế toán doanh nghiệp.

#### ***Kinh nghiệm Nhật Bản***

Nhật Bản là một quốc gia có hệ thống kế toán lâu đời với nhiều nét nổi bật riêng. Trong điều kiện ứng dụng Công nghiệp 4.0, lĩnh vực kế toán của Nhật Bản có nhiều thay đổi đáng kể. CMCN 4.0 với mạng internet giúp công việc kế toán tại quốc gia này không bị giới

hạn bởi khoảng cách địa lý. Điều này đã dẫn đến sự thay đổi của hệ thống chuẩn mực kế toán Nhật Bản với việc phát triển 04 bộ chuẩn mực kế toán. Trong đó, Nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung của Nhật Bản (GAAP) là một trong bốn bộ chuẩn mực kế toán mà các công ty niêm yết tại Nhật Bản hiện có thể chọn sử dụng để nộp báo cáo tài chính hợp nhất. Ba bộ chuẩn mực kế toán khác là Chỉ định IFRS, Hoa Kỳ GAAP và Tiêu chuẩn quốc tế sửa đổi Nhật Bản (JMIS). Bên cạnh đó, dữ liệu lớn (big data) cho phép tiếp cận với nguồn kiến thức vô hạn, giúp nguồn nhân lực kế toán tại quốc gia này có thể tìm hiểu bất cứ điều gì liên quan đến kế toán (Urasaki, 2014).

### **Kinh nghiệm Úc**

Úc là một trong các quốc gia sớm ứng dụng các thành tựu của CMCN 4.0 vào lĩnh vực kế toán. Vì vậy có thể nói, CMCN 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ và toàn diện đến mọi vấn đề liên quan đến kế toán của quốc gia này. Là một trong những ngành nghề phổ biến và được cần nhất ở Úc, kế toán được chú trọng đào tạo tại các trường đại học. Vì vậy, ngành đào tạo kế toán tại Úc được đánh giá cao trong bảng xếp hạng thế giới. Trong điều kiện CMCN 4.0, hình thức đào tạo kế toán online trở nên phổ biến hơn tại Úc, cung cấp nguồn nhân lực kế toán dồi dào và có chất lượng cao. Về chuẩn mực kế toán, CMCN 4.0 thúc đẩy việc sử dụng hệ thống chuẩn mực kế toán IFRS tại Úc. Tuy nhiên, chuẩn mực kế toán Úc không đơn thuần là IFRS mà đã có sự thay đổi theo hình thức A-IFRS (IFRS đã được chuyển đổi theo Úc) để phù hợp hơn với môi trường pháp lý và điều kiện kinh tế tại Úc. Về thực hành kế toán, công nghệ mới cho phép lao động kế toán tại Úc tiết kiệm được thời gian và công sức khi thực hiện công việc kế toán nhờ sử dụng các PMKT chuyên biệt.

### **Một số bài học kinh nghiệm rút ra cho Việt Nam**

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu kinh nghiệm của các quốc gia trên thế giới về ứng dụng Công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực kế toán, tác giả rút ra một số bài học kinh nghiệm cho Việt Nam cụ thể như sau:

#### **❖ Đối với hoạt động nghiên cứu và đào tạo**

Các doanh nghiệp cần chú trọng nghiên cứu và đào tạo nguồn nhân lực kế toán các kỹ năng chuyên môn và khả năng sử dụng công nghệ và khả năng sáng tạo, nhạy bén để phù hợp với những đòi hỏi của Công nghiệp 4.0. Đặc biệt, hoạt động đào tạo và bồi dưỡng cách sử dụng trí tuệ nhân tạo vào các nhiệm vụ kế toán từ đơn giản cho tới các phần mềm kế toán, phần mềm quản trị, phân tích... cần được các doanh nghiệp chú trọng hơn nữa. Việc đào tạo này còn góp phần bảo mật thông tin cho doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp cần đẩy mạnh đào tạo kiến thức và vận dụng khả năng nhận vấn đề thuộc kế toán quản trị trong doanh nghiệp, bên cạnh xu thế kế toán tài chính.

#### **❖ Đối với hoạt động ứng dụng triển khai CNTT vào hoạt động kế toán**

**Thứ nhất**, các doanh nghiệp Việt Nam cần đẩy mạnh ứng dụng CNTT mới trong hoạt động kế toán nhằm tận dụng tối đa các thành tựu mà Công nghiệp 4.0 mang lại. Các doanh nghiệp không những phải nắm vững các chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam mà còn phải nắm vững, hiểu rõ các chuẩn mực kế toán quốc tế trong bối cảnh hội nhập hiện nay.

**Thứ hai**, trên cơ sở hành lang pháp lý sẵn có, chuẩn mực, chế độ kế toán hiện hành, các doanh nghiệp cần chủ động xây dựng chính sách kế toán riêng của mình trên cơ sở tích

cực ứng dụng Công nghiệp 4.0. Giải pháp này góp phần nâng cao chất lượng kế toán doanh nghiệp do hoạt động này được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế của doanh nghiệp.

**Thứ ba**, trong điều kiện Công nghiệp 4.0, việc triển khai các công việc liên quan đến kế toán có thể được thực hiện tự động hóa. Tuy nhiên, các doanh nghiệp vẫn cần đề cao yếu tố con người trong quy trình triển khai ứng dụng công nghệ để kiểm tra, phân tích, thậm chí đưa ra những đánh giá cho tình hình tài chính hiện tại và tương lai của doanh nghiệp.

**Thứ tư**, các doanh nghiệp Việt Nam cần nỗ lực đầu tư xây dựng một đội ngũ nhân viên kế toán có năng lực, phát triển hệ thống công nghệ có đảm bảo xử lý và lưu trữ toàn bộ dữ liệu một cách đầy đủ, chính xác, và đảm bảo tuân thủ các chuẩn mực kế toán hiện hành tại Việt Nam.

**Thứ năm**, trong điều kiện Công nghiệp 4.0, internet và điện toán đám mây có thể dẫn đến rủi ro mất dữ liệu kế toán. Vì vậy, các doanh nghiệp cần đặc biệt quan tâm đến vấn đề này. Cụ thể, các doanh nghiệp cần phải chuẩn bị cơ sở hạ tầng CNTT tốt hơn nữa, đặc biệt là vấn đề bảo mật an ninh mạng.

#### ❖ *Đối với Nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kế toán và liên quan*

**Thứ nhất**, nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kế toán cần xây dựng và bổ sung một số chuẩn mực kế toán phù hợp với thực tiễn kế toán tại Việt Nam, chuẩn mực kế toán quốc tế hiện hành và cuộc CMCN 4.0. Để thực hiện được giải pháp này, Bộ Tài chính, các hiệp hội nghề nghiệp, các công ty dịch vụ kế toán, kiểm toán, các trường đại học... cần có sự phối hợp chặt chẽ về mặt chuyên môn để có thể xây dựng hệ thống chuẩn mực kế toán có chất lượng.

**Thứ hai**, nhà nước và các cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động kế toán cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực thi pháp luật, chuẩn mực, chế độ kế toán hiện nay của các doanh nghiệp. Đồng thời, nhà nước cần triệt để xử lý những sai phạm liên quan đến ứng dụng Công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực kế toán nhằm duy trì chất lượng của hoạt động này.

**Thứ ba**, nhà nước cần chú trọng xây dựng cơ sở hạ tầng và CNTT để đảm bảo ứng dụng hiệu quả Công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực kế toán. Nhà nước và các cơ quan quản lý cũng cần nâng cao trình độ nguồn nhân lực kế toán, kiểm toán quốc gia để bảo đảm sự hiểu biết và giải thích đúng đắn về các chuẩn mực kế toán hiện hành. Ngoài ra, các cơ quan quản lý cần đẩy mạnh hỗ trợ các doanh nghiệp tiếp cận và sử dụng các giải pháp phần mềm để nâng cao chất lượng kế toán.

**Thứ tư**, các trường đại học, các tổ chức, trung tâm trong nước và quốc tế đào tạo nguồn nhân lực kế toán cần chủ động xây dựng chương trình đào tạo nguồn nhân lực kế toán đáp ứng tốt các đòi hỏi của Công nghiệp 4.0. Các hội thảo về ứng dụng Công nghiệp 4.0 vào lĩnh vực kế toán cần được triển khai thường xuyên để tạo điều kiện tích cực trao đổi và tiếp thu kinh nghiệm từ các quốc gia có hệ thống kế toán phát triển cũng như các tổ chức ban hành chuẩn mực quốc tế.

---

#### Tài liệu tham khảo:

Giáo trình “*Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*”, NXB Tài chính, Học viện Tài chính  
Deloitte (2015), “*Industry 4.0. Challenges and solutions for the digital transformation and use of exponential technologies*”, Deloitte AG, Zurich.

# Vấn đề sa thải nhân viên hàng loạt ở các tập đoàn trên thế giới - khuyễn nghị cho Việt Nam

Nguyễn Bùi Thùy Dương - CQ59/11CLC2; 11.03CLC

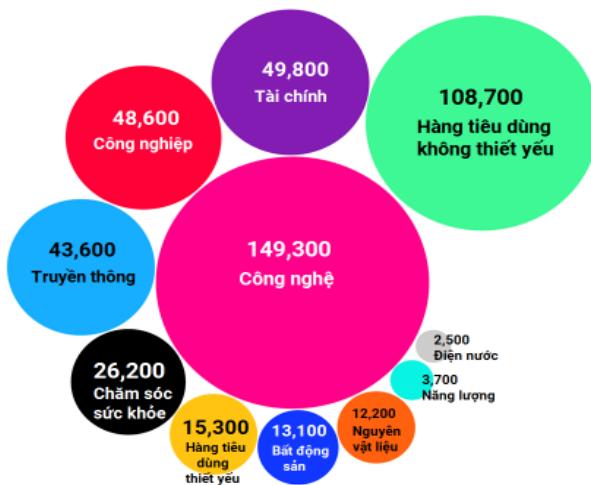
Tори điểm từ cuối năm 2022, chính xác hơn là sau đại dịch Covid-19 diễn ra, là một khoảng thời gian khủng hoảng về nhân sự của nhiều ngành nghề trên thế giới, làn sóng thất nghiệp, sa thải hàng loạt đang thực sự là một vấn đề nóng trên toàn cầu và thường được gọi với cái tên phổ biến hơn là “Làn sóng Layoff”. Vấn đề này có ảnh hưởng rất lớn đến nền kinh tế của thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng, nhất là Nước ta đang trong giai đoạn hội nhập thế giới và đưa các doanh nghiệp Việt vươn tầm thế giới.

## Thực trạng của làn sóng sa thải nhân viên hàng loạt ở các tập đoàn lớn trên thế giới?

Sau khi trải qua những năm “đau đầu” vì đại dịch Covid-19, tình hình kinh tế thế giới vẫn tiếp tục “bấp bênh”. Từ đó, thị trường lao động gặp phải nhiều khó khăn khi làn sóng layoff bắt đầu xuất hiện nhất là trong lĩnh vực công nghệ. Theo số liệu của trang *Layoffs.fyi* - một trang web chuyên theo dõi các quá trình sa thải trong ngành công nghệ, lĩnh vực này bắt đầu chứng kiến làn sóng sa thải vào năm 2022 với 161.061 nhân viên thuộc 1.046 công ty; hơn một nửa trong số đó chỉ xảy ra vào hai tháng cuối cùng của năm. Đầu năm 2023, các công ty về công nghệ đồng loạt sa thải nhân viên, 5 công ty cho thôi việc nhiều nhân viên nhất là Google, Meta, Microsoft, Amazon và Ericsson. Theo thông số từ Layoffs.fyi, tình hình sa thải nhân viên của các doanh nghiệp công nghệ trên toàn thế giới như: Tháng 1: 84.714 nhân viên bị sa thải, tháng 2: 36.491 nhân viên bị sa thải, tháng 3: 37.109 nhân viên bị sa thải, tháng 4: 17.926 nhân viên bị sa thải, tháng 5: 14.555 nhân viên bị sa thải...

Các công ty công nghệ khác ở châu Á cũng không miễn nhiễm với làn sóng này. GoTo Group (Indonesia), Carousell, Foodpanda (Singapore), Kakao và Naver (Hàn Quốc) đã cắt giảm mạnh nhân sự trong vài tháng qua, lĩnh vực tài chính với Goldman Sachs đã cho thôi việc hơn 3.200 nhân viên vào hồi đầu năm vừa qua, một sự cắt giảm đáng kể đối với ngân hàng này trong tình hình kinh tế không mấy khả quan, ngành dược phẩm như CVS cũng đã phải cắt giảm khoảng 5.000 nhân sự. Như trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe, mức sa thải trung bình là 21% với hơn 130 đợt cho thôi việc. Tỷ lệ trên chủ yếu do những đợt cắt giảm nhân sự lớn tại các công ty khởi nghiệp nhỏ như Rubius Therapeutics Inc., công ty này đã sa thải đến hơn 80% nhân viên vào tháng 11/2022.

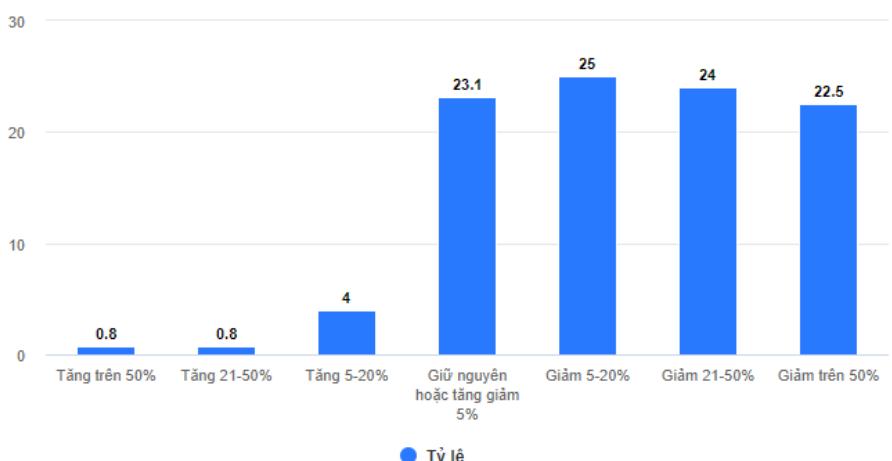
**Dữ liệu về số lượng nhân viên bị sa thải trên toàn thế giới được chia theo các lĩnh vực  
tính từ 1/10/2022 đến 20/03/2023**



Theo tờ Bloomberg

Quay trở lại với tình hình trong nước, trong thời kì dịch bệnh Covid - 19 Việt Nam được coi như là một điểm sáng của nền kinh tế Đông Nam Á, tuy nhiên trước những thách thức về kinh tế cho toàn thế giới, nước ta cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều. Báo cáo trước phiên chất vấn tại kỳ họp 5, Bộ trưởng Lao động Thương binh và Xã hội Đào Ngọc Dung cho biết số lao động trong doanh nghiệp bị ảnh hưởng nửa đầu năm 2023 là gần 510.000 người. Trong đó, công nhân ngành dệt may bị sa thải nhiều nhất trong 5 tháng đầu năm do kinh tế khó khăn với 70.000 lao động, tiếp đến là linh kiện điện tử 45.000 lao động và da giày 31.600 lao động. Hơn nữa, khoảng 5.200 trong số gần 9.560 doanh nghiệp được khảo sát cho biết sẽ cắt giảm trên 5% lao động từ nay đến hết năm 2023.

**Dự kiến quy mô doanh nghiệp trên toàn quốc từ 4/2023 đến 12/2023**



Theo VnExpress

## Vậy đâu là nguyên nhân chính dẫn đến làn sóng sa thải mạnh mẽ, có ảnh hưởng vô cùng tiêu cực đến nền kinh tế như vậy?

Đầu tiên ta phải nhìn nhận những nguyên nhân chính của làn sóng này trong lĩnh vực công nghệ - lĩnh vực bị ảnh hưởng đầu tiên và cũng bị ảnh hưởng nhiều nhất. Các công ty công nghệ lớn đã được hưởng lợi từ sự bùng nổ chi tiêu trực tuyến và làm việc từ xa bắt đầu trong thời gian phong tỏa do đại dịch Covid - 19 vào năm 2020. Nhưng năm 2023, nhiều doanh nghiệp trong số này báo cáo tốc độ tăng trưởng doanh nghiệp đáng thất vọng, giá cổ phiếu sụt giảm khi người tiêu dùng quay trở lại cuộc sống bình thường. Lãnh đạo của các công ty công nghệ cho rằng họ đã mở rộng quá nhanh và đang phải tìm cách cắt giảm chi phí trong bối cảnh tình hình kinh tế nhiều rủi ro. Mặc dù đã cố gắng không để xảy ra tình trạng sa thải hàng loạt tuy nhiên nhiều gã khổng lồ cho biết họ buộc phải đưa ra quyết định sa thải nhân viên để công ty có thể thích ứng với môi trường kinh tế nhiều bất ổn như hiện nay, hay còn được gọi là hoạt động tái cấu trúc có mục tiêu. Nhìn nhận một cách khách quan, việc tuyển dụng quá mức trong thời kì dịch bệnh là một lí do; ngoài ra các công ty công nghệ lớn đang đối mặt với nền kinh tế vĩ mô không chắc chắn nên họ phải hành động để cắt giảm chi phí sự để đáp ứng nhu cầu nền kinh tế vĩ mô trong giai đoạn có nhiều thách thức hơn so với 2 năm trước. Tuy nhiên nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng làn sóng này đã phần nào được dự đoán trước.

Ngân hàng Thế giới (WB) và Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) cũng cảnh báo rằng các nền kinh tế cần chuẩn bị cho sự suy giảm kinh tế. Các công ty trên toàn cầu nói chung đa phần đang phải giải quyết hệ quả của việc gia tăng lãi suất, lãi suất cao hơn cũng có nghĩa chi phí rủi ro cao hơn. Trong khi đó nền kinh tế luôn tiềm ẩn những rủi ro, tất cả những vấn đề liên quan đến tài chính trong một doanh nghiệp đều đặt cược vào tương lai, các doanh nghiệp luôn hi vọng những quyết định của họ là những ý tưởng sẽ mang lại lợi nhuận vào thời điểm nào đó. Tuy nhiên, chi phí chờ đợi đã tăng rất nhiều trong 2 năm vừa qua và họ đang phải đánh giá lại các khoản đầu tư, chi phí lao động cũng như chiến lược kinh doanh.

### Giải pháp quản trị nhân sự trong làn sóng sa thải

#### Về phía người lao động

*Thứ nhất*, người lao động cần chủ động theo dõi tin tức và thông tin về công ty của họ nói chung và ngành nghề của họ nói riêng. Điều này ít nhiều giúp họ có sự chuẩn bị trước về mọi mặt với các tín hiệu hay dấu hiệu tiềm năng về sa thải. Hơn nữa, họ cần cân nhắc cũng như đánh giá rất kỹ tình hình tài chính cá nhân từ đó xây dựng một kế hoạch chi tiêu cũng như tiết kiệm một cách hợp lý để đối phó với những tình huống khó lường về sau.

*Thứ hai*, bản thân mỗi nhân viên cần tự có ý thức đầu tư vào việc nâng cao kỹ năng của bản thân cũng như luôn sẵn sàng đổi mới, cập nhật để bắt kịp xu thế của thời đại, nhờ đó thì họ mới có thể tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường lao động. Ngoài ra, học hỏi và phát triển bản thân sẽ giúp họ tiến bộ hơn trong nhiều khía cạnh của đời sống từ đó có thêm cơ hội mới sau khi layoff xảy ra

*Thứ ba*, người lao động cần chuẩn bị tâm lý tích cực và sự nhạy bén trong tư duy để có thể xử lý càng tình huống layoff một cách tốt nhất có thể. Nhờ vậy, họ có thể tìm ra những cánh cửa mới để có những thay đổi trong sự nghiệp. Cuối cùng, họ cần dành thời gian để tìm hiểu về các nguồn hỗ trợ công cộng hoặc tổ chức xã hội phi lợi nhuận có thể cung cấp thông tin đồng thời hỗ trợ cho những người bị sa thải.

### **Về phía doanh nghiệp**

*Thứ nhất*, doanh nghiệp cần nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp thông qua xây dựng đội ngũ nhân tài là giải pháp mà các doanh nghiệp nên chú trọng hiện nay. Thế giới đang trải qua thời kì nền kinh tế vĩ mô không ổn định, vì vậy, các doanh nghiệp cần có chính sách nhân sự hợp lí kết hợp với việc đào tạo, cải thiện kiến thức và kỹ năng liên tục cho đội ngũ nhân sự, điều này vừa giữ chân được nhân tài, vừa nâng cao được giá trị công ty.

*Thứ hai*, bằng việc chuẩn bị các phương án dự phòng kết hợp với đào tạo nhân lực phù hợp, chú trọng vào chuyên môn cũng như công nghệ, các doanh nghiệp không chỉ thích ứng được với sự thay đổi của thế giới, mà còn tạo được những bước đà từ đó gặt hái được nhiều thành công trước những thách thức. Qua đó, có thể giúp công ty từng bước phát triển lớn mạnh, khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực kinh doanh.

### **Đề xuất với Chính phủ**

*Thứ nhất*, do nhiều người ngay sau khi bị mất việc đã nghĩ đến việc rút bảo hiểm xã hội, điều này làm ảnh hưởng rất nghiêm trọng đến chính sách an sinh xã hội của Việt Nam. Do đó, chính phủ nên có những chính sách bảo hiểm xã hội cần có sự hỗ trợ kịp thời từ bảo hiểm thất nghiệp và các chương trình hỗ trợ thất nghiệp khác.

*Thứ hai*, cần thông qua tổ chức tín dụng, công đoàn có thể tạo điều kiện cho người lao động vay với lãi suất ưu đãi để giải quyết những thách thức trước mắt và mở ra những cơ hội mới. Để giải quyết bài toán sa thải hàng loạt, chính phủ cũng đã có những hành động cứu nguy kịp thời cho doanh nghiệp qua chính sách hỗ trợ doanh nghiệp...

### **Tài liệu tham khảo:**

Vì sao công ty công nghệ đồng loạt sa thải nhân viên; <https://vnexpress.net/vi-sao-cong-ty-cong-nghe-dong-loat-sa-thai-nhan-vien-4563916.html>

VTB.vn - Tờ Bloomberg đưa tin, Goldman Sachs đang có kế hoạch cắt giảm 3.200 nhân sự trong tuần này,

<https://vtv.vn/kinh-te/lan-song-sa-thai-lan-sang-ca-ong-lon-tai-chinh-ngan-hang-20230109104647955.htm>

Lao động dệt may ánh hưởng nặng nề nhất trong làn sóng cắt giảm, <https://vnexpress.net/lao-dong-det-may-anh-huong-nang-ne-nhat-trong-lan-song-cat-giam-4613473.html>

(4).<https://dantri.com.vn/kinh-doanh/the-gioi-dang-chung-kien-lan-song-sa-thai-manh-me-chua-tung-co-20230323105113501.htm>

# Nghiên cứu khoa học sinh viên Tập 10/2023



*Chịu trách nhiệm xuất bản*

**PHAN ĐỨC CHÍNH**

*Chịu trách nhiệm nội dung*

**NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH**

*Tham gia biên tập số này:*

1. PGS. TS. NGÔ THANH HOÀNG
2. PGS. TS. LÊ XUÂN TRƯỜNG
3. PGS. TS. HÀ MINH SƠN
4. PGS. TS. NGÔ THỊ THU HỒNG
5. TS. LUU HỮU ĐỨC
6. TS. NGUYỄN THỊ THÚY NGA
7. TS. NGUYỄN HỮU TÂN
8. TS. NGUYỄN HỒNG CHỈNH
9. TS. NGUYỄN TIẾN ĐỨC

**Trình bày và thực hiện**  
**BAN QUẢN LÝ KHOA HỌC**

Thiết kế bìa  
**Bùi Dũng Thắng**